diễn đàn

Số 77 / 1.9.1998 ISSN 1164-2378

F O R U M

Georges Rouault, *Christ flagellé* (1905)

mục lục

2 Bạn đọc và *Diễn Đàn*

Thời sự & những vấn đề

1 Nội lực ở đâu ? Bùi Mộng Hùng
5 Tin tức
6 Đọc báo trong nước : Giáo dục
8 Những người lớn không đàng hoàng Đặng Hoàng

Hồ sơ đặc biệt

14 Thư của 10 đảng viên lão thành
16 Báo cáo **Tương lai** về vụ Thái Bình H.V.

Văn hoá & khoa học & nghệ thuật

20 Phỏng vấn Lê Đạt Phan Tam Khê
23 Đọc Thời Đại số 2 Nguyễn Ngọc Giao
24 Mondial 98, tại sao Pháp thắng ? Tiền Đạo
27 Hội hoạ : đâu là giá trị đích thực ? Văn Ngọc
29 Những giọt trầm (truyện ngắn) Lê MinhHà

Nội lực ở đâu
hay
đi tìm lại cái chính trị

Bùi Mộng Hùng

Từ đầu năm nay các vị lãnh đạo đảng và nhà nước thay nhau mà kêu gọi " phát huy nội lực ". Thủ tướng Phan Văn Khải đã đề cập vấn đề trong cuộc gặp mặt với giới doanh nghiệp và giới khoa học - công nghệ hồi tháng giêng, rồi tổng bí thư Lê Khả Phiêu trang trọng nhấn mạnh tại cuộc toạ đàm với báo chí quốc tế ngày 5.5.98, chủ tịch quốc hội Nông Đức Mạnh lại nhắc nhở " phát huy nội lực " là *" yêu cầu bức xúc của cuộc sống "* trong diễn văn bế mạc quốc hội.

Tình thế đã xoay vần cách nào để mà cả ba vị lãnh đạo tối cao phải nghiêm trọng đặt vấn đề này ?

Trong thời gian qua, đồng bào trong nước không ngớt cật lực lao động để cho kinh tế phát triển với một tốc độ cao trong nhiều năm liền ; vẫn chưa phải là phát huy được nội lực hay chăng ? Vì sao ?

Đâu là những hướng đi tìm lại nội lực, cái sức mạnh tổng hợp tiềm tàng của cả dân tộc ấy ?

Đó là các vấn đề bài báo này thử tìm hiểu, dĩ nhiên là một cách vô cùng sơ lược.

I. Những biến chuyển tình thế khu vực

Chỉ một năm thôi, kể từ ngày đồng bạt Thái Lan bị phá giá vào tháng 7.1997, mở đầu cho cuộc khủng hoảng tiền tệ và tài chính ở Á châu, nhìn lại quang cảnh đã biết bao thay đổi. Chẳng riêng gì về kinh tế. Mà tất cả mọi lĩnh vực, xã hội, chính trị, đang dao động, xáo trộn khắp trong khu vực Đông Á.

Mà nào đã hết đâu ! Giới quan sát đang phập phồng lo ngại một đợt khủng hoảng tiếp theo, Trung Quốc phá giá đồng nhân dân tệ, ảnh hưởng tai hại cho các nước còn đang ngoi ngóp chưa thoát ra khỏi cơn suy thoái. Và tác động không lường được vào nền kinh tế của cả thế giới.

(xem tiếp trang 10)

Bạn đọc và Diễn Đàn

Biết tới bao giờ...

Tôi bây giờ sống hơi yên phận của một ngươi dưới tỉnh. Yên phận nhưng đôi khi cũng ngứa ngáy chân tay nhớ lại thời sôi nổi. Vừa qua nhân một tổ chức Phật giáo phi chính trị thiếu quân, vợ chồng tôi có nhận lời giúp tổ chức và dàn dựng một số tiết mục mà tôi vẫn làm ngày còn sinh viên. Đêm diễn thành công nhưng cũng có người bạn cũ nhắn nhủ tới rằng tôi thì lập trường không rõ ràng, ngày xưa từng làm văn nghệ cho bên này, giờ lại đi giúp văn nghệ cho bên kia. Quên không nói rõ là vợ tôi thuộc diện qua sau 1975, và cũng từng làm văn nghệ cho *bên kia* trong khi bọn mình đang hăng say làm văn nghệ cho *bên này*. Hơn 20 năm sau khi chiến tranh chấm dứt, không biết tới chừng nào những người tự nhận là đồng hương Việt Nam mới không còn phân biệt *bên này* với *bên kia* ? (...)

Là một độc giả lâu năm của Diễn Đàn, tôi bao giờ cũng trân trọng những bài viết đã được đăng. Đó là tấm lòng của những người viết (chùa) và đọc (có trả tiền mua) của tờ báo. Tôi đặc biệt rất thích những bài như *Thư viện F. Mitterrand* hay *Lê Lợi giết Lê Lai*... vì chúng có những cá tính của bài viết của người đọc, như một bông hoa lạ trong một vườn hoa quen. Dám mong những bài viết nghiệp dư này sẽ được đón tiếp nồng thắm hơn, cho dù chúng có nhiều sơ sót hơn những bài " chuyên nghiệp ".

Có bạn đọc than phiền là *Diễn Đàn Forum* không có nhiều bạn đọc viết. Có lẽ tôi cũng là một trong những bạn đọc " muốn mà không dám " viết cho DĐF. Trình độ hiểu biết và uy tín cá nhân của từng người trong ban biên tập của báo đáng kính nể, đó là một điểm mạnh bảo đảm " nội lực " của tờ báo. Nhưng tờ báo cũng có cái vẻ nghiêm trang đạo mạo của một người trí thức luôn luôn mang kính trắng, khiến cho những kẻ xuất thân từ chốn bình dân ca kịch đoàn như tôi đâm ra kính mà không dám gần (" kính mà nên xa " ?).

Theo chỗ tôi được biết, hơn 90 phần trăm những người Việt ở Pháp là những người lao động chân tay, mặc dù có nhiều người trong đó đã từng là sĩ quan chẳng hạn ở Việt Nam trước năm 1975. Theo thiển ý, có lẽ *Diễn Đàn* nên tăng cường những bài viết có tính chất văn hoá nhưng bình dân, như những bài *Bồ đào mỹ tửu* hay *Mũ phở khăn rằm*măm nào. Thứ nhất những bài này mang tới những người đọc trung bình (lecteurs moyens) như tôi những hiểu biết thực tiễn và lý thú, thứ nữa chúng có thể sẽ làm cho tờ báo thêm phần gần gũi, thân tình với bạn đọc.

M. Giang (*Plaisance du Touch*, Pháp)

✉ *Biết nói sao bây giờ ? Cái hội chứng bể đồng hồ (tâm lý) năm 1975 vẫn còn ám ảnh nhiều đồng bào. Thôi thì xin chúc anh chị tiếp tục thỉnh thoảng ngứa ngáy chân tay, lâu lâu cùng mắc võng trên rừng Trường Sơn, hai đứa ở hai đầu xa thẳm...*

Còn về tờ báo, chúng tôi cũng chẳng biết nói sao. Đề nghị của anh rất xác đáng, nhưng cái tạng biên tập viên nó như thế, lại vào cái tuổi tri thiên mệnh *hầu hết cả rồi, thật khó mà sửa. Lý tưởng ra, bên cạnh tờ báo của đồ gàn và cho đồ gàn này, nên có một, hai hay nhiều tờ báo khác...*

NHẮN TIN : anh James DO (*California*, Hoa Kỳ). Đang lên khuôn trang báo này, thì nhận được thư điện tử của anh góp ý kiến về *Việt Nam trên mạng*. Xin đăng số sau. Trong khi chờ đợi, anh có thêm địa điểm nào hay trên mạng WEB, xin cứ tiếp tục bổ sung. Trang web của *Diễn Đàn* đang làm thử, chỉ kẹt vấn đề các bộ chữ. Bao giờ xong sẽ trình làng.

SÁCH MỚI

Thế Uyên, ***Không một vòng hoa cho người chiến bại***, truyện dài, Nhà xuất bản Xuân Thu (PO Box 97, Los Alamitos, CA 90720), 1998, với phụ lục *Đàm thoại với Nguyễn Mạnh Trinh*, 350 trang, giá bán tại HK : 15 USD.

Đây là tác phẩm được in thứ 29 của nhà văn Thế Uyên Nguyễn Kim Dũng. Nhân vật chính xưng *tôi*, nhưng tác giả nhấn mạnh đây không phải là hồi ký, mà là truyện dài, " đời thường " phiêu bạt của những con người " với tất cả thăng trầm yêu đương tình dục của họ ". *Tình dục* là chữ trong lời ghi chú đầu sách (trang 10). Ở phụ lục (tr. 320), Thế Uyên dùng chữ chính xác hơn : *tính dục*.

Hội Phật Tử Việt Nam tại Pháp

Trúc Lâm thiền viện

9 rue de Neuchâtel, 91140 VILLEBON sur Yvette

Tél 01 60 14 58 15

Ủng hộ Học viện Phật giáo tại Huế

Thứ bảy 12-9-1998

10 giờ : *Thượng toạ* ***Thích Chơn Thiện****, Phó viện trưởng Học viện PGVN tại Huế, thuyết pháp và nói về sinh hoạt của học viện*

12 giờ : *cơm chay* (giá ủng hộ : từ 100 F mỗi phần ăn, sinh viên : 60 F)

Quý vị có thể ủng hộ bằng cách gửi ngân phiếu (đề tên A.B.V.F.) về Trúc Lâm thiền viện (đằng sau ghi rõ : *Quỹ Học viện Huế*).

N.Q.T. OPTIQUE

Melle NGUYEN QUANG

opticien diplômé

SPECIALISTE VARILUX

Remise 20 % : verres Essilor, lentilles jetables, montures & solaires de grandes marques, loupes jumelles thermomètres

Montures en promotion jusqu'à 50 % et autres remises non cumulables.

Heures d'ouverture : matin 9 h 30 à 13 h

après-midi 14 h 30 à 19 h 00

(fermé samedi après-midi & lundi matin)

137 Boulevard de Grenelle, 75015 PARIS, Tél : 01 45 66 93 27

Métro : Cambronne ou La Motte Picquet Grenelle ; Bus : 49, 80.

Vài ý kiến về quan hệ Giáo hội Ki-Tô và Chính quyền Việt Nam

Việt Trân

1) Trong nhiều ngày và nhiều lần, báo chí và đài phát thanh (ở Pháp) có đưa tin về cuộc hành hương La Vang nhân dịp kỷ niệm 200 năm Đức Mẹ Maria hiện ra tại nơi này. Tôi có cảm tưởng là một số người trông chờ một va chạm ngoạn mục sẽ xảy ra giữa Chính quyền và Giáo hội Ki-Tô giáo Việt Nam và sẽ nắm lấy thời cơ này để tạo ra chia rẽ trầm trọng giữa đôi bên và tạo thêm khó khăn trong nội bộ Việt Nam mà nạn nhân trước hết là tín đồ Ki-Tô giáo, và sau đó để lên án chính quyền là đàn áp tôn giáo. Tôi rất mừng khi được biết là mọi sự đã xuôi chảy tốt đẹp. Nhân dịp này, một đài phát thanh Paris phỏng vấn một linh mục thừa sai Pháp, thay vì phỏng vấn một linh mục hay giám mục Việt Nam, hoặc một vài tín đồ Việt Nam. Tôi nghĩ đây là một việc làm vô tư nhưng vô ý thức cả hai phía, nếu không phải là một tác động khiêu khích. Giáo hội Ki-Tô giáo Việt Nam đã trưởng thành và hoàn toàn độc lập, không còn lệ thuộc Hội Thừa sai Paris, ngang hàng với giáo hội của các nước khác trên thế giới. Và chưa bao giờ Giáo hội hoặc giám mục, linh mục, giáo hữu Ki-Tô giáo lên tiếng phê bình hoặc dạy đời khi có những hiện tượng không đẹp xảy ra nơi này, nơi khác trong các nước phương Tây, như trường hợp Hồng y Daniélou chết trong một nhà gái điếm, hay những linh mục hiếp dâm trẻ em, hoặc giết một phụ nữ mang thai với mình, mổ bụng nạn nhân lôi bào thai ra đập nát. Hoặc mới đây trường hợp một giám mục ở Naples (Ý Quốc) đem tiền của Nhà Chung đưa cho ông em cho vay nặng lãi.

2) Nhân tiện đây, thiết nghĩ hàng giáo phẩm Việt Nam nhất là Hồng y Việt Nam, mỗi khi qua, hoặc đi ngang Paris, cần nơi trú ngụ, nên giao thiệp thẳng và ngang hàng với Toà Tổng giám mục Paris, chứ đừng về ngụ tại Hội Thừa sai Paris, để tránh tiếng là Giáo hội Việt Nam còn thần phục Hội này. Nếu chỉ vì vấn đề tài chính (ở toà Tổng giám mục Paris, tiền thuê phòng đắt hơn) thì phải tính chuyện *giao hảo, có đi có lại*, bình đẳng, khi nào Hồng y, Tổng giám mục, Giám mục, linh mục Pháp qua Việt Nam thì sẽ trú ngụ miễn phí tại Toà Tổng giám mục Hà Nội và Nhà chung Hà Nội.

3) Mới đây được biết Giám mục Nguyễn Văn Thuận được bầu (hay chỉ định) làm chủ tịch Uỷ ban Công lý và Hoà bình. Sau khi ông Nguyễn Văn Thuận không được chính quyền Việt Nam chấp thuận kế vị Tổng giám mục Nguyễn Văn Bình sau khi Đức cha Bình từ trần. Việc từ chối này đã tạo căng thẳng trong quan hệ giữa Vatican và chính phủ Việt Nam trong một thời gian dài. Nay đã tạm yên. Hồi đó, tuy chưa gặp và quen Đức Cha Phạm Đình Tụng, tôi có được gặp và trao đổi với Đức Khâm mạng Toà thánh tại Paris. Và tôi đã nói với vị Khâm mạng Toà thánh là phải đặt quyền lợi của hơn 7 triệu người Ki-Tô giáo Việt Nam cao hơn việc làm áp lực với Việt Nam, quyết tâm bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Thuận cho kỳ được. Giữa Toà thánh Vatican (cũng là Nhà nước) với Nhà nước Việt Nam chưa có quan hệ bình thường giữa hai nước độc lập, có chủ quyền, như giữa Vatican và mọi Nhà nước khác trên thế giới. Việt Nam là một nước độc lập, có chủ quyền, không còn là một thuộc địa của Pháp. Tôi nghĩ đằng sau những vụ việc này, có ảnh hưởng của Ban Thư ký đặc trách về Việt Nam dưới quyền của Đức Giáo hoàng. Và tại nơi đây có một vài linh mục gốc Bùi Chu, Phát Diệm trước kia. **Tôi thành thực mong rằng Đức Giáo hoàng Jean Paul II**, một vị Giáo hoàng được cả thế giới đặc biệt kính trọng, đã tỏ ra can đảm và sáng suốt trong nhiều sự việc, và nhất là thiện cảm của Ngài đối với dân nghèo và yếu thế trên khắp thế giới, **nên tìm hiểu kỹ hơn** Giáo hội Việt Nam và thực tế Việt Nam để thận trọng và tế nhị hơn khi đề cập đến Việt Nam và người dân Việt Nam theo Ki-Tô giáo. **Cần phải xoá bỏ những nghi kị từ lâu giữa những cộng đồng tôn giáo tại Việt Nam cũng như giữa Giáo hội và giáo hữu Việt Nam với chính quyền nước Việt Nam. Những nghi kị này đã tạo ra nhiều đau khổ cho người Ki-Tô giáo tại Việt Nam trong nhiều chục năm, từ 1945 đến bây giờ, cũng như từ khi những nhà truyền giáo nước ngoài đến truyền giáo tại Việt Nam. Trong thời gian chiến tranh giành độc lập chống lại mưu toan tái chiếm thuộc địa trước kia, đã có những quân đội thân binh của hai giáo phận Bùi Chu và Phát Diệm, và những đơn vị UMDC của " đại tá " Leroy ở Bến Tre đứng vào hàng ngũ quân viễn chinh Pháp, gây bao nhiêu đau khổ cho dân những vùng này, và chồng chất nghi kị giữa những người Việt Nam với nhau. Sau đó, lại kế tiếp đến chế độ Ngô Đình Diệm, do sự cao ngạo của anh em Ngô Đình, đặc biệt của TGM Ngô Đình Thục đã đưa đến vụ Phật Giáo tại Huế, sau lan tràn khắp miền Nam. Hậu quả ngay khi đó là cái chết của ba ông Diệm, Nhu, Cẩn do tay mấy ông khố xanh, khố đỏ cũ do ông Diệm và ông Nhu đưa lên cấp bậc đại tá, trung tá và tướng lĩnh...** Chúng tôi đã phải một mặt giải thích với anh em Phật giáo trong nước và tại Miên, Lào và đã gửi thư yêu cầu Đức Giáo hoàng Jean XXIII rút TGM Thục về Roma để tránh cho giáo hữu Ki-Tô Việt Nam khỏi đau buồn và căm thù nếu thấy một vị Tổng giám mục bị hành hung hay ám sát như việc đã xảy ra sau đó với ba anh em ông Diệm. Chính Đức Giáo hoàng Jean XXIII có lên tiếng quan tâm và buồn phiền của Ngài trước những biến cố xảy ra tại Huế và sau đó. Và khi đi ngang qua Roma, Bà Nhu, người phụ nữ lăng loàn,

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ
Tổng biên tập : Hà Dương Tường
Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Văn Ngọc.
Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :
Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ, Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyên Thắng, Hàn Thuỷ, Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Vân, Hoà Vân

đã lớn tiếng thoá mạ Ngài Jean XXIII là " ngu, không biết gì ! ". Cũng như tôi đã trao đổi thư từ với thượng nghị sĩ John F. Kennedy từ trước khi ông ra tranh cử tổng thống, và sau đó yêu cầu một người bạn cũ, đại sứ Edmund Gullion lúc đó là đại sứ Mỹ và đại diện đặc biệt của tổng thống Kennedy tại Zaïre, và thượng nghị sĩ William Fulbright chuyển lời yêu cầu ông Kennedy rút lại sự ủng hộ của Huê Kỳ đối với ông Ngô Đình Diệm, dời ông Ngô Đình Nhu và vợ ra khỏi Việt Nam, và tìm một giải pháp với Việt Nam.

Tại sao, trước Đức Giáo hoàng Jean XXIII và sau Ngài, Toà thánh Vatican không đưa ra một lời can thiệp nào để tránh cho nước và nhân dân Việt Nam những tang tóc, xương máu và đổ vỡ vì mưu toan tái chiếm thuộc địa một bên, và cuộc chiến đấu phải có để giành độc lập và chủ quyền bên kia ? Tại sao Giáo hoàng Pie XII đã im hơi lặng tiếng làm ngơ trước một thảm hoạ như vậy ? Cũng như vị Giáo hoàng này đã làm ngơ, không một lời can thiệp vụ Đức quốc xã giết hại những người Do Thái ? Ngày nay, chính Đức Giáo hoàng Jean Paul II và các Giáo hội Tây phương đã nói lên ý tiếc, và xin lỗi Dân Do Thái. Phải chăng vì Dân Do Thái là " Dân của Chúa " (*Peuple de Dieu*) và Chúa là " Chúa của Dân Do Thái " (Dieu d'Israël) như trong Thánh Kinh đã nói từ hai ngàn năm nay ? Vậy Dân Việt Nam là " Dân của Quỷ " hay sao ? Và Chúa không phải là Chúa của Vũ trụ, đã tạo nên vũ trụ và muôn loài muôn vật ?

Mong rằng việc chỉ định ông Nguyễn Văn Thuận không xuất phát từ ẩn ý cho phép ông này đến Việt Nam hoặc đụng chạm đến vấn đề gì của Việt Nam, và người dân Việt Nam, kể cả giáo hữu Việt Nam, cũng chưa quen tính tình và tác phong cao ngạo, kiêu căng của vị này, người cháu của TGM Ngô Đình Thục mà mọi người đã được xem hình trên báo *Time* và *Newsweek* với điếu xì gà ngậm trên miệng, thời gian ngắn trước khi ông Diệm bị lật đổ và hạ sát.

4) Tôi cũng đề nghị từ nay người Ki-Tô giáo nên tự nhận mình là *giáo hữu* hơn là *giáo dân* hay là *dân Chúa*. Vị trí của người Ki-Tô giáo (không phải là Công giáo, vì chữ *Công giáo* có tiềm tàng ý nghĩa là *Đạo Công*, đạo của Nhà nước bảo hộ khi xưa), là vị trí của những người dân, như mọi người dân khác, bất kể theo tín ngưỡng, triết lý, hay lý tưởng nào, trong đại cộng đồng người Việt. Không thể tách mình ra khỏi đại cộng đồng này. Và có trách nhiệm, bổn phận và quyền công dân như mọi công dân khác.

Cũng nhắc lại nơi đây lời tuyên bố thẳng thừng của mấy vị giám mục và tổng giám mục châu Á mới đây : *Chúng tôi là những giám mục của các địa phương ; chúng tôi không phải là chi nhánh của công ti Vatican.* Thẳng thắn, có ý thức và đáng kính trọng thay !

Việt Trân (*)

TB. Rất nhiều người Ki-Tô giáo Việt Nam đã nằm xuống bên cạnh mấy triệu đồng bào khác, hy sinh vì độc lập, chủ quyền và thống nhất Tổ quốc. Ngay từ 1947, hai linh mục Luật và Sang, hai anh em, tuyên uý của kháng chiến, bị lính Tabor bắt và đối xử tàn nhẫn. Riêng tôi đã phản ứng trên báo *Ngày Mới* tại Sài Gòn. Về phía Giáo hoàng Pie XII và Toà thánh Vatican, không hề có một lời tuyên bố. Sao vậy ? Lịch sử còn đó. Đừng bôi đen thêm những sự việc đen tối này.

(*) Nhà báo lão thành, tác giả cuốn *Viêtnam : pourquoi j'ai choisi l'exil* (Editions du Seuil, Paris).

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).
Quảng cáo : 1/8 trang : 180 F, 1/4 trang : 300 F, 1/2 trang : 550 F, 1 trang : 1000 F (*giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %*)
Đăng liên tiếp nhiều số báo : lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %
Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên .....
Địa chỉ .....
.....
.....
mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng..... (số.....).
Kèm theo đây là ngân phiếu .....FF (gồm :.....FF tiền mua báo và .....FF tiền ủng hộ)
Giá mua 1 năm báo (11 số) :
Pháp (kể cả các tỉnh & lãnh thổ DOM-TOM) : 250 FF
châu Âu (ngoài Pháp) : 280 FF
các nước ngoài châu Âu : 330 F.
Ngân phiếu xin đề tên DIENDAN FORUM và gửi về toà soạn : DIENDAN FORUM, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).
Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W Paris.
Bạn đọc ở **Châu Âu** thuộc khối Liên hiệp Âu châu UE có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 280 FF vào trương mục (CCP) số 30041 00001 0441614W020 76 của Diễn Đàn. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 80 FF lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.
Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Uberweisung)
DIEN DAN - FORUM (Bank : SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto : N° 380 48 94 76 : BLZ 752 500 00).
Bạn đọc ở **Thuỵ Sĩ** có thể chuyển 70 FS vào trương mục Journal DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1. Nếu cần phiếu chuyển ngân (*bull. de versement virement*), xin viết thư về Journal DienDan, Case Postale 157, 1277 Borex (Suisse).
Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt : số tiền zloti tương đương với 15 USD / năm, sec đề tên P. Le Duc, tài khoản PKO S.A., IV O. W Warszawie, 12401053-40149879-2700-201112-001-0000 (for Forum).
Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 60 USD đề tên Mr HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn : DienDan, BP 50, 92340 BOURG-LA-REINE (France).
Bạn đọc ở **Canada** và **Úc** : xin gởi money order 60 USD đề tên Mr HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức

Các ông Đoàn Viết Hoạt và Nguyễn Đan Quế được trả tự do

Tên của giáo sư Đoàn Viết Hoạt và bác sĩ Nguyễn Đan Quế nằm trong số 5 219 tù nhân được trả tự do, trong lệnh ân xá của chủ tịch nước Trần Đức Lương nhân ngày quốc khánh năm nay. Ông Nguyễn Cảnh Dinh, chủ nhiệm văn phòng phủ chủ tịch đã xác nhận như vậy trong một buổi họp báo ngày thứ sáu 28.8, khi số báo này lên khuôn. Do đó, chúng tôi chưa được biết rõ chính xác những người được ân xá sẽ được ra tù đúng ngày 2.9 hay trong những ngày sau đó.

Giáo sư Đoàn Viết Hoạt và bác sĩ Nguyễn Đan Quế là hai trong số 54 tù nhân chính trị ở Việt Nam, theo tổ chức Ân xá quốc tế (Amnesty international). Đầu năm nay, bộ ngoại giao Mỹ đã khẳng định trong báo cáo hàng năm về vấn đề nhân quyền số này lên đến khoảng 200 người. Về phía mình, chính quyền Hà Nội luôn luôn khẳng định không có ai là tù nhân chính trị ở VN, mặc dầu những người như giáo sư Đoàn Viết Hoạt và bác sĩ Nguyễn Đan Quế đã bị bắt và đem ra xử chỉ vì những đòi hỏi tự do, dân chủ của họ.

Giáo sư Đoàn Viết Hoạt đã bị cầm tù không án trong 12 năm 1976-1988, bị bắt trở lại năm 1990 vì tội phát hành một tờ báo đánh máy **Diễn đàn tự do**, đòi tự do, dân chủ và đa nguyên. Ông và các cộng sự trong nhóm **Diễn đàn tự do** bị đưa ra xử kín trong một phiên toà cuối tháng 3.1993 và bị kết án 20 năm tù, sau được giảm xuống còn 15 năm. Một " bản án chính trị bất chấp công lý và công luận " như chúng tôi đã viết trong số báo đề ngày 1.5.1993.

Bác sĩ Nguyễn Đan Quế cũng đã trải qua 10 năm tù không án từ 1978 đến 1988, bị bắt lại giữa năm 1990 vì phổ biến một văn kiện kêu gọi từ bỏ chủ nghĩa xã hội. Một phiên toà ngày 29.11.1991 đã gọi tội này là tội " hoạt động lật đổ chế độ ", và cũng kết án ông 20 năm tù giam (Diễn Đàn 1.1.1992).

Theo ông Nguyễn Cảnh Dinh, nhà cầm quyền sẽ " cứu xét " đơn của các ông Hoạt, Quế nếu họ muốn ra định cư ở nước ngoài. Toà đại sứ Hoa Kỳ ở Hà Nội cũng cho biết cả hai ông sẽ đi Mỹ một khi ra khỏi tù. (Reuters 28.8, Libération 29.8.1998)

Hành hương La Vang

Theo những nguồn tin khác nhau, từ 60 tới 100 ngàn tín đồ Ki tô giáo (Rôma) cả nước đã về La Vang, một làng nhỏ phía nam sông Bến Hải, thuộc tỉnh Quảng Trị, để dự lễ kỷ niệm 200 năm sự " xuất hiện ' của Đức Mẹ Đồng Trinh một ngày tháng 8 năm 1798, theo sự tin của một phần giáo dân Việt Nam. La Vang chính thức được Vatican thừa nhận vào đầu những năm 1960, trong thời chính phủ Ngô Đình Diệm, khi Mỹ biến miền Nam thành tiền đồn chống cộng. Nhà thờ La Vang, xây năm 1928, đã bị bom đạn phá huỷ trong chiến tranh Mỹ - Việt. Những cuộc hành hương vẫn được tổ chức hàng năm, kể cả sau ngày giải phóng, song việc cho phép tổ chức lớn lễ kỷ niệm 200 năm này, theo các nhà quan sát, có thể được coi như một thay đổi có ý nghĩa về chính sách tôn giáo của nhà cầm quyền Việt Nam. Tuy nhiên, các nhà báo nước ngoài có mặt tại La Vang trong dịp lễ đã thuật lại nhiều lời giáo dân nói rằng dù họ không bị ngăn cản đi hành hương nhưng cũng nhận được " khuyến cáo " của chính quyền địa phương nơi họ sinh sống rằng không nên đi, vì " an ninh không được bảo đảm ". Những nguồn tin Ki-tô giáo cho rằng nếu không có những " khuyến cáo " ấy, số người hành hương có thể lên gấp đôi. Dẫu sao, cuối cùng thì, đối với cả hai bên, chính quyền và giáo hội, mọi sự đã diễn ra tốt đẹp !

Lễ kỷ niệm được giáo phận Huế tổ chức trong 3 ngày 13-15.8.1998, dưới sự chỉ đạo của giám mục Huế Stefano Nguyễn Như Thể và được đặt dưới sự chủ trì của Hồng y Paul Joseph Phạm Đình Tụng từ Hà Nội, thay mặt giáo hoàng Jean Paul II. Theo các nguồn tin Ki tô giáo, giáo hoàng Jean Paul II đã ngỏ ý muốn tới thăm La Vang nhân dịp kỷ niệm này nhưng không được chính quyền đồng ý. Tin này bị Hà Nội bác bỏ trong tháng 7, qua một tuyên bố của người phát ngôn bộ ngoại giao, rằng " chính phủ Việt Nam chưa hề nhận được yêu cầu mời giáo hoàng sang thăm ". (tổng hợp tin nhiều hãng thông tấn 10-17.8.1998)

Thủ tướng Khải : bộ máy nhà nước đang vô hiệu hóa quyết sách của chính phủ

Vào cuối tháng 6 vừa qua, những thống kê về tình hình kinh tế sáu tháng đầu năm 1998 do chính phủ công bố cho thấy tốc độ tăng trưởng đã suy giảm rõ rệt và toàn diện so với

Giáo sư Vũ Văn Mẫu từ trần

Giáo sư Vũ Văn Mẫu đã từ trần tại Paris ngày 20.8.1998, hưởng thọ 74 tuổi.

Là người khoa trưởng đầu tiên của đại học Luật khoa Hà Nội sau khi tiếp quản của Pháp, ông tiếp tục giữ chức vụ này khi trường được chuyển vào Sài Gòn, đồng thời với việc ra tham chính, làm bộ trưởng ngoại giao của chính phủ Ngô Đình Diệm. Từ khi ở Hà Nội, ông đã cùng một số cựu sinh viên trường Luật xuất bản tờ báo **Phổ Thông**, phổ biến tinh thần quốc gia, dân chủ. Ở cương vị khoa trưởng, ông là người chủ trương hoàn toàn dùng tiếng Việt ở đại học Luật. Giáo trình **Dân luật khái luận** của ông là sách gối đầu giường của nhiều thế hệ sinh viên trường Luật Sài Gòn.

Năm 1963, khi xảy ra vụ đàn áp Phật giáo, ông cạo đầu và từ chức ngoại trưởng để phản đối. Từ đó, người ta ít nghe tên ông trên chính trường, cho tới sau Hiệp định Paris năm 1973 ông tái xuất hiện trong Lực lượng hoà hợp và hoà giải dân tộc, " lực lượng 3 " theo Hiệp định. Những ngày cuối cuộc chiến, ông đã được tướng Dương Văn Minh chỉ định làm thủ tướng chính phủ. Sau đó, ông vẫn sống tại thành phố HCM, và những năm gần đây thường qua lại Paris thăm gia đình các con lập nghiệp tại Pháp.

cùng thời kỳ năm 1997. Tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) : 6,64 % (9,1 % năm 1997). Tăng trưởng công nghiệp : 12,6 % (13,6 % năm 1997). Tăng trưởng nông nghiệp : 2 % (4,6 % năm 1997). Tăng trưởng tổng thu ngân sách nhà nước : 4,4 % (5,4 % năm 1997). Kim ngạch xuất khẩu đạt 4,7 tỉ USD, tăng 10,6 % (30,2 % năm 1997). Vốn đầu tư nước ngoài đăng ký đạt 1,2 tỉ USD, giảm 22 % so với cùng thời kỳ năm 1997. Vốn đầu tư nước ngoài thực hiện đạt 790 triệu USD trong năm tháng đầu năm, giảm 20 % so với cùng thời kỳ năm ngoái. Chỉ số giá cả tháng 6 tăng 6 % so với đầu năm (1,1 % năm 1997).

Phát biểu tại các hội nghị với lãnh đạo tỉnh thành ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, thủ tướng Phan Văn Khải nhấn mạnh đến yêu cầu " *nhìn thẳng vào những khó khăn và yếu kém, lường trước những tình huống bất lợi để chủ động sáng tạo vượt khó* ". Ông Khải khẳng định rằng cuộc khủng hoảng khu vực hiện nay là thách thức lớn thứ hai đối với nền kinh tế đổi mới của Việt Nam sau sự kiện Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu tan rã. Song ông cũng cho rằng Việt Nam có " thế và lực " để vượt qua : có nền nông nghiệp sản xuất đủ lương thực để ăn, còn dư thừa để xuất khẩu và trang trải nhu cầu nhập hàng ; có nền công nghiệp đã đảm bảo được nhu cầu về vật liệu xây dựng và tiêu dùng trong nước ; có sự ổn định về chính trị, và " *đây là lợi thế lớn nhất để Việt Nam tiếp tục phát triển* ". Thủ tướng còn trình bày những quyết sách cho sáu tháng cuối năm :

– Tìm mọi cách phát triển nông nghiệp, coi sự chuyển biến trong lĩnh vực này có ý nghĩa chiến lược về mặt phát triển kinh tế và quyết định sự ổn định chính trị và xã hội.

– Nhanh chóng sắp xếp lại khu vực doanh nghiệp nhà nước, đẩy mạnh cổ phần hóa, và có chính sách đối với lao động dôi ra.

– Điều chỉnh những đầu tư của nhà nước theo hướng tập trung, giảm những công trình chậm thu hồi vốn hoặc không làm ra của cải, và hỗ trợ thêm vốn cho dân đủ sức đầu tư sản xuất.

– Thực hiện dân chủ ở cơ sở, lãnh đạo các cấp phải thường xuyên đối thoại với dân và có quy chế để dân góp ý.

– Cải cách công tác điều hành bộ máy nhà nước, không cho phép một bộ phận cán bộ làm vô hiệu hóa những đường lối, chính sách của chính phủ.

Trong buổi họp báo đầu tháng 7, bộ trưởng chủ nhiệm văn phòng chính phủ Lại Văn Cử cho biết thủ tướng Phan Văn Khải không hài lòng về sự yếu kém của bộ máy nhà nước trong quá trình cụ thể hóa các quyết sách, làm cho những đường lối, chính sách của chính phủ không đến được với dân và các nhà doanh nghiệp : " *Càng đi xuống càng bất cập, một số người thi hành vừa không đạt yêu cầu về năng lực, vừa kém phẩm chất, tiêu cực những nhiễu làm vô hiệu hóa các quyết sách* ".

Cũng theo nhận định của chính phủ, các " *yếu tố chủ quan* " hiện nay góp phần không nhỏ tạo ra không khí thiếu phấn chấn, năng động trong đời sống kinh tế : " *Không ít doanh nhân quay về phòng thủ chờ đợi, rõ nhất* – theo ông Cử – *là ở Thành phố Hồ Chí Minh* ". (Tuổi Trẻ 25.6, 4 và 7.7 ; Thời báo kinh tế Sài Gòn 2.7 ; AP 24.7.98)

Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế xuống 6 - 7 %

Sau khi được nghe báo cáo của chính phủ về tình hình giảm sút kinh tế trong sáu tháng đầu năm, phiên họp giữa

Đọc báo trong nước

Giáo dục : " tự hào " hay hổ thẹn ?

LTS : *Công bố kết quả kỳ thi tốt nghiệp phổ thông trung học năm 1998, bộ giáo dục – đào tạo cho biết có 281 874 học sinh đã đỗ tú tài trong tổng số 377 829 học sinh dự thi, chiếm tỷ lệ 74,6 % (chưa kể phúc tra). Song nhìn vào bảng tổng hợp kết quả của 61 tỉnh thành, nhà báo Bùi Thanh đã phải thốt lên trên báo Tuổi Trẻ chủ nhật ngày 2.8.98 : " Không một ai dám bảo kết quả đó là bình thường ".*

Ở nhiều tỉnh phía Bắc, trong đó có miền núi, nơi mà các vị lãnh đạo địa phương thường nhấn mạnh chất lượng giáo dục không thể đạt cao do thiếu tiền, thiếu thầy, thiếu trường, nhưng lạ thay kết quả thường không dưới 90 % – một tỉ lệ mà ngay cả Thành phố Hồ Chí Minh cũng không sờ đến nổi.

Riêng mùa thi năm nay, hầu hết các tỉnh thành từ Huế trở ra vẫn đạt tỉ lệ đậu khá cao, từ 80 % trở lên. Có 10 tỉnh đậu trên 90 %, có tỉnh đậu 96,6 %. Trong khi đó ở phía Nam, hàng loạt tỉnh thành rớt thê thảm : 10 tỉnh đậu không tới 50 %, trong đó Sóc Trăng chỉ đậu 38,2 %, Đồng Nai 38,9 %... Các tỉnh còn lại đều có tỉ lệ đậu khá thấp.

Thi cùng ngày, thi cùng một đề, kết quả như vậy là khó giải thích nổi. Giải thích thế nào khi Cần Thơ chỉ đậu 45,2 % trong khi một tỉnh miền núi khó khăn là Tuyên Quang đậu gấp đôi : 90,6 % ?

Trước tỉ lệ đậu quá thấp ở các tỉnh thành phía Nam, báo chí Thành phố Hồ Chí Minh hầu như không đưa ra lời phê phán nào. (...)

Cả một thực trạng, cả một tâm lý và thói quen tệ hại đã ăn sâu, cả một sự gian lận thi cử đã trở thành công nghệ. Đó là những thứ cần xóa bỏ trong giáo dục, dù phải chịu đau đớn.

Một giám đốc sở giáo dục – đào tạo ở miền Tây nói : " *Khi kết quả được công bố, tôi phải ngồi trả lời chất vấn trước cả chục vị thường vụ tỉnh uỷ. Tôi cảm thấy đau đớn với chính mình và với dân chúng* ". Câu nói đó làm cho người ta nhớ đến những trường hợp giám đốc sở bay chức vì kết quả thi quá thấp so với các tỉnh khác. Dù vậy, đối với một nhà giáo chân chính, có lẽ cái quan trọng nhất không phải là chiếc ghế của mình mà chính là tương lai và sự tiến bộ của xã hội.

Do đó, dù đau đớn cách mấy nhưng u nhọt trong thi cử phải rạch bỏ. Điều đáng sợ nhất là sự thờ ơ và thỏa hiệp với cái xấu, cái gian dối. Trong giáo dục, sự thỏa hiệp đó sẽ làm băng hoại xã hội nhanh hơn nhiều lần.

Bùi Thanh

tháng 7 của uỷ ban thường vụ quốc hội đã ra nghị quyết giảm tất cả những chỉ tiêu kinh tế vĩ mô của năm 1998. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội GDP : 6 – 7 % thay vì 9 % dự kiến ban đầu. Tăng trưởng công nghiệp : 10 – 11 % thay vì 13,5 %. Tăng trưởng nông nghiệp : 3 – 3,5 % thay vì 4,5 %. Tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu : 10 % thay vì 25 – 26 %. Bội chi ngân sách nhà nước : 4 % GDP thay vì 3,5 – 4 %. Lạm phát : dưới 10 % thay vì 6 – 7 %.

Một số nhà phân tích tài chính nước ngoài cho rằng việc điều chỉnh những chỉ tiêu nói trên vẫn chưa thực tế, và tăng trưởng của GDP có nhiều khả năng ở mức 4 –5 %, như Quỹ tiền tệ quốc tế IMF và Ngân hàng phát triển châu Á ADB dự trù. Công ty tài chính Barings dự kiến một tốc độ tăng trưởng 5,7 % và cho rằng năm 1998 tình hình kinh tế ở Việt Nam sẽ khá hơn các nước khác trong khu vực. Barings còn nhận định rằng, sau những năm 1996 – 1997 giẫm chân tại chỗ, công cuộc cải cách kinh tế dường như đã khai thông lại mà biểu hiện là một số quyết định vừa qua của Hà Nội nhằm thành lập thị trường chứng khoán, chấp nhận bán ra 100 % các cổ phần trong những doanh nghiệp nhà nước sẽ cổ phần hóa, hay xóa bỏ chế độ hai giá trong một số dịch vụ bán cho người nước ngoài. Bản phân tích của Barings đưa ra đánh giá tổng hợp như sau : " *Dù còn quá sớm để khẳng định rằng Việt Nam đã bước vào thời kỳ Đổi mới 2, song có thể bảo vệ một mức độ lạc quan thận trọng* ".

Về phía những nhà phân tích Việt Nam, sự thận trọng là trên hết. Theo ông Lê Đăng Doanh, viện trưởng Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, tình hình kinh tế Việt Nam từ nay đến cuối năm và sang năm 1999 sẽ khó khăn hơn, do nguồn vốn đầu tư giảm và thị trường bị thu hẹp, trong khi tác động của cuộc khủng hoảng khu vực đã bộc lộ rõ những yếu kém, trì trệ của nền kinh tế Việt Nam : bộ máy quản lý cồng kềnh khó chuyển đổi linh hoạt, chi phí quản lý trong doanh nghiệp cao... " *Tình hình này đòi hỏi mọi người phải chấp nhận cải cách* ", ông Doanh khẳng định. " *Tôi nhận thấy những cố gắng của chính phủ đã bắt đầu có tác dụng, nhưng còn chậm, cần phải thúc đẩy nó nhanh hơn* ". Được hỏi về cái gì có thể thúc đẩy chính phủ tăng tốc độ cải cách, ông Doanh chỉ đưa ra nhận xét rằng đảng cộng sản Việt Nam " *có truyền thống mỗi khi gặp tình thế khó khăn lại cải cách* ". (Thời báo kinh tế Sài Gòn 11.6 ; Lao Động 22.7 ; Kyodo 21. 7 ; Reuters 21.7 và 12.8.98)

Lại phá giá đồng Việt Nam 6,5 %

Ngày 7.8 vừa qua, Ngân hàng nhà nước đã điều chỉnh tỉ giá chính thức của đồng Việt Nam với đô la Mỹ từ 11 815 đ/USD lên 12 998đ/USD, tức là phá giá 9 %. Đồng thời, biên độ giao dịch mua bán được điều chỉnh từ ±10 % xuống còn ±7 % so với tỉ giá chính thức, cho nên mức phá giá thật chỉ khoảng 6,5 %. Ngay những ngày đầu tiên, tỉ giá giao dịch của những ngân hàng đã sát giá sàn là 13 900đ/USD. Trong khi đó, trên thị trường tự do, đô la được mua bán với giá 14 000 đồng.

Từ tháng 3 năm 1997, qua bốn lần điều chỉnh tỉ giá, đồng Việt Nam đã mất khoảng 20 % giá trị so với đô la Mỹ. Song, theo phân tích của những ngân hàng nước ngoài, đồng Việt Nam sẽ còn phải giảm giá thêm 30 % mới xóa bỏ được chênh lệch với những tiền tệ khác trong khu vực. Vốn thu hút khoảng 60 % xuất khẩu của Việt Nam, những nền kinh tế ASEAN trong sáu tháng đầu năm 1998 chỉ nhập có 1 tỷ USD, giảm 31 % so với cùng thời kỳ năm 1997. Tính đến ngày 21.8, tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam là 6,2 tỉ USD, tăng chỉ có 4,9 % so với cùng thời năm 1997. Riêng trong tháng 8, kim ngạch xuất khẩu vào khoảng 760 triệu USD, tức là ở dưới mức của năm ngoái (780 triệu USD). Trong những điều kiện đó, quyết định phá giá tiền tệ vừa qua không đảm bảo rằng xuất khẩu sẽ được kích thích đủ để Việt Nam đạt chỉ tiêu đã điều chỉnh là tăng trưởng xuất khẩu 10 % (IMF dự kiến chỉ 6 – 8 %).

Phá giá tiền tệ có tác dụng hạn chế nhập khẩu và, trong 7 tháng đầu năm, Việt Nam đã nhập siêu khoảng 1,4 tỉ USD thay vì 1,6 tỉ USD vào cùng thời năm ngoái. Nhưng nó còn có tác động là nâng giá hàng nhập và thúc đẩy lạm phát : tính đến ngày 21.8, chỉ số giá cả đã tăng 6,5 % so với đầu năm 1998, 9,1 % so với tháng 8 năm 1997, và khó lòng có thể kìm dưới mức 10 % theo chỉ tiêu đã điều chỉnh.

Ngoài ra, phá giá tiền tệ cũng là tăng gánh nặng nợ của Việt Nam đối với nước ngoài mà hiện nay những nhà phân tích ước tính là trên 5 tỉ USD. Riêng nợ tín dụng thư, Việt Nam phải thanh toán 800 triệu USD năm 1998, trong đó có 200 triệu USD đã quá hạn. (Tuổi Trẻ 8.8 ; Lao Động 14.8 ; The Wall Street Journal 10.8 ; Reuters 21.8 ; AP 17 và 22.8 ; AFP 24.8.98)

Thị trường chứng khoán lố dạng

Ngày 11.7, chính phủ đã ban hành nghị định số 48 tạo lập khung pháp lý cho hoạt động phát hành chứng khoán ra công chúng và giao dịch trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, chính phủ ra quyết định thành lập hai trung tâm giao dịch chứng khoán tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng không xác định bao giờ các trung tâm này sẽ chính thức đi vào hoạt động. Chủ tịch uỷ ban chứng khoán nhà nước, ông Lê Văn Châu, cho biết thị trường chứng khoán hiện nay còn thiếu hàng hóa lẫn tác nhân.

Nghị định 48 đưa ra ba điều kiện đối với các tổ chức phát hành cổ phiếu ra công chúng : mức vốn điều lệ tối thiểu phải là 10 tỉ đồng ; hoạt động phải có lãi trong hai năm liên tục ; tối thiểu 20 % vốn cổ phần phải bán ra cho trên 100 người đầu tư ngoài doanh nghiệp. Trong 6000 doanh nghiệp nhà nước hiện nay, 23 % có vốn điều lệ từ 10 tỉ đồng trở lên, tuy nhiên mới chỉ 29 doanh nghiệp đã cổ phần hóa, trong đó chỉ 3 hay 4 làm ăn có lãi. Về phía những tổ chức môi giới chứng khoán, chỉ có 5 hay 6 ngân hàng thương mại đủ khả năng lập công ty chứng khoán ; ngoài ra, mới có 4 hay 5 tập đoàn kinh tế nộp đơn xin thành lập công ty chứng khoán. Theo ông Châu, thị trường muốn hoạt động thì phải có ít nhất từ 6 đến 10 công ty chứng khoán ra đời. Ông còn thừa nhận thị trường chứng khoán mà không có người nước ngoài tham gia thì sẽ không sôi động. Song, đến nay chính phủ chưa quy định những điều quan trọng như : tỉ lệ chứng khoán mà nhà đầu tư nước ngoài được nắm giữ, và tỉ lệ vốn tham gia của người nước ngoài vào những công ty chứng khoán liên doanh. Sau

cùng, còn lại việc đào tạo nghiệp vụ kỹ thuật cho cán bộ quản lý chứng khoán : đội ngũ do uỷ ban chứng khoán nhà nước đào tạo mới vào khoảng 150 người.

Trong những điều kiện đó, ông Lê Văn Châu cho rằng trung tâm giao dịch chứng khoán đầu tiên dự kiến sẽ mở ở Thành phố Hồ Chí Minh không thể ra đời trước cuối năm nay hay đầu năm sau. Trước mắt, uỷ ban chứng khoán nhà nước đã mở một trung tâm thử nghiệm kinh doanh chứng khoán ở Hà Nội với sự tài trợ hợp tác của Hàn Quốc. (Thời báo kinh tế Sài Gòn 18.6 và 16.7 ; Lao Động 15 và 18.7.98)

Cán bộ nhà nước phải khai tài sản ?

Thủ tướng Phan Văn Khải đã ký một chỉ thị ngày 17.8, công bố ngày 21.8 và có hiệu lực từ ngày 1.9.1998, theo đó cán bộ cao cấp của chính phủ, các xí nghiệp nhà nước, công an hay quân đội, uỷ ban nhân dân và cấp uỷ đảng các tỉnh, phải khai báo nhà cửa, đất đai, và của cải của họ có giá trị vượt qua 50 triệu đồng (khoảng 4 000 đôla). Chỉ thị cũng ngăn cấm cán bộ mở ngân khoản ở ngân hàng nước ngoài, và buộc những người đã có chương mục ở ngân hàng nước ngoài phải chuyển tiền về một ngân hàng trong nước.

Chỉ thị rõ ràng có mục tiêu tạo một phương tiện đấu tranh chống tham nhũng, song người ta không hiểu với những phương tiện nào chính phủ có thể biến nó thành hiện thực. Theo một viên chức cao cấp trong chính phủ trả lời Reuters, chỉ thị cũng mâu thuẫn với việc chính phủ không có quyền đặt ra những luật lệ cho đảng ! (AFP, Reuters 21.8.1998)

Xử án 40 nông dân Thái Bình

Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình, họp trong ba ngày 2 - 4.7, đã kết án 40 nông dân tham gia những cuộc biểu tình bạo động năm ngoái từ 18 tháng tù treo tới 11 năm rưỡi tù giam. Theo báo Nhân Dân ngày 9.7, đây là những người " quá khích ", bị xử vì đã " lợi dụng cuộc đấu tranh chống tham nhũng và những quyền tự do, dân chủ " để lôi kéo hàng trăm nông dân trong 27 cuộc biểu tình bạo động, " làm rối loạn trật tự công cộng ".

AFP cùng ngày đưa lại tin này không cho thêm chi tiết về

Đọc báo trong nước

Thể thao : Những người lớn không đàng hoàng

LTS : *Ra đời năm 1996, giải bóng đá thiếu niên nhi đồng Việt Nam (Cúp Pepsi) năm nay đã tập hợp đến 49 đội nhi đồng và 40 đội thiếu niên của 50 tỉnh thành. Đến dự trận chung kết thiếu niên diễn ra trung tuần tháng 7 ở Hà Nội, thủ tướng Phan Văn Khải và cố vấn Võ Văn Kiệt đã trao giải cho các đội Nghệ An (vô địch), Khánh Hòa (huy chương bạc), Quảng Ninh và Hà Nội (huy chương đồng). Song phong trào bóng đá thiếu niên nhi đồng đã phát triển cùng với hiện tượng " nhi đồng cụ ", tức la nạn ăn gian tuổi tác, như nhà báo Đặng Hoàng có lên tiếng trên báo Tuổi Trẻ chủ nhật ngày 26.7.98.*

Trưởng ban tổ chức giải Vũ Quang Vinh cho biết không chỉ có ban tổ chức mà ngay cả Uỷ ban thể dục thể thao, Liên đoàn bóng đá Việt Nam cũng rất bức xúc trước vấn nạn gian lận tuổi này. Chính vì vậy, ở vòng chung kết, ban tổ chức đã quyết định dựa vào bảng chuẩn đánh giá sự phát triển cơ thể trẻ em Việt Nam ở độ tuổi từ 11 đến 14 (chiều cao, cân nặng, đo xương bàn tay, chụp phim răng, đánh giá những dấu hiệu phát dục như kích cỡ tinh hoàn, long mu, hạt vú...), rồi yêu cầu tám đội bóng phải có mặt trước hai ngày để kiểm tra. Ngoài ra, các đội bóng phải trải qua cuộc phỏng vấn trực tiếp mang tính nghiệp vụ điều tra của ngành công an.

Ông Quang Vinh tin rằng với biện pháp kiểm tra gắt gao này, vòng chung kết khó có thể lọt lưới một vận động viên nào thi đấu quá tuổi qui định. Nhưng bù lại, kinh phí để kiểm tra mỗi vận động viên lên đến 750 000 đồng. Do vậy với 76 vận động viên tổng cộng ở vòng chung kết, tính riêng khoản tiền chống tiêu cực đã ngốn hơn 50 triệu đồng, trong khi giải thưởng trao cho đội vô địch chỉ trị giá 10 triệu đồng.

Tất cả bắt đầu từ khi giải được ra đời từ năm 1996 và thật sự bùng nổ ở vòng loại giải năm nay. (...) Cụ thể ở đội nhi đồng Kontum, cầu thủ xuất sắc nhất đội là Awuk trong hồ sơ nộp ban tổ chức là sinh năm 1987. Nhưng trong bản khai nhân khẩu và đơn xin tách khẩu lưu tại cơ quan công an địa phương, Awuk sinh năm 1982. Có nghĩa là đoàn bóng đá Kontum khai man Awuk những... 5 tuổi.

Hay như trong đội nhi đồng Đà Nẵng, hồ sơ đăng ký thi đấu rất hợp lệ của cầu thủ có tên là Phan Thế Hiển, nhưng vận động viên thi đấu có tên thật là Phan Nguyên Vũ. Nói đúng hơn là đoàn bóng đá Đà Nẵng đã đánh tráo người. Tương tự ở đội thiếu niên Quảng Ngãi, cầu thủ Nguyễn Vương đã mượn hồ sơ của Ngô Văn Vinh thi đấu.

Đội nhi đồng Hà Tĩnh, hầu hết hộ khẩu được làm hồi tháng 5.1998 trong khi vòng loại tiến hành vào tháng 6 1998. Còn đội Nam Định có nhiều cầu thủ quá lớn so với tuổi thực, đã vậy lại thiếu hồ sơ xác nhận. Táo tợn hơn, sau khi Vũ Xuân Nam bị loại ở giải nhi đồng, lãnh đạo đội Nam Định xin ban tổ chức cho phép Nam thi đấu ở giải thiếu niên.(...)

Bóng đá Việt Nam vốn quá nhiều tiêu cực, tiêu cực triền miên từ năm này qua năm khác, tiêu cực dưới mọi hình thức mà cho đến nay vẫn chưa tận diệt được. Vậy mà lại có một số người vì chạy theo thành tích đã làm vẩn đục thêm bóng đá Việt Nam qua giải thiếu niên nhi đồng. Đây mới thực sự nguy hiểm, bởi ngay từ đầu thế hệ tương lai của đất nước đã bị " cấy " virus tiêu cực, đã được giáo dục cách sống gian lận. Hay nói đúng hơn đã có một số người đang phá hoại thế hệ tương lai của quốc gia nói chung, và bóng đá Việt Nam nói riêng.

Bóng đá thiếu niên đích thực là một sân chơi giáo dục, chứ không là nơi mà vì sự cay cú ăn thua của " những người lớn không đàng hoàng " mà ươm mầm cho những lệch lạc bệnh hoạn về nhân cách cho lớp trẻ.

Đặng Hoàng

vụ xử. Và cũng chỉ đưa sơ sài là một số cán bộ lãnh đạo trong tỉnh, từ cấp xã lên tới cấp tỉnh, đã bị chuyển công tác, một số đã bị bắt giam. Nếu thái độ nghiêm ngặt với nạn nhân (dù có thể quá khích), và nới tay đối với những cán bộ tham nhũng, lộng quyền, trách nhiệm chính gây ra những " sự biến " đã xảy ra, thì người ta có thể chờ đợi nhiều " Thái Bình " khác.

Hội nghị quốc tế về Việt Nam học

Lần đầu tiên nhóm họp tại Việt nam, hội nghị quốc tế về Việt Nam học đã được trường Đại học quốc gia Hà Nội và Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn – với sự tài trợ của quỹ Ford Foundation (Mỹ) và của đại học Melbourne (Úc) – phối hợp tổ chức trong những ngày 14 - 17.7 vừa qua tại Hà Nội. Tham gia cuộc hội thảo khoa học liên ngành này có 699 nhà nghiên cứu, gồm 305 học giả trong nước và 294 học giả tới từ 27 nước khác. Với 15 tiểu ban chuyên đề và 437 báo cáo khoa học, trong đó có 294 của học giả ở nước ngoài, hội nghị đã thảo luận 8 chủ đề lớn : Truyền thống và hiện đại ; Giao lưu văn hóa và hội nhập ; Phát triển kinh tế - xã hội ; Làng xã nông thôn, nông nghiệp và nông dân ; Phụ nữ và dân số ; Quá trình đô thị hóa và môi trường ; Các vấn đề ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam và dạy tiếng Việt ; Những phát triển mới về tư liệu.

Phát biểu tại phiên khai mạc, thủ tướng Phan Văn Khải đã đánh giá cao các công trình nghiên cứu về Việt Nam học của các học giả trong và ngoài nước làm cho nhận thức về Việt nam nói chung được nâng cao , " giúp cho Việt Nam có cái nhìn rõ hơn về mình ". Hơn thế nữa, theo ông Khải, " Việt Nam nhận thức rõ rằng càng hiểu sâu về dân tộc mình thì càng có khả năng hiểu và thông cảm với bạn bè thế giới, càng dễ tiếp thu, vận dụng những điều hay, điều tốt của các dân tộc khác để phát triển đất nước mình và góp phần với cộng đồng quốc tế ". Tiếp những nhà khoa học nước ngoài, tổng bí thư Lê Khả Phiêu còn bảy tỏ ý muốn hội nghị quốc tế về Việt Nam học họp thường hơn ở trong nước để các nhà khoa học các nước đến với Việt Nam nhiều hơn. Trước Hà Nội, những hội nghị mang tên Euro-Viet đã nhóm họp tại Copenhagen (Đan Mạch, 1993), Aix-en-Provence (Pháp, 1995) và Amsterdam (Hà Lan, 1997). (Lao Động 11 và 18.7 ; Tuổi Trẻ 16 và 18.7.98)

Thành phố HCM và những nghị định quái gở...

Ngày 16.6, uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành quyết định số 3153 theo đó những cán bộ, công nhân viên sinh con thứ ba trở lên bị xem là " vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình " và sẽ bị xử phạt như sau : Chậm tăng lương theo niên hạn từ 1 đến 3 năm ; không xét danh hiệu thi đua ; không được cử theo học các lớp đào tạo nghiệp vụ trong thời hạn từ 1 đến 3 năm ; nếu là cán bộ, không được bố trí vào cương vị lãnh đạo ; nếu là nhân viên hợp đồng thì không được ký tiếp hợp đồng lao động...

Theo một số luật gia, những qui định nói trên tước những quyền hợp pháp của công dân, vi phạm luật gia đình (không cấm sinh con thứ ba) lẫn luật lao động (không cho phép chủ nhân phân biệt đối xử hay sa thải nhân viên vì lý do con đông). Còn bộ trưởng chủ nhiệm uỷ ban quốc gia dân số - kế hoạch, bà Trần Thị Trung Chiến, thì cho rằng tinh thần của công tác hạn chế sinh đẻ là " *tuyên truyền, giáo dục để người dân nâng cao nhận thức, tự nguyện thực hiện, không nên có những hình thức ép buộc hoặc những biện pháp mang tính chất trừng phạt* ". Dư luận hiện đang chờ xem ý kiến của thủ tướng Phan Văn Khải và văn bản của chính phủ hướng dẫn thống nhất việc thực hiện chủ trương giảm tỉ lệ tăng dân số.

Cũng tại Thành phố Hồ Chí Minh, trung tuần tháng 7 vừa qua, sở tư pháp đã đưa ra một dự thảo nghị định theo đó hành vi sống với nhau như vợ chồng hoặc tổ chức lễ cưới mà không hay chưa đăng ký kết hôn sẽ bị xử phạt tiền từ 200 000 đến 500 000 đồng... Trong khi luật hôn nhân và gia đình hiện hành không có điều khoản nào cấm việc chung sống không kết hôn. (Tuổi Trẻ 20.6, 4 và 18.7.98)

TIN NGẮN

• Xử phúc thẩm vụ án Công ty lương thực Thành phố Hồ Chí Minh, tòa án tối cao thành phố tháng 6 vừa qua đã giảm mức án từ tù chung thân xuống còn 20 năm tù đối với bà Trần Thu Hồng, người cộng tác viên thân tín của giám đốc công ty Ba Thi Nguyễn Thị Ráo, với lý do bản án sơ thẩm " *chưa xét đến nhân thân bị cáo là gia đình liệt sĩ, bản thân hoạt động cách mạng từ nhỏ* " (!). Tháng 10 năm 1997, sau một thời gian khởi tố kéo dài 6 năm, bà Hồng đã bị toà án sơ thẩm tuyên án tù chung thân và buộc bồi thường 2,5 tỉ đồng cho Công ty lương thực (hình phạt này cũng bị tòa phúc thẩm hủy để " điều tra trở lại ") vì phạm các tội " *hối lộ và cố ý làm trái những qui định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng* " (Xem DĐ số 69).

• Xử phúc thẩm vụ án công ty Dệt Nam Định, tòa án tối cao Nam Định tháng 6 vừa qua đã giảm mức án từ tù chung thân xuống còn 20 năm tù đối với ông Nguyễn Duy Kiểm, tổng giám đốc công ty (biệt danh " Ông vua không ngai "), với lý do bị cáo " *trước ngày phúc thẩm đã trả lại hết số tiền tham ô* " (!). Tháng 3 trước đó, tòa án sơ thẩm đã tuyên phạt ông Kiểm tù chung thân và bồi hoàn cho công ty 1 tỉ đồng vì đã cùng tập thể lãnh đạo công ty " tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa " (14,6 tỉ đồng) và " cố ý làm trái qui định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiệm trọng " (để lại cho công ty món nợ 293 tỉ đồng – xem DĐ số 74).

Quỹ bão lụt Linda : trường An Điền đã khánh thành

Như Diễn Đàn có thông báo với bạn đọc trong số báo tháng 5, số tiền quyên góp trợ giúp nạn nhân trận bão Linda (8000 franc Pháp hay 16 824 000 đồng) đã được chuyển về quỹ bão lụt của báo Tuổi Trẻ ở Thành Phố Hồ Chí Minh và đưa vào đề án xây dựng lại ngôi trường của ấp An Điền, xã An Thuận, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến tre. Ngày 19.7 vừa qua, báo Tuổi Trẻ đã làm lễ khánh thành trường học An Điền, gồm bốn phòng học, một phòng giáo viên, nhà vệ sinh, giếng nước và hàng rào, được xây dựng với tổng kinh phí là 190 triệu đồng và 100 ngày công của bà con trong ấp. Ngôi trường đã sẵn sàng đón tiếp học sinh học sinh cho năm học 1998-1999.

Nội lực... *(tiếp theo trang 1)*

I.1. Khủng hoảng kinh tế

Chẳng một nước nào trong khu vực mà kinh tế không bị ảnh hưởng, nhẹ thì đang phát triển với tỷ suất cao phải chựng lại sụt xuống, nặng hơn thì ngưng trệ, thậm chí có nơi bị suy thoái. Năm nay dự phóng Philipin tổng sản lượng quốc nội (GDP) chỉ còn tăng 2 %, Singapore chựng lại gần con số không, Đại Hàn giảm 5 %, Thái Lan giảm 7 % và Mã Lai 5 %.

Indonexia bị nặng vào bậc nhất. Từ địa vị một quốc gia được nêu gương về phát triển kinh tế, Indonexia rơi vào khủng hoảng trầm trọng chưa từng thấy từ 30 năm nay.

Mới tháng 7. 1997 đấy thôi, Ngân hàng thế giới (World bank) vào dịp cuộc họp ở Tokyo của Nhóm tham vấn (GCI, Groupe de Consultation, gồm các chính phủ và các tổ chức quốc tế tài trợ cho Indonexia) còn nhận định là kinh tế Indonexia lành mạnh và dự đoán đến năm 2005 Indonexia sẽ lên đứng trong 20 nước phát triển kinh tế hàng đầu trên thế giới.

Thế mà hiện nay đồng roupia đã mất giá 80% so với US đôla, lạm phát hàng năm tròm trèm 100 %; kinh tế suy thoái, trong ba tháng đầu năm tổng sản phẩm quốc nội (GDP) sụt xuống âm (- 12,33 %), ước lượng cho cả năm 1998 này sẽ là - 15 %. GDP / đầu người từ 1100 đôla tụt xuống còn 300 đôla. Dân Indonexia bị nạn đói, chính phủ Djakarta phải chính thức kêu gọi quốc tế cứu trợ (**Le Monde** 30.7.98).

Nhật bản lại sa lầy trong ngưng trệ kinh tế kéo dài và trầm trọng nhất từ sau Thế chiến thứ hai tới nay. Hệ thống ngân hàng thiếu trong suốt, cơ cấu có nét lỗi thời, số nợ xấu khổng lồ, cải tổ cho hệ ngân hàng này làm tròn chức năng thúc đẩy kinh doanh chưa thấy đến đâu lại nổ ra các vụ tham nhũng. Hết chính phủ này đổ chính phủ khác lên, chính phủ nào cũng bất lực, không đề ra được một chiến lược kinh tế có sức thuyết phục, lập lại lòng tin cho người trong cũng như ngoài nước.

Chỉ tiêu phát triển 1,9 % cho năm nay chắc chắn không đạt. Báo cáo thường niên về Nhật Bản của Quỹ tiền tệ quốc tế (FMI) công bố ngày 13 tháng 8 vừa qua dự phóng năm 1998 tổng sản phẩm quốc nội giảm 1,7 %, sản lượng công nghiệp sụt 5,3 %, tiêu thụ giảm 0,9 % và thất nghiệp tăng lên 4,1 %.

Lo cho mình còn chưa xong, cường quốc kinh tế thứ nhì trên thế giới không làm được đầu tàu kéo khu vực ra khỏi cơn khủng hoảng như thế giới hằng mong đợi.

Trung Quốc ra vẻ kẻ cả đóng vai trò một cực ổn định trong cơn chao đảo của cả khu vực. Mặc dù nhiều phen sóng gió lay chuyển thị trường chứng khoán và tiền tệ Hồng Kông nay đã thuộc về chủ quyền Trung Hoa, chính phủ cho tới hôm nay vẫn giữ vững không phá giá đồng nhân dân tệ của mình.

Tuy nhiên, kinh tế không khỏi bị ảnh hưởng cuộc khủng hoảng toàn Á Đông. Đầu tư vào lĩnh vực ngoài quốc doanh – lĩnh vực này làm ra 40 % tổng sản lượng công nghiệp, và là đầu tàu của nền kinh tế Trung Quốc – có dấu hiệu suy thoái ; trong năm qua chỉ tăng 8,4 % so với tốc độ đầu tư chung 17 %. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài sụt. Trong năm 1997 số vốn đăng ký đầu tư giảm gần 40 % so với năm 1996. Và còn giảm nữa trong năm 1998 với cuộc khủng hoảng đang tiếp diễn, dự trù được 48 tỷ đôla cho cả năm thay vì 64 tỷ năm 97. Xuất khẩu ra các nước trong khu vực chựng lại, sáu tháng đầu năm xuất khẩu tăng 7,6 % trong khi năm 1997 là 22,6 % ; mà xuất khẩu lại chiếm tỷ trọng lớn (khoảng 20 %) trong tổng sản lượng quốc nội.

Suất tăng trưởng giảm và tiếp tục giảm, năm 1997 còn 8,8 % so với 9,7 % trong năm 1996. Với tốc độ tăng trưởng sáu tháng đầu năm 1998, tính ra cả năm tỷ suất tăng là 7 %, dưới mức chỉ tiêu 8 %. Đấy là chưa tính đến hậu quả của trận lụt lớn khác thường đang làm điêu đứng gần một phần năm nhân dân Trung Quốc trong tháng 8.98 này.

Những chỉ số kinh tế hiện nay của Trung Quốc còn cao hơn các nước công nghiệp phát triển, nhưng thật ra đã xuống gần mức báo động. Tỷ suất tăng trưởng mà hạ xuống thêm chút nữa là thất nghiệp sẽ tăng vọt lên ngay, với tất cả những đe doạ hỗn loạn xã hội bùng nổ kèm theo sau. Muốn vào chi tiết hơn xin xem Trần Quốc Hùng, Châu Á sau khủng hoảng, **Thời Đại**, số 2, 1998.

Đồng yen Nhật có còn sụt giá nữa hay không ? Trung Quốc chịu được đến đâu, có phải phá giá đồng nhân dân tệ để tăng xuất khẩu, giữ tỷ suất tăng trưởng cao tránh dao động xã hội đột ngột hay chăng ? Liệu có tránh nổi một đợt khủng hoảng kế tiếp nếu đồng tiền Trung Quốc bị phá giá ? Các thị trường Hồng Kông, Singapore hiện nay còn gắng giữ được ổn định có trụ vững được nữa không, các nước trong khu vực chưa ra khỏi suy thoái lại rơi vào suy thoái thêm, ảnh hưởng lan ra khắp thế giới ai đã lường được ?

I.2. Biến động xã hội

Và, cặp kè với khủng hoảng kinh tế là biến động xã hội. Nạn thất nghiệp với hệ quả của nó là cái mà mọi nhà cầm quyền e ngại.

Hiện nay ở **Trung Quốc** thất nghiệp đang tăng cao. Theo thống kê chính thức, tỷ suất thất nghiệp chỉ là 3 %. Tuy nhiên, nếu tính vào đó hàng triệu công nhân đã nghỉ việc nhưng vẫn còn tên trong sổ lao động thì thất nghiệp lên tới 7,5 %. Lại trùng với thời điểm Trung Quốc cần chuyển đổi sao cho cái hệ 370 000 doanh nghiệp nhà nước (DNNN) cồng kềnh và tốn kém có hiệu quả kinh tế hơn. Đại hội XV Đảng cộng sản Trung Quốc đã quyết định cải cách DNNN. Chính phủ ước lượng là có thể giảm từ 15 % đến 20 % số công nhân mà sản lượng các doanh nghiệp này không sút kém ; cải tổ cho các DNNN kinh doanh có lời không thể không tinh giản biên chế, sa thải công nhân. Có điều là hiện nay Trung Quốc thiếu bảo hiểm thất nghiệp hữu hiệu, thất nghiệp mà tăng cao thêm nữa làm sao cho khỏi trở thành vấn đề xã hội lớn đe dọa tới sự ổn định chính trị ?

Chúng ta thấy ở **Hàn quốc** nạn thất nghiệp tăng nhanh ; tháng 6.1998 tỷ suất người thất nghiệp là 7,7 % số lao động, tháng 7 đã lên đến 8,6 % trong khi vào tháng 7.1997 tỷ số ấy chỉ là 2,5 %. Công nhân đình công, xuống đường phản đối chính sách sa thải lao động, đòi không chỉ riêng người lao động phải chịu hệ quả của suy thoái kinh tế mà các tập đoàn

kinh doanh (chaebols) có trách nhiệm nặng nề trong tai hoạ này phải chia xẻ gánh vác tương xứng với trách nhiệm.

Chúng ta thấy thảm trạng xã hội ở **Indonexia**. Trong cuộc họp của Nhóm tham vấn GCI ở Paris vừa qua (29-30.7.98), chủ tịch Nhóm là Ngân hàng thế giới nhận định Indonexia đang bị đe doạ trầm trọng bởi nạn nghèo đói, thất nghiệp và xã hội rệu rã. Theo chính quyền Djakarta số người sống dưới mức nghèo đói – thu nhập dưới 4 đôla/ đầu người/ tháng – đã tăng gấp ba từ khi khủng hoảng nổ ra, hiện lên tới 80 triệu người trong tổng số 202 triệu dân, nghĩa là 40 % dân số ; và còn tăng nữa, dự phóng cuối năm sẽ lên tới 50 %. Thất nghiệp bùng nổ, 14 triệu người không có công ăn việc làm. Cướp bóc để có cái ăn xảy ra khắp nơi, liên tiếp.

Xã hội **Nhật Bản** giàu có, vững chãi biết mấy so với các nước Đông Á khác. Vậy mà kinh tế đình trệ kéo dài gieo trong xã hội một tâm trạng hoang mang, bất ổn. Số người vô gia cư không ngừng tăng từ giữa thập kỷ 90 này, người tự vẫn ngày càng nhiều – tăng 17 % trong năm 1997 – là những dấu hiệu của tâm trạng ấy. Trong thời gian kinh tế phát triển mạnh, cảm tưởng chung trong xã hội là ai cũng thấy đời sống dễ chịu, tự cho mình thuộc vào thành phần trung lưu, mọi người sàn sàn với nhau trong sự ổn định của đời sống. Kinh tế chựng lại, phân liệt xã hội trở nên rõ nét. Người người lo âu, bị sa thải thất nghiệp lúc nào không biết ; chẳng còn như trước đây, được nhận vào trong một doanh nghiệp là hầu như được bảo đảm có công ăn việc làm cho đến tuổi già.

Lòng người thấp thỏm lo ngại cho ngày mai. Thăm dò dân ý gần đây của hãng Dentsu cho thấy cái bi quan của dân chúng, chỉ có 30 % nghĩ rằng đời sống của họ có thể khấm khá lên trong vòng 10 năm sắp tới. Dân Nhật ý thức rằng đất nước họ đang ở vào một khúc quanh, nhưng phân vân chưa biết phải đi hướng nào (**Le Monde** 30.7.98). Họ mất tin tưởng nơi các nhà lãnh đạo chính trị, không đề ra được một chiến lược trong sáng rõ ràng .

I.3. Đảo lộn chính trị

Và dân chúng Nhật đã nói rõ họ không bằng lòng thủ tướng Hashimoto trong cuộc bầu cử thượng nghị viện ngày 12.7.98 vừa qua.

Họ không bằng lòng cái thái độ chần chừ, cái tính toán chính trị của thủ tướng và Đảng tự do dân chủ (PLD, Parti libéral démocrate) của ông, đã nghĩ rằng khôn khéo hơn cả là khoan lấy biện pháp mạnh giải quyết khủng hoảng kinh tế ; tưởng thế là không mất lòng ai, ỷ vào thói cũ của cử tri Nhật vốn chẳng quan tâm gì mấy đến chính trị, tính rằng họ sẽ lại như thường lệ bỏ thăm cho người cầm quyền đương tại chức ; như thế thì sau bầu cử, thủ tướng Hashimoto sẽ vẫn giữ được đa số, khi ấy rộng tay mà chọn lựa biện pháp, có mất lòng dân cũng không đáng ngại nữa.

Có ngờ đâu già tính lại hoá ra sai : cử tri Nhật, kể cả người trẻ, kéo nhau đi bỏ thăm rất đông tỏ ý của họ đòi hỏi lãnh đạo chính trị phải có quan niệm nhất quán và rõ ràng cho tương lai đất nước, có biện pháp dứt khoát thoát ra khỏi cơn khủng hoảng hiện nay. Thủ tướng Hashimoto và đảng PLD của ông thua đau. Thủ tướng phải từ chức ngày hôm sau, 13.7.98.

Lời cảnh cáo của người dân Nhật qua cuộc bầu cử 12.7 vừa qua không phải là một sự kiện riêng lẻ. Từ một năm nay chúng ta chứng kiến một hiện tượng đang liên tiếp xảy ra khắp nơi tại Đông Á : dân chúng chối bỏ các nhà cầm quyền quen thói coi thường xã hội công dân.

Những xã hội mà bấy lâu nay các nhà cầm quyền chẳng bao giờ đoái hoài đến ý kiến khi phân bố quyền hành hay chia quyền lợi chúc vị, những xã hội ấy đang phá vỡ huyền thoại hằng được các chính quyền độc đoán rêu rao : truyền thống Á Đông, dân chúng ngoan ngoãn cúi đầu tuân theo kỷ luật và trật tự các vị lãnh đạo ban bố ra.

Trong năm vừa qua, xã hội Đại Hàn đã đưa lên chức vị tổng thống ông Kim Dae-jung trước đây bị chính quyền khép vào tử tội vì lập trường dứt khoát đối lập, dân chúng Indonexia đã đuổi nhà độc tài Suharto nắm quyền tổng thống trong tay suốt trên 30 năm nay. Dân chúng Hồng Kông đã dồn phiếu tín nhiệm cho các ứng cử viên dân chủ, những người mà các nhà lãnh đạo Trung Quốc ghét cay ghét đắng. Dân chúng Đài Loan bất chấp pháo thuyền Trung Hoa lục địa tập trận đe dọa ngay sát hải phận, đã bỏ phiếu đặt nền móng cho một chế độ dân chủ thực sự không có trong truyền thống Trung Hoa. Và đến cả tại Bắc Kinh, chúng ta được thấy vị lãnh đạo chính trị tối cao phải chứng kiến cho tổng thống Hoa Kỳ Bill Clinton họp báo truyền hình trực tiếp nói về vụ Thiên An Môn.

Sự kiện đã rõ ràng : sau khủng hoảng, quan hệ xã hội với chính quyền không thể y nguyên như trước đây được nữa.

Vấn đề là chuyển đổi trong êm thắm hay trong hỗn loạn, dân chúng kéo nhau xuống đường gây sức ép, nhà cầm quyền buộc phải xuôi theo như chúng ta được thấy ở Indonexia.

II. Tình thế Việt Nam

II.1. Suy thoái kinh tế

Kinh tế Việt Nam không bị khủng hoảng đột ngột như một số nước Á Đông. Nhưng cũng phải chịu những hệ quả không tránh được của tình hình suy thoái chung cho cả khu vực. Những số liệu chính thức của chính phủ về kinh tế 5 tháng đầu năm cho thấy tăng trưởng giảm, lạm phát tăng, xuất khẩu sút, đầu tư kém, số lao động mất việc làm nhiều lên.

Đầu tháng 6 những con số của chính phủ công khai xác nhận mức tăng tổng sản phẩm quốc nội chỉ đạt 6,5 - 6,8 % thay vì 9 % như dự kiến, thấp hơn từ 2,3 - 2,6 % so với cùng kỳ năm ngoái. Kim ngạch xuất khẩu chỉ đạt 4 tỷ đôla, tăng 14,5 % nhưng không đạt 36,6 % theo dự kiến và thấp hơn tỷ số 31,8 % cùng thời kỳ năm 1997. Vốn đầu tư phát triển mới đạt 35 000 tỷ đồng, bằng 30 % dự kiến ; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm 15 % so với cùng kỳ năm trước (xem **D.Đ.** số 76 tháng 7.98, tr. 5).

Cuối tháng 6, thủ tướng Phan Văn Khải còn báo động rằng tình hình kinh tế Việt Nam sẽ khó khăn hơn trong những tháng tới. Và sau đợt phá giá 5,29 % ngày 16.2.98, hôm 7.8.98 Ngân hàng trung ương lại phá giá thêm 7 % đồng bạc Việt Nam.

Hội nghị các tổ chức và chính phủ tài trợ cho Việt Nam họp tại Huế vào giữa tháng 6.1998 thúc giục chính quyền Hà Nội tăng tốc cải tổ kinh tế để đối phó với tác động của khủng hoảng châu Á. Chương trình Liên hiệp quốc vì phát triển UNDP tóm lược một số khuyến cáo chính yếu : cải thiện thông tin, tăng cường sự trong suốt, cắt giảm tài trợ khu vực quốc doanh, phá giá đồng bạc Việt Nam. Cũng trong hội nghị nói trên, thủ tướng Phan Văn Khải nhận định rằng chính phủ của ông không đánh giá thấp những hậu quả của khủng hoảng kinh tế khu vực, song sự yếu kém nội tại của nền kinh tế Việt Nam mới là nhân tố chính của sự tắc nghẽn. Và ông nêu lên các yếu tố : khả năng cạnh tranh kém của các doanh nghiệp, hệ thống tài chính và tiền tệ có nhiều khiếm khuyết, bộ máy nhà nước thiếu trong sạch và gây khó khăn phiền hà.

II.2. Vấn đề đang đặt ra cho Việt Nam

Những chứng bệnh các thầy chẩn mạch gọi tên đều đúng cả. Có điều là các vấn đề kinh tế cấp bách, quan trọng, đòi hỏi giải pháp đúng đắn ngay, nhưng chăm chắm vào kinh tế có đủ không, hay tình thế cần tầm nhìn rộng lớn và biện pháp vượt ra ngoài lĩnh vực kinh tế ?

Vấn đề chỉ nặng về mặt kỹ thuật hay chăng ? Dù biết rằng kỹ thuật hiện là một vấn đề khó khăn, cái mô hình cho ta phát triển trong gần một thập kỷ nay đã mất hiệu năng, những mô hình Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan ta trông mong rút lấy tinh tuý đang gãy đổ, không chắc còn tác dụng trong tình thế mới đã khác đi nhiều so với trước khủng hoảng. Cứ cho rằng ta tìm ra được một mô hình phát triển thích nghi đi, thì có đủ hay chưa ?

Hay còn thiếu những yếu tố khác ? Yếu tố tinh thần chẳng hạn ?

Khi các vị lãnh đạo chính trị kêu gọi " phát huy nội lực " thì đã cố ý hay vô tình gợi cho ta nghĩ đến cái sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc. Cái sức mạnh có phần do của cải vật chất, có phần do tổ chức thích nghi, nhưng không chỉ bấy nhiêu thôi, mà phần chính là sức mạnh tinh thần. Như cái sức toàn dân đứng lên, sức mạnh của Cách mạng tháng tám phá xích xiềng thực dân đế quốc, giải phóng đất nước.

II.3. Một cái gì đã mất

Nói thế thì cái sức của nhân dân được cởi trói lao vào làm ăn cật lực, kinh tế phát triển vù vù trong nhiều năm liền chưa phải là " nội lực " sao ? Nó khác với sức mạnh thời cách mạng chỗ nào ?

Khác ở một điểm, nhưng là điểm cốt yếu.

Trong những năm vừa qua người dân được dễ dàng mà làm ăn, mạnh ai nấy lo cho mình, cho gia đình mình. Đất nước cứ thế mà phát triển giàu có lên, hầu như chẳng cần ai phải bận tâm đến chuyện chung, đến vận mạng của dân tộc. Như thể rằng cứ lo cho riêng mình là tất nhiên cái chung, đất nước cũng được hưởng theo.

Trái với thời cách mạng, thời mà không ai không chú tâm đến ước vọng chung : độc lập cho dân tộc. Mọi người để sức lực, tâm trí vào ước mơ ấy, nhiều người đã không ngần ngại tạm gác chuyện riêng tư qua bên để lo chuyện chung. Phải hy sinh xương máu cũng không quản ngại.

Cái khác biệt giữa hai thái độ tinh thần hiện rõ khi gặp vấn đề hóc búa đặt ra cho cả xã hội.

Vấn đề trước mắt của thời cách mạng là giành lại chủ quyền dân tộc trong tay thực dân, đế quốc. Và người ta đã được thấy không mưu mô, không sức mạnh nào chuyển nổi quyết tâm người Việt hướng tới mục tiêu ấy. Thực dân đế quốc trăm phương tráo trở thì ta tìm ra ngàn kế phá vỡ âm mưu thâm độc, đẩy lui sức mạnh ngàn cân của kẻ địch. Cái sức bền bỉ dẻo dai sáng tạo không cùng ấy, có người quan sát lấy làm lạ mà gọi là " cái cuồng nhiệt làm người Việt " (la rage d'être vietnamien), chính là " nội lực " của dân tộc. Nó cuồn cuộn không cùng vì không ai không góp phần mình cho mục tiêu chung.

Sức mạnh ấy nảy sinh mỗi khi dự phóng chung rõ ràng trong lòng người dân. Ý thức dự phóng chung ấy, tôi gọi là ý thức chính trị. Vì nó mà mỗi người dân là một công dân, đưa vai gánh lấy phần trách nhiệm của mình cho vận mệnh dân tộc và vì thế biết mình đi về đâu, hành động vì mục tiêu gì.

Ngày nay Việt Nam đang đứng trước tình thế khủng hoảng toàn khu vực. Người người cật lực vẫn cứ không cản nổi kinh tế suy thoái, đời sống cứ khó khăn hơn. Lòng người hoang mang, bất lực. Chính vì cuộc khủng hoảng toàn khu vực đe doạ thách thức không chỉ các cá nhân riêng lẻ mà toàn thể các quốc gia, các dân tộc. Có hay không khả năng đem vốn liếng lịch sử và văn hoá của mình ra giải quyết vấn đề hiện tại trong một dự phóng sáng tạo ra tương lai, một dự phóng nhất quán trong mục tiêu mà muôn màu muôn mặt trong thực hiện.

Tìm lại dự phóng chung cho mọi tầng lớp xã hội đã bị mất đi trong những năm mạnh ai nấy lo cặm cụi kiếm sống vừa qua, tôi gọi đó là tìm lại cái chính trị. Đó là nguồn khơi dậy nội lực toàn dân.

III. Tìm lại ước mơ chung

Một dự phóng có sức thu hút được niềm tin và mong ước của toàn dân khi nào nó hoà hợp nổi hai sắc thái trái nghịch nhau : cụ thể, thiết thực để thể hiện một ước mơ. Nó là một ước mơ chung đi vào hiện thực.

Nhìn lại, ước mơ của dân Việt Nam mãnh liệt mà giản đơn vô cùng. Mãnh liệt, thì ta thấy đó, mới một phần đi vào hiện thực đã buộc hai đế quốc cường thịnh nhất hoàn cầu trả lại cho dân tộc, đất nước ta độc lập và thống nhất. Giản đơn, vì ba chữ ĐỘC LẬP, TỰ DO, HẠNH PHÚC tóm gọn cái ước mơ của toàn dân cùng nhau đứng dậy làm Cách mạng tháng tám.

HẠNH PHÚC, cái phần chủ quan mơ hồ nhất thật ra đơn giản như ước mơ của những con người của một xã hội nông nghiệp. Sống an lành, đủ ăn đủ mặc, con cái được học hành, trong một xã hội đùm bọc lẫn nhau, tôn trọng lẫn nhau, ai ai cũng được ngẩng mặt làm người.

Nếu cách mạng là một cuộc đổi đời, thì cái đời mà người dân Việt Nam quyết tâm đổi bỏ là thân phận truyền kiếp làm

con giun cái kiến — trong thời kỳ thực dân đô hộ và trước đó dưới chế độ quân chủ chuyên chế – kẻ có quyền thế mặc tình giày xéo vo tròn bóp méo thế nào cũng phải cúi đầu mà cam chịu.

Đi theo cách mạng để được ngẩng mặt làm người, dân Việt Nam tin rằng cách mạng thành công thì tính chất của quan hệ giữa mình với chính quyền sẽ phải khác hẳn đi, Nhà nước con đẻ của cách mạng chỉ có thể là một chính quyền của xã hội, của mọi người.

Và họ đã giành lại độc lập, thống nhất, điều kiện tiên quyết để xây dựng TỰ DO, HẠNH PHÚC.

III.1. Nguyện ước chưa thành hiện thực

Một thời gian dài, khi đã độc lập thống nhất nhiều người Việt Nam nghĩ rằng có thể hướng đến lý tưởng HẠNH PHÚC bằng cách đồng nhất hoá xã hội. Giảm dần cách biệt về kinh tế - xã hội, làm tan đi cơ sở mâu thuẫn quyền lợi, xoá đi phân hoá giai cấp. Tin rằng khi mọi người trong xã hội được đồng nhất với nhau trong điều kiện kinh tế và vật chất thì ý chí và tư tưởng cũng sẽ đồng nhất mà hướng về mục tiêu chung. Nếu thể hiện được điều kiện ấy, trên lý thuyết chính quyền là từ thực thể toàn xã hội mà ra ; vì thế nó không thể là một hình thức áp bức con người như các chính quyền trong một xã hội giai cấp.

Lý tưởng ấy còn xa mới thành hiện thực thì đảng cầm quyền ở Việt Nam đã đổi hướng. Vì, chấp nhận kinh tế thị trường, dù là với định hướng xã hội chủ nghĩa, thì thực tế là đã tạm đình lại – đến bao giờ chưa biết – cái mục tiêu thể hiện nhanh chóng lý tưởng một xã hội công bằng, bình đẳng.

Và chúng ta đang thấy xã hội phân hoá mạnh, địa vị, đời sống kẻ giàu người ngèo ngày càng cách biệt.

Thực tiễn đã là một xã hội nhiều thành phần đang phân hoá nhanh mà quan hệ giữa nhà nước với xã hội không chuyển đổi để kịp thích nghi thì sao cho khỏi mâu thuẫn thêm sâu sắc ; và thực tế là xã hội đã và đang bị tước mất khả năng chủ động phát biểu và hành động trước một Nhà nước quyền lực không đối trọng. Nhiều thành phần xã hội cảm thấy sinh sống làm ăn bị chèn ép ; nhà nước không thấy nỗi khổ của nhân dân, lao động cật lực mà tương lai không biết đi về đâu. Về mặt tinh thần thì là một sự phá sản đạo đức, lời nói không đi đôi với việc làm, núp sau lưng Nhà nước có những kẻ gian manh tham nhũng làm giàu trên đầu trên cổ nhân dân.

III. 2. Xây dựng hạnh phúc chung

Sống an lành trong một xã hội biết đùm bọc lẫn nhau, ai ai cũng được tôn trọng như một công dân, cái ước mơ HẠNH PHÚC ấy là di sản Cách mạng để lại cho mọi công dân Việt Nam, kể cả những người không đồng ý kiến với Cách mạng. Điều kiện thiết yếu để có tư cách làm người, làm công dân cũng nằm sẵn trong di sản của quá khứ, trong đó có Cách mạng : chữ TỰ DO, mặc dù còn mù mờ.

Và, trong cụ thể, những tự do - tư tưởng, báo chí, hiệp hội, đi lại - nếu chưa thành hiện thực thì ít nhất cũng được trang trọng ghi nhận trong hiến pháp.

Chuyển những tự do trên giấy tờ ấy thành thực tiễn, mỗi công dân có quyền và có điều kiện để cho khả năng thiên phú được nảy nở theo ý nguyện của mình, đó là một yêu cầu nhất thiết trong dự phóng xây dựng tương lai. Tự do khi ấy là tự-do-có-thực-quyền, tự-do-tham-gia vào công cuộc xây dựng hạnh phúc chung, xây dựng xã hội.

Nói thế là đã chấp nhận tính đa dạng của cá nhân. Cũng như tính đa dạng của các cộng đồng, các tầng lớp xã hội. Dù biết rằng đó là một nhân tố làm mất hoà hợp trong đời sống chung. Vì cái đa dạng ấy là nguồn gốc của sức mạnh dân tộc, của khả năng đáp ứng muôn màu muôn mặt với thách thức của thực tại. Nhất là cái thực tại không ai đoán trước được của thế giới đang biến chuyển nhanh chóng ngày nay. Và cũng vì chúng ta tin rằng tập thể chúng ta có khả năng tạo dựng nên phương cách thông hiểu và quan hệ hợp lý giữa người với người trong bình đẳng của tự do và nhân quyền.

Nếu bạn hỏi dựa trên cơ sở nào mà mạnh tin như vậy ? Thì tôi xin đáp rằng ít nhất người dân Việt cũng đã học được đôi điều trong nửa thế kỷ vừa qua :

Rằng hy sinh mục tiêu giải phóng con người cho một xã hội kiểu mẫu không tưởng là một kinh nghiệm đau đớn. Rằng thiếu pháp lý công minh, dù cho nhà cầm quyền có thiện ý cũng không khỏi sinh ra lạm quyền, áp bức. Rằng có quyền lực thì phải có giới hạn quy định rõ ràng, có cơ quan kiểm sát, có đối trọng ; chính quyền cần có quyền lực nhưng nguyên tắc hoạt động phải là phân quyền.

Đôi điều học được chẳng là bao phải không bạn ? Vâng, nhưng những kinh nghiệm mà chúng ta đã phải trả với giá cao ấy cộng với di sản Cách mạng để lại đủ để chúng ta cùng nhau phác hoạ ra một dự phóng chung. Khiêm nhượng không hứa hẹn đảo lộn toàn diện xã hội ; đủ tham vọng để không đánh rơi mất đạo lý công dân ; đủ thực tiễn để hoà hợp tiếp thu những khác biệt, những mâu thuẫn xã hội trong một nhà nước pháp quyền ; đủ trung thành và sáng tạo để chuyển lịch sử, văn hoá dân tộc thành sức mạnh đưa quá khứ vào tương lai ; đủ sáng suốt để không quên cộng đồng là cơ sở thiết yếu cho phát triển cá nhân nhưng dù sao cũng là phương tiện, con người mới là cứu cánh và không đem cứu cánh hy sinh cho phương tiện.

Một năm khủng hoảng ở Đông Á, các chính quyền trong vùng vẫn lúng túng chưa tìm ra lối thoát. Thích nghi kinh tế quốc gia với nền kinh tế toàn cầu hoá, giải quyết một cách êm thắm các xáo động xã hội do khủng hoảng kinh tế gây ra, những vấn đề tự chúng đã thật khó giải. Lại càng khó giải hơn cho các chính quyền độc đoán nắm mọi quyền hành trong tay ; thông tin bị ngăn chặn, ngôn luận bị bóp nghẹt, luật lệ phiền hà gò bó, xã hội bị nút tai bịt miệng bó tay tước mất khả năng phản ứng linh động trước những vấn đề phức tạp tình thế đang đặt ra.

Thay đổi mau chóng quan hệ giữa nhà nước và xã hội, xây dựng một dự phóng chung cho dân tộc, đó là phương hướng ứng phó với thách thức đang đặt ra cho Việt Nam. Và cũng là cách hay nhất để tránh xảy ra tai hoạ xã hội nổi loạn chống nhà nước. Nội lực, chính là một đời sống chính trị lành mạnh.

Bùi Mộng Hùng (tháng 8.98)

TƯ LIỆU

10 đảng viên lão thành gửi thư cho Bộ chính trị ĐCSVN

Cuộc đối diện giữa tướng về hưu Trần Độ và bộ máy lãnh đạo đảng cầm quyền vẫn tiếp tục trong những tháng qua theo hai hướng, ở hai cấp độ khác nhau, thể hiện một chính sách hai mặt, thực dụng, thô thiển nhưng dầu sao cũng bớt thô bạo hơn trước.

Một mặt, lãnh đạo tỏ ý trọng thị (tổng bí thư tới chúc tết thủ trưởng cũ), coi bất đồng ý kiến là chuyện bình thường. *(Nhân dịp Quốc khánh, dùng danh nghĩa ân xá để trả tự do cho các ông Đoàn Viết Hoạt và Nguyễn Đan Quế : đó cũng là một việc làm khác, đáng hoan nghênh nếu đây mở đầu cho một cố gắng tôn trọng những quyền tự do ngôn luận tối thiểu của mọi công dân).*

Mặt khác, báo chí của ĐCS đăng khoảng 30 bài bác bỏ sau khi xuyên tạc quan điểm của tướng Trần Độ và của các ông Phan Đình Diệu, Hoàng Hữu Nhân, Hoàng Minh Chính... Tổng bí thư Lê Khả Phiêu tuyên bố trên tivi là không hề có sự quản chế tướng Trần Độ. Song nhà riêng của ông Trần Độ luôn luôn được công an bủa lưới vây quanh, hạch hỏi người tới thăm viếng. Đồng thời, những báo cáo viên được cử xuống các đảng bộ cơ sở để phổ biến ý kiến của trên về các vụ việc ấy. Cách làm này không mới. Cái mới là nó không còn hiệu quả như xưa. Bằng chứng là lá thư dưới đây của 10 đảng viên lão thành được luân lưu từ trung tuần tháng 6.

Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thư gửi Bộ Chính trị Đảng cộng sản Việt Nam

Chúng tôi, một số cán bộ lão thành, gồm 10 người, có 2 cụ bà, sinh hoạt ở nhiều chi bộ khác nhau, được nghe báo cáo viên truyền đạt về việc đồng chí Trần Độ và đồng chí Hoàng Hữu Nhân.

Chúng tôi xin đề đạt với Bộ Chính trị mấy đề nghị như sau :

1. Những ý kiến của đồng chí Trần Độ và đồng chí Hoàng Hữu Nhân chống Đảng như thế nào, xin cho chúng tôi được biết. Nhiều người đã đề nghị báo cáo viên cho biết rõ. Báo cáo viên không trả lời được, nói rằng đây là phổ biến của trên. Sinh hoạt như thế là mất dân chủ nặng nề. Ở các chi bộ chúng tôi, khi phê phán đồng chí nào sai lầm, đều có mặt đồng chí đó và để đồng chí đó có quyền được trình bày, thanh minh.

Có lẽ nào bây giờ lại giống như trước đây, thời Lê Duẩn và Lê Đức Thọ, đã phổ biến xuống đến chi bộ là có nhóm xét lại chống Đảng, rồi gây ra bắt bớ giam cầm các đồng chí mình hàng chục năm trời, sau té ra là oan. Việc này đã được đồng chí Nguyễn Trung Thành, người đứng thứ hai sau Lê Đức Thọ trong ban chỉ đạo vụ án, sau nhiều năm do lương tâm day dứt không yên đã phải viết bức thư gửi Trung ương năm 1995 khi Lê Đức Thọ đã chết, xin giải oan cho 32 đảng viên bị xử trí oan khuất (gồm 4 ủy viên Trung ương, một thiếu tướng thứ trưởng, 4 vụ trưởng và 3 đại tá, còn lại đều là những cán bộ cách mạng trước và sau tháng tám năm 1945).

Để tránh những chuyện vu vạ gây oan khuất cho các đồng chí dám có ý kiến thẳng thắn với Đảng và Nhà nước, đề nghị Bộ Chính trị cho phổ biến bài viết của đồng chí Trần Độ và đồng chí Hoàng Hữu Nhân xuống đến từng chi bộ. Các đảng viên có quyền được đọc bài viết đó, và sẽ có ý kiến đúng sai của mình để đạt lên trên.

2. Việc báo chí phê phán ầm ĩ các đồng chí đó như vừa rồi là phạm pháp. Thế mà thường vụ Bộ Chính trị (đồng chí Phạm Thế Duyệt thay mặt) lại cho đấy là quyền của báo chí thực hiện chức năng " bảo vệ đường lối của Đảng", chứ không có ai chỉ huy và chỉ đạo cả.

Điều làm chúng tôi bất bình là Bộ Chính trị ủng hộ cho một việc làm sai. Căn cứ vào đâu mà dám bảo đúng sai ? Căn cứ vào luật pháp. Chúng ta đã có luật báo chí. Việc làm vừa rồi của một số báo là vi phạm điều 8 và điều 10 luật báo chí nước nhà. Biết luật mà lại vi phạm luật đáng ra phải trừng trị làm gương, đằng này lại bao che. Bộ Chính trị khoá này đã tạo ra một tiền lệ xấu cho việc vi phạm luật pháp tùm lum lâu nay.

Do đó nước ta có luật mà như không có luật. Người vô tội bị bắt oan rất nhiều. Tính trung bình một ngày có hơn 2 người bị bắt oan. Đó là theo con số của Quốc hội khóa 9 công bố mà tính ra. Con số thực còn phải tăng hơn nhiều. Gần đây, 1996, có vụ xử ba ông Lê Hồng Hà, Hà Sĩ Phu, Nguyễn Kiến Giang với tội danh " cố ý làm lộ bí mật nhà nước", là điển hình cho việc vi phạm luật pháp nhà nước. Không đủ chứng lý để buộc tội, không có tang chứng, vật chứng trước phiên toà, ấy thế mà toà vẫn tuyên án phạt tù như thường, nghe đâu vì có ý kiến của một vị trong Bộ Chính trị yêu cầu.

Nếu luật pháp mà không được tôn trọng như thế, thì đất nước sẽ loạn. Mong Bộ Chính trị lưu ý.

3. Việc phê phán đồng chí Trần Độ tán phát những bài viết của mình, hoặc trả lời phỏng vấn các hãng thông tấn nước ngoài là phạm pháp. Sao lại kết luận hồ đồ như vậy ?

Có điều nào trong luật cấm đoán người Việt Nam không được trả lời phỏng vấn nước ngoài ?

Có điều nào trong luật coi việc tán phát những bài viết là phạm pháp ? ở bộ luật nào ? Điều khoản nào ? Dân sự hay hình sự ? Hay tố tụng hình sự ? Hay cao nhất nước là Hiến pháp chăng ?

Chúng tôi đã cố tìm mà không thấy. Đây chỉ là sự hù doạ nhau, và nếu xét cho nghiêm khắc, thì sự hù doạ này phải được coi là sự vi phạm luật pháp.

Điều 69 Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt

Nam ghi " *công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, có quyền được thông tin, có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo qui định của pháp luật* ".

Có quyền được thông tin, nghĩa là có quyền nhận thông tin của người khác và trao đổi thông tin với người khác ; nói cách khác là có quyền tán phát những bài viết của mình với mọi người và ngược lại, như thế là quyền này bổ sung cho quyền tự do ngôn luận ghi ở trên.

Nước chúng ta lại đã tham gia ký kết vào các Hiệp ước quốc tế từ năm 1982. Ký kết là có trách nhiệm phổ biến và thi hành những điều khoản của các Hiệp ước đó. Trong đó có Tuyên ngôn về Nhân quyền thế giới và Công ước về Quyền dân sự và chính trị của con người.

Điều 19 của Tuyên ngôn toàn thế giới về Nhân quyền ghi : « *Mọi người đều có quyền tự do có ý kiến và phát biểu ; quyền này cho phép bất cứ ai đều không phải lo ngại về những ý kiến của mình. Nó bao gồm cả quyền tìm kiếm, thu nhận và truyền bá các thông tin và các ý tưởng, bất chấp biên giới bằng bất cứ phương tiện nào.* » (trích trong cuốn *Quyền con người trong thế giới hiện đại*, Viện Thông tin Khoa học xã hội Hà Nội, 1995, bản tiếng Việt).

Điều 19 của Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị còn nói rõ hơn : « *Mọi người đều có quyền giữ quan điểm của mình mà không bị ai can thiệp vào. Mọi người đều có quyền tự do ngôn luận ; quyền này bao gồm cả quyền tự do tìm kiếm, thu nhận và truyền đạt mọi loại tin tức, ý tưởng, không phân biệt ranh giới, hoặc bằng lời nói, hoặc bằng bản viết, bản in, hoặc bằng hình thức nghệ thuật, hoặc thông qua bất kỳ một phương tiện nào khác tuỳ sự lựa chọn của họ.* » (trích trong *Việt Nam với Công ước quốc tế về quyền con người*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội 1992, bản tiếng Việt).

Vậy thì việc kết tội đồng chí Trần Độ như kể trên, chẳng những là vi phạm luật pháp trong nước mà còn là vi phạm luật pháp quốc tế nữa. Mong Bộ Chính trị lưu ý.

4. Chúng tôi bộc trực đặt một câu hỏi : Việc bầu Bộ Chính trị vừa rồi đã thực sự dân chủ chưa ? Chúng tôi cảm thấy có điều gì đó (thật khó nói) như là phe cánh. Hình như nhóm người tham gia chỉ đạo việc đánh Campuchia chiếm giữ những quyền lực cao nhất, cả quân đội và an ninh. Việc phong hàng loạt tướng vừa rồi trong các lực lượng võ trang có phải là sự mở rộng vây cánh và thanh toán những người không ăn ý về vườn không ? Việc đồng chí Phạm Thế Duyệt, hồi làm bí thư Hà Nội, sau vụ cháy chợ Đồng Xuân và vụ lấn đê Yên Phụ, đáng ra phải thi hành kỷ luật, đằng này lại đánh bùn sang ao, được " cơ cấu " vào Bộ Chính trị đứng hàng cuối cùng, rồi bây giờ lại đôn lên làm thường trực Bộ Chính trị.

Chúng tôi thường nói với nhau, Đảng bây giờ không còn như xưa nữa rồi, không có những gương mặt sáng giá để tập họp được trí tuệ toàn Đảng. Vì thế mới cư xử tệ bạc với các đồng chí cũ như đối với đồng chí Trần Độ hiện nay. Ai bày ra cảnh cho một tên Việt kiều cha căng chú kiết, lưu vong sang Mỹ, lại lên lớp dạy dỗ, thoá mạ, hỗn xược với một cựu uỷ viên trung ương Đảng, một vị tướng tài ba của Quân đội Nhân dân đã có nhiều công tích đáng ghi vào lịch sử, là đồng chí Trần Độ ? Mà bài của hắn lại được đăng trang trọng trên những trang báo lớn như báo Nhân Dân và tạp chí Thông tin tư tưởng ; rồi lại được các bài viết khác trích đăng coi như là vàng ngọc của bậc thầy dạy bảo mọi người (ví như bài của Trần Trọng Tân trên báo *Sài Gòn giải phóng* đã trích).

Và bây giờ lại cho các báo cáo viên xuống các tỉnh uỷ, thành uỷ, các Đảng đoàn, Đảng uỷ, các chi bộ đường phố, bôi nhọ nói xấu đồng chí Trần Độ, với lời đe doạ phải xử lý nghiêm, còn vu cáo có hành động phạm pháp nhằm chuẩn bị dư luận cho một cuộc trấn áp bắt bớ có thể sẽ diễn ra sau đó.

Chúng tôi xin tuyên bố thẳng thắn là :

– Nếu kỷ luật đồng chí Trần Độ, chúng tôi sẽ vứt trả lại thẻ đảng, vì cái Đảng này không xứng đáng để những con người chân chính đứng trong hàng ngũ nữa.

– Hai, nếu bắt đồng chí Trần Độ, chúng tôi sẽ xuống đường phản đối để tỏ thái độ, nguyện cùng sống chết với đồng chí Trần Độ, con người đã trở thành biểu tượng cao đẹp của đất nước.

Chúng tôi lúc ấy không phải chỉ là 10 người nữa đâu, mà sẽ có hàng ngàn các cựu chiến binh, các đảng viên chân chính, các cán bộ nghỉ hưu, và vạn vạn những người dân lành ủng hộ chúng tôi, đứng về phía chúng tôi.

Chúng tôi yêu cầu Bộ Chính trị hãy gương mẫu giữa nói và làm. Đồng chí tổng bí thư Lê Khả Phiêu đã trả lời báo chí nước ngoài là không có sự quản thúc đồng chí Trần Độ. Sự việc đó đã chiếu trên tivi, cả nước được xem. Vậy thì cần phải thi hành ngay. Giải tán những công an mật vụ mặc thường phục bao vây nhà đồng chí Trần Độ, đe doạ và gây phiền hà những người ra vào thăm hỏi. Trong đó có những vị trung tướng đến thăm bạn, khi ra cũng bị gây phiền phức.

Muốn thu phục được lòng người cần phải giữ chữ Tín.

Chỉ có lòng thành thật nhân ái mới đoàn kết được mọi người ; còn sự dối trá mưu mẹo chỉ có thể lừa dối được việc nhỏ, chứ không thể thành công trong việc lớn.

Rất mong Bộ Chính trị khoá này lưu ý.

Hà Nội ngày 15 tháng 6 năm 1998

Nguyễn Việt Hùng

(Quận Đống Đa-Hà Nội)

Ký thay 10 cán bộ lão thành ở Hà Nội

đã phát hành số 3

gió đông

giai phẩm văn học

giá 1 số : 12 DM / 8 USD,
giá 4 số : 45 DM (châu Âu), 36 (ngoài châu Âu)

postfach (hộp thư) 190127, 53037 BONN, Đức
Tel +49 (0)228 214536, Email : giodong@gmx.de
Internet : http://giodong.home.ml.org

Báo cáo của g.s. Tương Lai

Một cuộc khảo sát xã hội học về vụ Thái Bình

Những cuộc đấu tranh bạo động của nông dân Thái Bình mùa hè năm ngoái (xem **Diễn Đàn** các số 66, 67), cùng nhiều sự biến khác ở các tỉnh Đồng Nai, Thanh Hoá, Hà Tĩnh, Nghệ An v.v..., làm nổi bật tình hình bất ổn của nông thôn VN hiện nay. Trên mặt báo này, Vũ Quang Việt đã phân tích khía cạnh kinh tế của tình hình đó. Chúng tôi đã nhận được trong hè qua một bản " Báo cáo sơ bộ *Về cuộc khảo sát xã hội học tại Thái Bình cuối tháng sáu, đầu tháng bảy năm 1997* " ký tên **Tương Lai**, Viện trưởng viện xã hội học, thành viên tổ nghiên cứu đổi mới của thủ tướng chính phủ.

Mọi người đều biết, chưa thể trông chờ ở VN một cuộc khảo sát xã hội học độc lập của những nhà nghiên cứu có thể đặt ra mọi câu hỏi và, trong cuộc tìm kiếm các câu trả lời, không bị kềm chế bởi những khuôn khổ tư duy được xác định trong các nghị quyết đương thời của đảng. Nhất là đối với một vấn đề chính trị nóng bỏng như vấn đề bạo động của nông dân. Trong phần mở đầu của bản báo cáo này, bên cạnh các chứng từ về khả năng chuyên môn của những người tham gia cuộc khảo sát, người viết cũng đã không quên nhắc lại tư cách đảng viên của họ, chắc hẳn như một bảo đảm cho tính chất " trong sáng ", và ít ra là nỗ lực đi " đúng hướng ", của những nhận xét, kết luận mà họ nêu ra. Chẳng hạn, người ta sẽ không thấy báo cáo đá động gì tới những tham nhũng và vi phạm dân chủ của cán bộ trên cấp xã. Có thể nào tin là không có ? Tuy vậy, người ta đọc được trong báo cáo một số thông tin và nhiều nhận xét, suy nghĩ, chắc không phải hoàn toàn vắng bóng ở những cuộc thảo luận ở trong nước nhưng rất hiếm được nêu trên các phương tiện truyền thông. Trong khuôn khổ một bài báo DĐ, chúng tôi xin giới thiệu dưới đây một vài đoạn trong báo cáo, như một tài liệu tham khảo hữu ích đối với những ai theo dõi vấn đề nông dân Việt Nam hiện nay.

Mở đầu báo cáo, sau khi nhắc lại sự kiện đêm 26 rạng ngày 27/6/97, " *hàng ngàn nông dân nổi dậy đập phá* " trụ sở uỷ ban và nhiều ngôi nhà của những cán bộ chính của xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ tỉnh Thái Bình, tác giả đặt ra các câu hỏi :

Vấn đề gì đã diễn ra ở đây ? Nguyên nhân vì đâu ? Hậu quả ra sao ? Diễn biến sắp tới sẽ thế nào ? Cần có kiến nghị gì đây từ sự tiếp cận xã hội học ?

và giới thiệu sơ lược 3 nhóm nghiên cứu, gồm 10 người, với các mục tiêu khảo sát ở những địa phương khác nhau trong tỉnh.

Phần chính của báo cáo gồm 5 chương, dài ngắn khác nhau, và 4 trang kết luận (khổ A4, dòng đôi) trong đó tác giả nêu ra 3 " kịch bản " dự báo những diễn biến có thể xảy ra và ý kiến của mình. Trong chương I, hơn 8 trang rưỡi, với tựa đề **Tổng quan về các sự kiện dẫn đến sự bùng nổ ở Thái Bình**, tác giả nhắc lại :

« *Đã có tới 5 (Quỳnh Phụ, Hưng Hà, Tiền Hải, Đông Hưng, Thái Thuy) trên 7 huyện và thị (xã) của tỉnh có phản ứng và khiếu kiện của nông dân về những vấn đề dân chủ và công bằng xã hội trong nông thôn. Nội dung chủ yếu của những khiếu kiện này tập trung xung quanh việc đòi thanh tra và công khai hoá việc phân chia ruộng và nhất là việc thu và chi những khoản đóng góp mà chính quyền địa phương (xã và huyện) thu của nông dân trong những năm qua để xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong nông thôn, chủ yếu là các công trình Điện - Đường (xá) - Trường - Trạm (y tế)* »

Sau khi đặt câu hỏi " *Phải chăng các khoản thu này là quá lớn so với khả năng đóng góp của người nông dân Thái Bình vốn chỉ có nguồn thu từ hạt thóc là chủ yếu ?* ", báo cáo viết tiếp :

« *Điều cần lưu ý là các khoản thu và chi này đã không được sử dụng một cách công khai và dân chủ. Các khoản thanh toán được công bố lại cho thấy có dấu hiệu của sự lạm dụng công quỹ, bởi nó vượt quá xa các định mức chi phí trên thị trường (giá của các công trình xây dựng thường cao gấp nhiều lần giá trị thực tế của chúng). Một chiếc cống thoát nước do chính quyền xã xây đã quyết toán tới 21 triệu đồng, nhưng khi dân đập đi xây lại thì chỉ mất 7,5 triệu đồng (xã Quỳnh Hồng). Trong khi đó, một số cán bộ chủ chốt ở một số địa phương lại có biểu hiện giàu lên nhanh quá mức bình thường trong 5 năm qua, cùng với sự giàu lên trông thấy qua nhà cửa, các phương tiện sử dụng trong sinh hoạt là những nét xa hoa kệch cỡm về lối sống của một số người dễ dàng gây phản ứng trong quần chúng.* »

« *Nhân dân một số địa phương đã có đơn khiếu kiện lên xã, huyện, thậm chí cả tỉnh với các hình thức hợp pháp, từ đưa đơn có nhiều chữ ký cho một người đi gặp các cấp lãnh đạo có thẩm quyền (Tiền Hải, xã Đông Trà), tới việc tập trung vài chục hay vài trăm người trước cổng uỷ ban tỉnh từ cuối năm 1996. (Quỳnh Hội : tháng 10/1996, 700 người lên tỉnh 2 đêm 1 ngày để trình đơn khiếu kiện, sau đó là đợt 2, với 1 500 người đòi thanh tra lại đất 5 % vào tháng 4/1997). Người ta ước tính có chừng 120/260 xã trong tỉnh có biểu tình đưa đơn và từ chỗ lẻ tẻ ; dần dần hình thành tổ chức quy mô hơn, người ta cho rằng có chừng 40 cuộc biểu tình lên tỉnh được tổ chức có quy củ, trật tự.* »

« *Những cuộc khiếu kiện này thường được tiếp đón một cách không nhiệt tình. Cách trả lời thường là sự im lặng kéo dài, hoặc lờ đi, hoặc cho thanh tra công khai nhưng kết luận không có gì. Những vấn đề này, thực ra, đã nảy sinh từ những năm 86-90 song cách giải thích chính thức của các cấp chính quyền từ xã đến huyện, đến tỉnh về những sự kiện trên thường cho đó là* " những biểu hiện tiêu cực nảy sinh, do một số cán bộ, đảng viên thoái hoá, biến chất, lợi dụng chức quyền, tham nhũng, đè nén dân, làm mất uy tín của Đảng và Nhà nước. Mặt khác cũng là do một số người lợi dụng việc mở rộng dân chủ trong quá trình đổi mới và những khó khăn đang gặp phải đã có hành động cực đoan quá khích, thậm chí tiếp tay cho địch, gây rối nội bộ, nói xấu Đảng và Nhà nước ". *Những cách giải thích này không thuyết phục được*

quần chúng, nhất là vì nó chưa đưa ra được những giải pháp có hiệu quả thiết thực. »

Lô-gích hiển nhiên của những " im lặng đáng sợ " đó là :

«*...những sự biến xảy ra dồn dập hơn, mãnh liệt hơn, và có chiều hướng sử dụng bạo lực từ cả hai phía, để răn đe hoặc để giải quyết những vấn đề đang tồn tại.* »

Những sự biến có ý nghĩa của " *một cuộc khủng hoảng chính trị xã hội thực sự trong nhiều xã và huyện của nông thôn Thái Bình* ", nhất là khi " *sự xuất hiện của cảnh sát cơ động dường như đã đặt các cuộc biểu tình hợp pháp vào tình thế bế tắc* ".

Khởi đầu, theo báo cáo, là cuộc bạo động trước trụ sở uỷ ban huyện Quỳnh Phụ, nhân cuộc biểu tình ngày 11.5.1997 từ xã lên tỉnh bằng xe đạp của khoảng 2 000 nông dân thuộc 36 trên 38 xã của huyện. Khi cuộc tập trung của nhân dân cứ đông dần lên vì người các nơi ùn ùn kéo đến, " *thì do cách xử sự thiếu khôn ngoan và không thoả đáng của một số người đại diện cho quyền lực nhà nước, dân phẫn nộ đã dùng bạo lực, phá trụ sở công an huyện, tấn công bằng gạch đá vào lực lượng an ninh có trang bị xe phun nước và chó béc-giê* ". Cuộc xô xát này, theo tác giả báo cáo, " *cho dù không để xảy ra tử vong song đã là bước ngoặt dẫn đến những sự biến sau này ngày càng bạo liệt hơn, bạo lực nhiều hơn và ngày càng mang tính trả thù hơn là đấu tranh hợp pháp* ", với cao trào là việc đốt phá đêm 26.7.1997 tại xã An Ninh, cũng trong huyện Quỳnh Phụ.

Sau cuộc bùng nổ, " *tình hình tạm lắng xuống, song những nguyên nhân đẩy tới sự khủng hoảng và bùng nổ vẫn còn nguyên, nếu chưa nói là đây đó, nơi này nơi khác được nung nấu thêm ! Màn kịch bạo lực dường như đã đi quá những giới hạn có thể chấp nhận cả từ phía chính quyền lẫn từ phía nông dân, hậu quả xã hội thật nặng nề.* "

Nửa sau của chương I đã được tác giả dành cho " việc đánh giá lại những sự biến vừa xảy ra ", nhằm trả lời câu hỏi : " *bằng cách nào đây để giải quyết mâu thuẫn đã tích luỹ nhiều năm ở nông thôn mà không phải sử dụng đến bạo lực ?* ".

Báo cáo nêu ngay một vấn đề cốt lõi : " *Phải chăng là, không thể quy mọi nguyên nhân của các sự biến kể trên cho những kẻ quá khích, cực đoan hay những tên lưu manh chỉ thèm trả thù, cướp bóc và đập phá. Bởi lẽ nếu đúng là bọn này thì chúng không có uy tín, không có lẽ phải, không có khả năng tập hợp nông dân trong những* ***cuộc biểu tình hợp pháp, nghiêm túc và đầy ý thức chính trị như vừa qua*** (Chúng tôi in đậm, DĐ) ". Và nhấn mạnh vào " *Sự tham gia của đông đảo các đảng viên, các cựu chiến binh, những người về hưu, một lực lượng xã hội có trình độ nhận thức chính trị và xã hội tương đối cao trong nông thôn* ". Yếu tố này không những được chứng thực qua lời kể của nông dân, mà cả qua các cán bộ xã : " *Họ biết rất rõ những ai đứng đằng sau các cuộc tấn công vào bộ máy cán bộ đương quyền.* **Nhóm chủ yếu phát động là những cán bộ trước cũng làm cán bộ nhưng nay không còn đương chức nữa** (báo cáo nhấn mạnh). *Thuộc về nhóm chủ yếu này ở một số nơi có các cán bộ hưu trí, những người tương đối có trình độ cả về học vấn, tổ chức,còn sức lực nhưng thiếu việc làm* ".

Về một khía cạnh khác, báo cáo cho rằng lý do lôi kéo nông dân vào cuộc đấu tranh " dữ dội và rộng khắp " ấy " *không chỉ đơn thuần là kinh tế. Những khiếu kiện kinh tế chỉ là điểm xuất phát khi một số cán bộ xã bị nghi ngờ có hành vi tham nhũng lại tự đặt cho mình cái quyền tự phán xét, tự hợp thức hoá những quyết định đáng nghi ngờ của họ...* ".

Câu hỏi về những đóng góp của dân so với thu nhập của họ được trả lời trong chương II, **Sức dân bị khai thác quá mức, bị sử dụng lãng phí và bị tham nhũng quá mức**, dài khoảng 4,5 trang. Thực ra, các hiện tượng tham nhũng và lãng phí chỉ được đề cập một cách gián tiếp. Ngoài đề mục, toàn chương không còn một chữ " tham nhũng " nào khác, không có một lần bản báo cáo cho thấy là đoàn khảo sát có ý tìm hiểu tại sao " *nhóm cán bộ xã đã giàu lên nhanh chóng... mà không thể nào lý giải được nguồn gốc của số của cải đó* ", khiến cho " *trong các khiếu nại, nhiều người nông dân chỉ yêu cầu các cán bộ lãnh đạo xã dạy cho họ biết cách làm thế nào để có thể cũng giàu lên nhanh chóng như cán bộ* " !

Qua vài con số tuy sơ sài (và không mấy nhất quán), người ta được biết thực chất đời sống ở nông thôn :

« *Với nguồn thu tối đa là 1 triệu đồng/người/năm* (dưới 100 đôla theo tỷ giá hiện nay - DĐ), *người nông dân phải chi cho ăn, mặc, học hành của con cái, chữa bệnh, sửa chữa nhà cửa, và vô vàn các khoản khác nữa... Trong khi đó, đường nhựa và thông tin đại chúng truyền tải liên tục về cho họ những sản phẩm mới và những hình ảnh mới mà họ ít có cơ hội để hưởng dụng chúng. Đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục đại học và y tế nhà nước, rất khó để người nông dân có thể hưởng được những thành quả của sự phát triển trong hai hệ thống đó.* »

Về một khía cạnh khác, tâm trạng ấm ức - frustration - càng cao hơn trong giới thanh niên, khi " *những điều kiện để sử dụng thời gian nhàn rỗi là gần như con số không* ". Điều này cũng sẽ được bản báo cáo trở lại trong một chương ngắn (hơn 2 trang), chương V, nói về **Những nhu cầu khác chưa được đáp ứng.**

Dễ hiểu là " *từng người cụ thể không cảm nhận được sự tăng trưởng kinh tế* " mà báo cáo đánh giá là " rõ ràng " ở Thái Bình : " *người nông dân từ chỗ đói ăn, nhà tranh vách đất nay đã chuyển sang đủ ăn, nhà kiên cố* ".

Thế mà, với thu nhập ít oi không đủ chi cho những nhu cầu cá nhân và gia đình ấy, người nông dân Thái Bình còn phải góp phần chủ yếu cho các công trình điện, đường, trường, trạm, theo báo cáo là " *những thành tựu nổi bật* " của tỉnh trong 5 năm qua, " *tạo cho nông thôn Thái Bình một diện mạo rất tươi sáng* ". Đâu phải ở nơi nào hệ thống giao thông nông thôn cũng tốt như ở Thái Bình, " *đường liên xã đều được rải nhựa* ". Báo cáo nhấn mạnh nguồn vốn để thực thi các công trình đó, và cả cho việc xây dựng trụ sở, hội trường, nhà tưởng niệm v.v... " đều *chủ yếu lấy từ sự đóng góp của nông dân* ". Đặc biệt là khoản tiền vay của ngân hàng với hy vọng sẽ trả dần về sau này, " *gánh nặng trả nợ thì rồi cũng đè trên vai người dân chứ còn ở đâu khác* ".

Theo các tác giả báo cáo, sự đóng góp quá sức đó chính là một trong những nguyên nhân đẩy tới sự biến Thái Bình.

Cùng với sự đóng góp quá sức đó dĩ nhiên là có tình hình cán bộ tham nhũng quá đáng. Song, theo tác giả, nói rằng " *trăm sự là đều do cán bộ xã hư hỏng mà ra* " thì cũng có chỗ đúng nhưng chưa thật thoả đáng, và " *cũng chưa đi vào nguyên nhân cơ bản* " dẫn đến cuộc khủng hoảng. Chương III của bản báo cáo, dài gần 8 trang, với tựa đề **Cán bộ và cơ chế**, là chương đi xa nhất trong việc tìm hiểu đâu là cái " nguyên nhân cơ bản " đó, qua 3 đề mục, " Về người cán bộ xã ", " Sự đối đầu giữa cán bộ quản lý và dân ", và " Những giải pháp bất cập từ nhiều phía ".

Không phủ nhận những yếu kém và bất cập của cán bộ ở xã, và hoàn toàn tránh né mọi sự suy rộng ra toàn xã hội, tác giả đã đặt thẳng vấn đề cơ chế vận hành của bộ máy quyền lực (ở nông thôn), chỉ rõ tác hại của " *cách nhận định địch - ta trong tư duy chính trị* " v.v... Về một khía cạnh khác, người đọc sẽ được lưu ý tới sự sống dậy của cái cơ chế " làng - họ " vẫn tiềm tàng sâu đậm trong tâm thức và thế ứng xử của người nông dân, đặc biệt là nông dân đồng bằng Bắc Bộ. Để bạn đọc dễ dàng tham khảo, chúng tôi trích đăng dưới đây nhiều đoạn của chương III này.

1. Về người cán bộ xã.

Sau khi nhấn mạnh " *người cán bộ xã chính là những thành viên cấp cuối cùng thực thi mọi đường lối chính sách của đảng và nhà nước ?* ", báo cáo phân tích :

« *Ở một khía cạnh nào đó, người cán bộ xã phải gánh trên vai toàn bộ gánh nặng của hệ thống quản lý về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, an ninh, quốc phòng... Chính họ là người chuyển tải mọi chủ trương đường lối của đảng và nhà nước đến trực tiếp người dân, nói đúng hơn, đến 80 % dân số cả nước. Không có họ, khó hình dung được sự hoạt động của hệ thống quản lý. Cho nên, không thể chỉ có sự phán xét về họ, mà quan trọng hơn, là sự thẩm định trở lại cái cơ chế đang điều hành họ, đúng hơn, cái cơ chế mà họ được đặt vào, và rồi, bản thân họ góp phần làm cho cái cơ chế ấy vận hành và cũng bị sự vận hành của cơ chế ấy chi phối.* »

« *Đương nhiên, họ phải chịu trách nhiệm với những hoạt động của họ, hành vi của họ, phẩm chất của họ. Không ai có thể biện minh cho hành vi tham nhũng và ức hiếp dân của những cán bộ xã hư hỏng. Họ phải bị xử lý, người khác sẽ được thay thế vào, và guồng máy tiếp tục được vận hành theo cái cơ chế đã từng chi phối những cán bộ vừa bị xử lý (sa thải hoặc kỷ luật, ví dụ thế). Thế rồi sao nữa ?.* »

« *Một bộ máy quản lý ở cấp xã cũng đủ lệ bộ như đã quy định từ trung ương, chỉ có điều, tiền phụ cấp công tác hoặc lương mà họ được hưởng không tương xứng với công việc mà họ phải gánh vác. Ví dụ như, với 280 000 đ, một chủ tịch xã chỉ có thể chi phí cho việc đi họp ở huyện, ở tỉnh, giao tiếp, khách khứa (xăng xe, thuốc lá, thuốc lào, giải khát dọc đường, sửa xe v.v...) Nhưng họ cũng phải sống chứ, phải nuôi vợ con, rồi nhà cửa, giỗ chạp, cưới xin, chữa bệnh, học hành cho con cái v.v... Tiền lấy đâu ra. Ấy vậy mà, xem ra, không mấy cán bộ có chức, có quyền ở xã lại chịu sống trong cảnh bần hàn nhưng liêm khiết cả (...).* »

Theo báo cáo, ở những xã không có dịch vụ phát triển công quỹ được hình thành từ 3 nguồn :

– Tiền phần trăm do các bên nhận thầu " lại quả " khi thực thi các công trình phúc lợi công cộng. Khoản tiền này rất lớn và khó xác định.

– Tiền bán đất cho nông dân xây nhà.

– Những khoản thu phí trong các hoạt động sản xuất của nông dân.

« *Những khoản tiền này được chi để trang trải mọi hoạt động của một bộ máy hành chính rất cồng kềnh, song không được trả đủ lương để tồn tại... Phần còn lại sau khi chi cho sự hoạt động của bộ máy cồng kềnh đó sẽ thuộc về những người quản lý cấp cơ sở.* »

« *Như vậy có nghĩa là khoản thu nhập thêm của cán bộ xã có tính hai mặt. Một mặt, nó là sự trả công cho lao động cường độ rất cao của họ. Mặt khác, là sự tước đoạt của cộng đồng. Và do tính chất tuyệt đối của quyền lực hiện hữu, hoàn toàn không có khả năng kiểm soát được về sự tước đoạt này, gắn với sự bất hợp lý của nền hành chánh.* (...)..»

Từ đó,

« *Vấn đề đặt ra không chỉ là phẩm chất của người cán bộ xã mà chủ yếu là cơ chế nào đã cho phép họ cái quyền được tạo ra công quỹ đó và được phép sử dụng công quỹ đó. Sự phẫn nộ của nhân dân không phải chỉ là những khoản họ phải đóng góp, mà còn là và chủ yếu là sự chi dùng sự đóng góp đó, trong đó có sự tham nhũng như đã phân tích ở trên.* »

2. Sự đối đầu giữa cán bộ quản lý và dân.

« *Sự đối đầu giữa các cán bộ cấp cơ sở và nông dân là một thực tế rõ nét mà những sự biến ở Thái Bình vừa qua đã phơi bày, cần phải được mạnh dạn chỉ ra. Cần chú ý đến một câu ngạn ngữ phương Tây : " Quyền lực có xu hướng tham nhũng, và quyền lực tuyệt đối thì tham nhũng là tuyệt đối ". Ở cơ sở cộng đồng xã hội nông thôn hiện nay, sự tập trung quyền lực tuyệt đối, trên thực tế là ở trong tay một số người, mặc dù trên danh nghĩa thì là tập thể lãnh đạo của tổ chức đảng và chính quyền.* »

« *Trong cuộc phỏng vấn tại nhiều xã trong đợt khảo sát vừa qua của chúng tôi, nhiều bà con nông dân đã thể hiện rõ sự phẫn nộ và quyết liệt với một số cán bộ xã và ngược lại, các cán bộ xã ấy cũng có một thái độ như thế đối với nông dân biểu tình. Sự hiểu biết lẫn nhau giữa hai nhóm người này là quá rõ, họ rành nhau quá, biết kỹ về nhau quá. Sau những năm dài cùng tồn tại dựa vào nhau, có lẽ chỉ có họ mới hiểu chính xác thế nào là mối quan hệ giữa người quản lý (nhà nước) và người bị quản lý (nhân dân). Và họ tuyệt đối không có ảo tưởng về nhau. Những ảo tưởng về đối tượng quản lý, nếu có, chỉ bắt đầu xuất hiện tại cấp huyện và những cấp cao hơn chứ không thể nào có được tại cấp xã* (...). »

« *Những bước khởi sắc với nghị quyết 10 và công cuộc đổi mới làm cho đời sống nông thôn có bước chuyển mạnh. Tuy nhiên, sau thời gian khởi động, những động lực được tạo ra không còn giữ được sức đẩy như trước nữa, động lực mới thì chưa tạo ra được. Cơ chế vận hành của hệ thống quản lý và bộ máy hành chính càng ngày càng bộc lộ sự bất cập của chúng. Sự bất cập càng kéo dài thì sự đụng độ giữa người quản lý và đối tượng họ quản lý càng tăng. Những dồn nén không được giải toả (những khiếu kiện hợp lý và trong khuôn khổ hiền hoà, chỉ nhận được những thái độ lẩn tránh, quanh*

co hoặc im lặng kéo dài của các cấp từ xã lên đến huyện, đến tỉnh thậm chí đôi lúc cả trung ương), đến một lúc không kiềm chế được đã bục ra. Và khi nó đã bục ra thì có một thực tế phũ phàng là : bộ máy quản lý cấp xã nhiều nơi bị vô hiệu hoá hoặc tan rã. Điều mỉa mai nhất, chúng thể hiện rõ sự bục vỡ đó ở ngay những nơi đã được đánh giá là chính quyền vững mạnh, đảng bộ bốn tốt, ví như ở xã An Ninh, Quỳnh Phụ, xã Thái Thịnh, Thái Thường của Thái Thuỵ và xã Tây Phong của Tiền Hải. Ở những nơi này, sự đối đầu giữa người dân và bộ máy quản lý đã đến cao độ. Và sự đối đầu này hoàn toàn không có cái gì để làm mềm đi cả....»

3. Những giải pháp bất cập từ nhiều phía.

« Nếu diễn biến của tình hình đã vượt quá tầm kiểm soát của những người tổ chức và tham gia vào cuộc đấu tranh, thì đối với chính quyền các cấp trên, đây cũng là một sự kiện hết sức bất ngờ. Cách nhận định địch ta trong tư duy chính trị trước đây đã có ảnh hưởng không nhỏ đối với các giải pháp tình thế. Nghi vấn về sự xúi giục hay âm mưu phá hoại của địch đã loại trừ khả năng xử lý kịp thời những vụ tham nhũng và vi phạm dân chủ trong nông thôn của một số cán bộ xã và (khả năng) có thể dập tắt ngay từ đầu cái mầm của sự rối loạn không đáng có này....»

« Tình hình dẫn tới chỗ bế tắc. Hệ thống quyền lực ở xã lung lay và không còn chỗ dựa trong dân. Vai trò lãnh đạo bị mờ nhạt, vô hiệu hoá. »

« Tình trạng thiếu lãnh đạo trong nông thôn lập tức được biến thành cơ hội cho các lực lượng xã hội khác xuất hiện... Cái cơ cấu làng họ lâu nay tưởng như chìm sâu trong ký ức giờ đây lại sống lại và trở thành chỗ dựa mạnh mẽ cho đời sống thôn xã. Hình ảnh những cán bộ xã Mỹ Lộc (Thái Thuỵ) phải co cụm trên nóc nhà mình với sự bảo vệ của những người trong gia tộc và thôn xóm phải chăng là điều cảnh báo cho sự bất lực của bộ máy quản lý mà lâu nay chúng ta cứ ngỡ như là vững chãi,và sự phục hồi sức mạnh hệ thống thân tộc, làng họ cổ truyền... Trong thực tế, ảnh hưởng của thiết chế bền vững xưa kia không tan biến mà chỉ chìm sâu xuống mà thôi. Một khi mà uy lực và tín nhiệm của bộ máy quyền lực hiện thời bị lung lay thì sức mạnh của thiết chế cũ lại trỗi dậy. Không thấy điều này, sẽ không tìm ra được những giải pháp mang tính bền vững trong việc xây dựng nông thôn mới, lại là nông thôn đang hướng tới sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá. »

« Thổi bùng lên ngọn lửa từ lâu âm ỉ là những thiếu sót của một bộ phận khá lớn những cán bộ cấp cơ sở và những xử lý không đúng của các cấp trên của họ. Tuy nhiên, nếu chỉ dừng lại ở việc xử lý và kỷ luật một số cán bộ có sai lầm khuyết điểm mà thôi thì chưa đủ. Điều ấy là tuyệt đối cần thiết để yên lòng dân, song chưa giải quyết được tận gốc những nguyên nhân tích luỹ, sự bùng nổ lại có thể tiếp tục diễn ra. Vì, tiếp theo sau sự sa thải hoặc kỷ luật những cán bộ có sai lầm, những người mới được bổ nhiệm sẽ lại tiếp tục hoạt động trong cái cơ chế vốn là nguyên nhân của sự tham nhũng, lộng quyền, thiếu dân chủ, không đủ trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để thực thi chức năng nhà nước tại cơ sở thì con đường dẫn đến sai lầm của lớp cán bộ này là không tránh khỏi. »

Chương IV, mang tựa **Dân chủ và dân trí, sự vi phạm quyền dân chủ tại nông thôn**, chỉ dài bằng nửa chương III, đề cập vấn đề dân chủ qua một vài khía cạnh cụ thể : quyền làm chủ đất đai, sự tôn trọng luật pháp, tôn trọng con người..., và tất nhiên, cũng cẩn thận tránh mọi sự suy rộng có thể. Người đọc thấy trong chương những ví dụ hi hữu như :

« Hiện thực ở Thái Bình là người nông dân thường không biết được thật chính xác số đất họ có và với số đất đó họ phải nộp những khoản gì, bao nhiêu và trên văn bản nào. Tất cả đã được tính sẵn trong một quyển sổ bởi ai đó và hộ gia đình ở nhiều nơi không được giữ quyển sổ đó, mà là do trưởng xóm giữ....», hoặc như :

« Để nói về cái quyền sơ đẳng của nhân dân nhiều nơi bị xâm phạm thô bạo, xin dẫn ra đây một ví dụ : Một trường hợp đẻ con thứ ba (xã Tây Phong, Tiền Hải) bị phạt theo quy định. Nhằm nhanh chóng thu tiền phạt, xã đã tự mình đặt tên cho con của gia đình bị phạt... ! »

Thực ra, báo cáo chỉ nói riêng về Thái Bình, nhưng người đọc không khỏi liên hệ tới những tình hình chung hơn :

« Tiếp đó, những dấu hiệu thông thường của nền dân chủ, dù chỉ là hình thức, càng khó có thể nói là được tôn trọng. Một việc đơn giản nhất là bầu trưởng xóm, một chức vụ được quy định bởi nhà nước..., thì người dân cũng không thật sự có quyền. Hay đúng hơn là người dân có quyền bầu ra một ông trưởng xóm làm đúng những gì cấp trên quy định. Nếu không, ông trưởng xóm đó sẽ được bãi miễn, để thay thế bằng một ông trưởng xóm dễ bảo hơn (xã Tây Phong, Tiền Hải). »

« Một đặc trưng khác của nền dân chủ là sự kiểm soát hữu hiệu hoạt động của nền hành pháp. Và không thể nói người nông dân hay thanh tra nhân dân được bầu ra, lại có thể làm được điều này. Một kiểm soát hữu hiệu phải có thông tin, ấy vậy mà, chưa có cơ chế nào quy định để người dân nắm được thông tin cần thiết ấy... Sự kiện Thái Bình diễn ra với đủ mọi lời đồn đại lan tràn, nhưng, truyền thông của tỉnh trong một thời gian dài đã không hề cung cấp bất kỳ một thông tin nào về việc " vậy thì cái gì đang lan truyền trong toàn thể các xã ở Thái Bình ". Còn khi được phép đưa tin thì lại đưa theo một sự lựa chọn phiến diện, không phản ánh được tình hình, không đáp ứng được đòi hỏi của nhân dân. »

Người ta có thể hỏi, liệu những nhận xét rất nhẹ nhàng này về dân chủ và về bộ máy " thông tin " của đảng có cơ may được hiểu ra ở những cấp có thực quyền quyết định của đảng, khiến cho " *trong cái rủi, có cái may* ", như các tác giả báo cáo mong đợi ở phần kết luận của mình :

« Sự biến Thái Bình sẽ là một cái hích mạnh mẽ cho những quyết sách đúng đắn để giải quyết vấn đề nông dân, nông nghiệp, nông thôn. »

Một vấn đề càng là " *bức xúc* " trong một nước mà 80 % cư dân sống ở nông thôn. Một vấn đề mà tác giả nhận định, nếu chưa làm sáng tỏ thì " *chưa thể định hướng được rõ đường lối công nghiệp hoá và hiện đại hoá.* ".

Câu trả lời thuộc về những người trách nhiệm của đảng, là người nhận chính thức của báo cáo.

(H. V. tóm tắt)

Phỏng vấn Lê Đạt

Phan Tam Khê

Xưng danh
Phó thường dân.
Phố nhỏ vô danh.
Thành tích
Mấy trang giấy sờn
Mấy câu mưa bụi.
Núi Vu Sơn
(Bóng Chữ)

Truyền thần
Tuổi lú lẫn
Ngược nhầm ga trẻ dại
Hay ngây ngô, không biết lối về già.
Thơ thẩn chữ ngã ba.
(Bóng Chữ)

Đại để thân thế và dáng dấp nhà thơ Lê Đạt chỉ có thế. Tôi đến thăm anh trong một căn gác nhỏ tại trung tâm khu phố La-tinh vào một sáng mưa thu như muốn trùm kín cả Paris. Anh Lê Đạt người nhỏ nhắn nhưng lại có giọng nói sang sảng hồn nhiên và đầy nghị lực.

1. Thưa anh, anh có thể cho chúng tôi biết một vài nét về anh và về bối cảnh lịch sử của đất nước khi anh vừa lớn lên ?

L.Đ. Tôi sinh ở Yên Bái. Yên Bái là một tỉnh thượng du nơi đó sinh sống nhiều dân tộc khác nhau. Ở đó người ít hơn cây, có lẽ vì thế nên suốt đời tôi vẫn là người thiểu số và mang tâm tính dân du mục. Thuở nhỏ tôi theo học tiểu học ở Yên Bái, khi đỗ xong lớp nhất tôi về Hà Nội theo học trường Bưởi (Lycée du Protectorat) cho đến lúc Cách mạng. Tôi là người lúc nhỏ đã yêu mến nền văn học Pháp và đặc biệt nền thơ ca Pháp, bạn đường của tôi là Villon, Ronsard và cho đến gần đây là những người như René Char. Tôi tham gia kháng chiến lúc đầu, và trên con đường kháng chiến ấy đã có một lần khi vào chiếm Lào Cai tôi đã tìm thấy trong đống sách của trại lính Tây hai quyển thơ của Apollinaire và tôi cho đó là một chiến lợi phẩm quí nhất của tôi.

2. Thưa thế thì anh thích nhà thơ nào nhất của Pháp ?

L.Đ. Thích nhất thì chẳng thích nhất đâu, nhưng tôi có thích một số nhà thơ như Mallarmé, Apollinaire, Reverdi, còn thời xưa thì tôi rất thích Villon và Ronsard.

3. Mallarmé thì ngay ở Pháp cũng có nhiều người cho là khó hiểu.

L.Đ. Khó hiểu vì người ta không yêu thơ ông ta thôi. Cũng như có nhiều người cho thơ tôi là khó. Cái người làm thơ thì phải đọc rất nhiều và tôi cho là một người làm thơ hiện đại bao giờ cũng là một bộ hành, phải cố gắng đi qua nền thơ ca của nhân loại, như vậy anh mới có thể biết họ đi đến đâu, để rồi từ đấy anh khỏi dẫm lên những bước mà người ta đã đi qua. Tôi đọc rất nhiều, và khi đọc xong thì tôi gắng quên tất cả để tôi có thể là tôi.

4. Xin anh cho biết những đóng góp của anh trong phong trào **Nhân văn Giai phẩm.**

L.Đ. Khi hoà bình lập lại, thì tôi là một trong những người xướng ra phong trào *Nhân văn Giai phẩm*. Phong trào này, theo tôi lúc đầu chỉ là những đòi hỏi tự do sáng tác của nhóm văn nghệ sĩ. Tôi có nói với anh Trần Dần, anh Văn Cao, anh Tử Phác và anh Hoàng Cầm rằng, bây giờ hoà bình rồi, chúng ta có thể in ra một tập văn thơ mà trong đó mỗi người phải chịu trách nhiệm về tác phẩm của mình, không ai kiểm duyệt ai cả, và mọi người đều tán thành. Lúc đầu chúng tôi chỉ nghĩ in ra một tập thơ để anh em vui chơi với nhau thôi. Tập thơ được nhà in Minh Đức in ra, anh Minh Đức cũng là người kháng chiến ở Thanh Hoá mới về. Khi tập thơ được in ra thì nó gây một tiếng vang rất lớn mà chính tôi cũng không ngờ được. Lúc bấy giờ đi đâu cũng nghe người ta nói đến bài thơ của anh Trần Dần :

Tôi bước đi không thấy phố không thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ.

Và mấy câu thơ của tôi :

Những kiếp người sống lâu trăm tuổi,
y như một cái bình vôi
Càng sống càng tồi, càng sống càng bé lại...

Quyển ấy bị tịch thu.

5. Thưa anh không còn giữ lại được bản nào ?

L.Đ. Không, mà nếu còn thì cũng không giữ được, vì sau này qua giai đoạn đấu tranh mạnh, nhà tôi đã đốt hết các bản thảo và sách vở của tôi. Lúc quyển thơ bị tịch thu thì hai anh Trần Dần và Tử Phác đang ở trong quân đội, để bắt hai anh ấy, người ta gán cho cái tội : vô kỷ luật. Còn tôi thì bị đưa lên ban tuyên huấn kiểm thảo mất mười lăm ngày. Đó là những ngày trước Tết năm 1956. Sau đó tôi đến gặp anh Tố Hữu, vì anh Tố Hữu là người phụ trách tuyên huấn và tôi trước kia là cán bộ tuyên huấn, chúng tôi rất quen nhau, nhưng tự nhiên nó xảy ra vụ này thì mỗi người đi một đường thôi. Khi đến nơi, thì anh Tố Hữu còn ở trên gác, tôi thấy quyển *Giai phẩm* nằm ở trên bàn và bên cạnh bài *Nhất định thắng* của anh Trần Dần thì chằng chịt những dấu hỏi và bên cạnh câu : *Bay cho cao, bay cho xa* trong bài *Ông bình vôi* của tôi, có ba dấu hỏi và ghi chú : " *Bay đi đâu, vào miền Nam à ?*" - Tôi thấy tình hình nguy rồi (*Lê Đạt cất giọng cười rang rảng*). Tôi nghĩ chúng mình nói đến một chuyện không dính gì đến chính trị cả mà tự nhiên vấn đề trở thành gay go.
Thế thì *Giai phẩm* bị đánh như thế đó, và lúc đó cũng chưa có phong trào gì ở Trung quốc cả, và *Giai phẩm mùa Xuân* cũng chỉ là một tờ báo của anh em văn nghệ sĩ đi kháng chiến về muốn thử một cách sáng tác mới, thế thôi. Khi làm ra tờ *Nhân văn Giai phẩm* chúng tôi có đề ra hai nguyên tắc

với anh em : một là mỗi người phải chịu trách nhiệm về sáng tác của mình mà tôi gọi đó là tự do sáng tác, hai là chống lại mọi công thức và sơ lược trong đời sống, các bạn phải biết là lúc ấy, sau khi ảnh hưởng của Trung quốc lan sang Việt Nam thì cuộc sống công thức và sơ lược vô cùng. Tất cả anh em đều đồng ý. Tờ báo chỉ mang tính cách văn hoá và xã hội thôi, chứ chẳng ai nghĩ đến chính trị cả. Như các bạn đều biết, tất cả chúng tôi đều là những cán bộ kháng chiến. Chúng tôi hãy còn rất trẻ, tôi chỉ mới có 26, 27 tuổi thôi, và chúng tôi chỉ nghĩ đến chuyện đùa chơi, chẳng ai nghĩ đến chuyện tày trời (đó là thời điểm tháng giêng năm 1956, Tết sau hoà bình hai năm).

6. Cao trào văn nghệ phản kháng bùng nổ vào năm 1956 rồi 1986, khoảng cách giữa hai cao trào là 30 năm. Theo anh thì những khát vọng của văn nghệ sĩ ngày nay có khác gì những khát vọng của các anh ngày xưa không ?

L.Đ. Lúc ấy thì cũng chưa có sự phản kháng và chúng tôi cũng không nghĩ đến sự phản kháng. Chúng tôi đều là đảng viên. Tôi là đảng viên, Trần Dần và Văn Cao cũng là đảng viên, chỉ có anh Hoàng Cầm là chưa vào đảng mà thôi, và các bạn cũng biết bối cảnh lịch sử của đất nước lúc ấy là như thế nào rồi. Người ta đã bắt đầu phát hiện ra những sai lầm của phong trào cải cách ruộng đất, và cũng bắt đầu nhận ra những lỗi lầm về chính trị. Do bị ảnh hưởng của Trung quốc, khi tiếp quản những vùng đồng bằng trước kia bị Tây chiếm phần lớn các đồng chí trung kiên và dũng cảm trong các chi bộ đều bị tình nghi là do nguỵ cài lại, mặt khác, đại hội đảng lần thứ 20 ở Liên xô người ta đã phát hiện ra những sai lầm, mặc dù lúc đó tôi chưa đọc được bản báo cáo của Krouch-tchev ; vì vậy chúng tôi nghĩ là phải làm một số thử nghiệm cho chủ nghĩa cộng sản được dân chủ hoá hơn, và chúng tôi đã làm với tư cách những người cộng sản. Những đòi hỏi của chúng tôi là những đòi hỏi chính đáng của nhân dân chứ không bao giờ nghĩ đến sự lật đổ chính quyền. Những đòi hỏi của chúng tôi cũng giống như những đòi hỏi của văn nghệ sĩ ngày nay, chỉ có một điều khác nhau là chúng tôi đã đòi hỏi quá sớm.

7. Có phải văn nghệ sĩ ngày nay được cởi trói chính là nhờ những hy sinh khốc liệt của các bậc đàn anh trước đây 30 năm chăng ?

L.Đ. Cái đó là điều tất nhiên, nhưng chữ *đàn anh* ở đây tôi nghe nó hơi hạn hẹp, phải nói là *thế hệ* hoặc *nhân dân* thì đúng hơn. Tôi thấy nhân dân Việt Nam quá khổ, tôi chưa thấy có một nhân dân nào phải chịu hy sinh nhiều đến thế, và nhân dân Việt Nam đáng được hưởng những thay đổi. Công lao trong việc thay đổi ấy có chúng tôi, nhưng cũng có sự góp phần của tất cả nhân dân và cả của những người đã nằm xuống trong các cuộc chiến đấu vừa qua.

8. Cuốn* Hèn Đại Nhân *của anh ít người có dịp đọc, vậy xin anh sơ lược nội dung để cho độc giả được biết qua.

L.Đ. Cuốn *Hèn Đại Nhân* in ra được 2 500 quyển, đối với Việt Nam như vậy là nhiều lắm rồi, vì sách của tôi nên không được quảng cáo rộng rãi, thế nhưng đã bán hết ngay. Đại để là tôi nói đến nhân cách của người văn nghệ sĩ trong thời cuộc bây giờ trước hai sức ép, một bên là tham nhũng của bộ máy quan liêu, một bên là cái cám dỗ của kinh tế thị trường, hàng ngày hàng giờ nó muốn biến mọi người thành hàng hoá.

9. Tôi không được rõ lắm, hình như anh vẫn thường viết văn xuôi, bỗng lại cho ra rất nhiều bài thơ mà lại là thơ tình nữa, phải chăng đó là một thay đổi hoàn toàn tâm linh của một người đã đánh mất tuổi thơ hay chỉ là một hình thức khác của một sự phản kháng để đi đến một đổi mới ?

L.Đ. Tôi là người làm thơ và văn xuôi chỉ là tay trái thôi. Khi tôi làm những bài thơ tình này thì tôi có một ý thức rất rõ rệt.. Tôi phải gạt hết mọi vấn đề chính trị qua một bên. Tôi đang thử và đang cố gắng đổi mới cái thơ của nền văn thơ Việt Nam. Tôi không muốn mọi người lẫn lộn hình thức và vấn đề nội dung và chính trị, cho nên tôi ý thức rõ rệt là phải gạt mọi vấn đề chính trị qua một bên, như vậy không ai có thể bảo tôi làm chính trị được, người ta có thể chê thơ tôi là tồi hoặc không hay thế thôi.

10. Xin anh cho biết quan niệm của anh về sự liên quan giữa tuổi tác và sáng tác.

L.Đ. Tôi thì bao giờ cũng là người chống lại tuổi trời. Tôi cho rằng người ta trẻ hay không là do người ta có tiếp được cái mới hay không ? Tuổi là vấn đề quan trọng chứ không phải là vấn đề quyết định.

11. Năm 1957 khi hội nhà văn ra đời thì anh có chân trong hội không ?

L.Đ. Tôi là một trong những người đầu tiên có chân trong hội nhà văn.

12. Trong thơ anh thường thấy anh nhắc đến Bích Câu , vì sao ? Phải chăng người trong mộng vẫn quyến rũ anh hơn người trần tục ?

L.Đ. Không phải thế đâu, nhưng tôi cho rằng chữ bao giờ cũng là cái bóng, người chơi thơ mà yêu chữ thì trong đời ít nhất cũng gặp được tiên một lần.

13. ***Ngày xưa khi Lê Quí Đôn bàn về thơ thì có nói :*** **" ...làm thơ có ba điều chính : một là tình, hai là cảnh, ba là sự ",** ***thế nhưng theo chỗ tôi nhận xét sau khi đã đọc thơ anh, thì phải thêm vào ba điều trên một điều khác nữa : cách chơi chữ, cách thao tác chính xác của anh trong vấn đề cắt đặt ngôn từ làm cho độc giả ngạc nhiên thích thú. Ví dụ như trong bài Hát đôi :***

Lốm đốm nhị chiều mai độ hoa (*cắt : nhị độ mai*).

Như chữ* cởi *trong câu :

Cô gái trộm sen về ủ tuổi
Lỏng khung cài, gió cởi một dòng hương
(Bạch Cư Dị)

hay : **Nắng tạnh heo mày hoa lạnh**
Mimoza chiều khép cánh mi-môi-xa
(Mimoza) v.v... và v. v...

Vậy có phải thuật dùng chữ trong thơ anh là then chốt của mọi sự thành công ?

L.Đ. Theo tôi thì cái sai lầm của con người là tưởng rằng ngôn ngữ là do trời sinh ra. Nói đến ngôn ngữ, người ta cứ nghĩ tự nhiên nó có. Không phải thế, ngôn ngữ là do con người sinh ra, và con người có thể thay đổi được. Muốn thay đổi cái nếp nghĩ của con người thì việc đầu tiên là phải thay đổi ngôn ngữ, thay đổi cách nói. Tôi cho đó là cách thay đổi căn bản nhất, chứ còn chỉ thay đổi ý nghĩ bằng ý nghĩ khác, mà vẫn dùng ngôn ngữ cũ thì chẳng khác gì thay đổi dấu trừ bằng dấu cộng và dấu cộng bằng dấu trừ. Cái thay đổi triệt để nhất là thay đổi cách nói.

14. Có người bảo là ngâm thơ anh rất khó và hiểu được thơ anh thì chỉ có người Bắc hà chính thống, thưa như vậy có đúng không ?

L.Đ. Tôi nghĩ có nhiều cách ngâm thế thôi. Bây giờ thì tôi xin trở lại vấn đề chơi chữ, bạn nói đúng nhưng tôi cần phải bổ sung thêm. Cái chơi chữ của tôi không phải đơn thuần là chơi chữ, đó là cái chơi của cả một cuộc đời — C'est le jeu du destin. Đó là cái chơi của số phận, của con Tạo. Nếu một nhà thơ chỉ biết chơi chữ thôi, thì theo tôi nhà thơ đó chỉ thuộc vào loại bình thường. Khi chơi chữ như thế là tôi đã đưa cả cuộc đời tôi vào cuộc chơi ấy, và khi chơi chữ tôi có thể đánh mất cả cuộc đời tôi, tôi sẽ trở thành thằng ngọng, thằng rồ, và đánh mất cả một sự nghiệp văn thơ, như bạn đã biết lúc ấy tôi đã là một nhà thơ có tiếng ở Việt Nam. Không phải tôi chơi chữ đâu, nhưng vì mình không có chữ gì khác để diễn tả đấy thôi. Chính vì thế mà tôi không thích Francis Ponge, vì ông ta đứng ngoài cuộc đời, chỉ nghĩ đến việc đùa giỡn cùng với chữ, tôi không thấy ông ta bận tâm về thân phận con người. Một nhà thơ dù chơi gì thì chơi, nhưng có lúc cũng phải đem chính đời mình ra làm trò chơi, như vậy thì tôi phải bảo rằng cách viết của tôi là vừa chơi chữ vừa chơi đời.

15. Theo anh thì kinh tế thị trường có ảnh hưởng gì vào giới văn nghệ sĩ không ?

L.Đ. Ảnh hưởng rất nhiều. Có một nhà báo ngoại quốc hỏi tôi : " Thế nào là thơ hiện đại ? ". Tôi bảo thơ hiện đại có hai điểm chính : một là vô ích, hai là cấp thiết. Vô ích vì nó chẳng mang lại đồng đôla để tôi có thể nuôi vợ con tôi. Cấp thiết vì nó có thể chống lại mọi mưu toan hàng hoá hoá con người. Tôi nghĩ chắc không thể nào dễ bán tôi được.

***16. Anh nghĩ thế nào về câu tuyên bố của ông Lech Walesa :* " Chủ nghĩa cộng sản là một con đường dài nhất để đi từ chủ nghĩa tư bản đến chủ nghĩa tư bản " ?**

L.Đ. Tôi chưa có dịp nghĩ nhiều về ông Lech Walesa, thế nhưng tôi chắc con người phải tìm ra một con đường. Chủ nghĩa cộng sản đã thất bại ở Liên xô như mọi người đã thấy. Nói như thế không có nghĩa là chủ nghĩa tư bản đúng, nếu lý luận như trên thì rất nguy. Vào cuối thế kỷ 20, loài người đang trải qua một cuộc khủng hoảng lớn, ai cũng đòi tự do, nhưng theo tôi thì tự do để làm gì mới là điều quan trọng. Nếu tự do để chẳng làm gì cả, tự do để đi buôn, để đánh bạc, thì thứ tự do đó ích gì ? Theo tôi : " tự do để làm gì " đó là câu hỏi lớn nhất của loài người hiện nay.

17. Dân tộc Việt Nam đã bỏ ra bao nhiêu xương máu để đánh Tây đuổi Mỹ. Nay thời thế bắt buộc nước ta phải mở cửa cho họ trở vào, nhiều người cho vậy là bất công với những gia đình đã chịu thiệt thòi vì chiến tranh, và những người nằm xuống. Theo anh thì sao ?

L.Đ. Tôi rất thông cảm với ý nghĩ đó của nhiều người, nhưng theo tôi thì nó hơi hạn hẹp vì sự kiện thì giống nhau nhưng tư thế lại khác nhau. Ngày xưa nó vào nước mình, mình là một thằng nô lệ, nay nó cũng lại vào nước mình nhưng mình là một người tự do, hai sự kiện khác nhau mà mình chỉ nghĩ vào thôi, thì ý nghĩ đó sai lầm và nông cạn.

18. Vừa thoát khỏi bộ máy kiểm duyệt, giới văn nghệ sĩ lại sa vào cạm bẫy của kinh tế thị trường. Cuộc chiến thứ hai này, theo anh có gay cấn hơn cuộc chiến thứ nhất không ?

L.Đ. Cuộc chiến nào cũng gay go cả. Nhưng kinh tế thị trường là một cơ quan kiểm duyệt rất gay gắt, nó gay gắt ở chỗ là nó không lộ mặt, và chúng ta đang bị nó thao túng.

19. Anh nghĩ sao về vụ các nhà văn, nhà thơ thi nhau mở quán ăn, phải chăng đó là một hình thức phản kháng ?

L.Đ. Tôi không nghĩ đó là phản kháng, người ta có nhiều cách phản kháng *(Lê Đạt cất tiếng cười sang sảng)*, nhưng thật ra thì anh em cũng túng và nói như nhà thơ Maiakovski thì " Một nhà thơ thiên tài cũng cần ăn " *(lại cười)*.

20. Ở Paris, những người yêu mến và bạn bè anh rất ao ước được gặp anh, thế nhưng thời gian biểu của anh lại quá sít sao và anh lại vội vã ra về, tại sao ?

L.Đ. Chắc tôi ở đến một năm cũng không thể đi thăm hết mọi người được. Thật vậy, thời gian của tôi cũng rất hạn hẹp vì cơ quan mời tôi có sắp đặt cho tôi một chương trình làm việc. Và việc vội vã ra về vì trước mắt tôi có nhiều việc phải làm. Tôi còn một truyện ngắn viết chưa xong, và tôi lại hứa với Centre Culturel Wallonie-Bruxelles dịch thơ của tôi để họ còn xuất bản. Và cái gì thèm thuồng cũng rất đáng yêu. Biết đâu Lê Đạt sẽ trở lại Paris và sẽ lại rong chơi cùng bạn bè.

21. Anh thích gì nhất ở Paris ?

L.Đ. Tôi thích cả thành phố Paris, vì nó giữ được truyền thống văn hoá của nó và là một thành phố có nhiều ân tình, không lạnh lùng như những thành phố khác mà tôi đã có dịp đi qua.

22. Anh còn muốn nhắn nhủ gì với anh em bên này không ?

L.Đ. Đứng về tình cảm thì tôi thấy rất quí, chắc là khi tôi rời Paris thì hành trang sẽ nặng, không phải vì đồ đạc mà vì tình cảm của mọi người đối với tôi, và tôi chỉ mong ở anh em Việt kiều Paris làm sao đối với nhau một cách ấm áp hơn nữa, độ lượng hơn nữa và bạn bè hơn nữa. Bởi vì trong một thành phố rộng lớn như Paris, mà chúng ta có rất ít người thì nhiệm vụ của chúng ta là phải yêu quí nhau hơn. **Và tôi mong ước là lần sau khi đến Paris, tôi có thể ở bất cứ nhà người nào mà không làm phiền người khác** *(người đánh máy mạn phép in đậm)*.

Phan Tam Khê

Đọc tạp chí THỜI ĐẠI số 2

Sáu tháng sau số 1, tạp chí Thời Đại (TĐ) đã cho ra số 2 (1). Số này có một trọng tâm rất thời sự : **kinh tế châu Á và Việt Nam**.

Đặc biệt thời sự là bài *Châu Á sau khủng hoảng* của **Trần Quốc Hùng**. Tác giả đã nhiều năm làm giám đốc nghiên cứu hay quản trị ngân hàng (Deutsche Bank, Rabobank Interna-tional). Đứng trên quan điểm thuần tuý kỹ thuật kinh tế, tác giả đã phân tích những nguyên nhân dẫn tới " phép lạ kinh tế " châu Á của hai thập niên vừa qua, cũng như cuộc khủng hoảng nổ ra từ mùa hè 1997. Càng có ý nghĩa là tiếp cận kỹ trị ấy đưa tới kết luận : " *để có khả năng cạnh tranh trên thị trường đã toàn cầu hoá* ", các nước Đông Á và Đông Nam Á cần phải " *xây dựng và hiện đại hoá những thể chế chính trị, xã hội, tài chính và doanh nghiệp* ".

Trong bối cảnh khủng hoảng nặng nề đó, Việt Nam có thể làm gì để hi vọng giải quyết, hay ít nhất, hạn chế tình trạng *tụt hậu* của mình ? Cố nhiên TĐ không thể trả lời câu hỏi ấy. Song ba bài khác đã cung cấp những thông tin và phân tích bổ ích cho cuộc tìm lời giải :

– **Trần Thị Anh Đào** phân tích vai trò của ngoại thương trong quá trình công nghiệp hoá trong thập niên 80 của ba nước Indonesia, Malaysia và Thái Lan (tức là những nước NIC đợt hai) để liên hệ tới những vấn đề chính sách ngoại thương đặt ra cho Việt Nam

– **Lê Văn Cường, Trần Thành Trai và Nguyễn Kim Khôi** đề nghị một mô hình vĩ mô *Keynes kiểu mới* để phỏng đoán kinh tế Việt Nam. Độc giả ngại đi vào kỹ thuật toán kinh tế, có thể đọc thẳng phần phụ lục, để thấy kết luận : do khủng hoảng kinh tế trong khu vực, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong thời gian 1998-2000 sẽ chỉ ở mức 6,1 - 6,7 % (tuỳ theo không phá giá, hay phá đồng VN), thay vì 8,6 %. Kết luận này có thể sẽ giải toả định kiến của nhiều người về lợi ích của những mô hình toán kinh tế, mặc dầu nó không thể xua tan sự dè dặt cần thiết đối với phương thuật này, dè dặt chủ yếu không phải vì bản thân các mô hình, mà vì độ tin cậy của các số liệu ở đầu vào, và những giả thiết giản lược mà tác giả bắt buộc phải đặt ra để thao tác mô hình.

– Trong bài *Chuyển đổi kinh tế ở Việt Nam : nguồn gốc và lộ trình*, hai tác giả **Đặng Phong** (Viện kinh tế học, Hà Nội) và **Lê Văn Cường** (CNRS, Paris) cung cấp một số thông tin về những hoàn cảnh cụ thể của nền kinh tế miền Bắc (trước 1975) và của cả nước (sau 75), nguyên nhân thành bại của các thử nghiệm cải cách.

Những ai ngán kinh tế sẽ không cảm thấy thiệt thòi với hai phần **Lịch sử & Văn hoá** và **Bình luận & Trao đổi**. Vì khuôn khổ hạn hẹp của bài này, chỉ xin đặc biệt giới thiệu hai bài :

– Bài của **Phan Huy Lê** (chủ tịch Hội khoa học lịch sử Việt Nam) tổng kết cuộc hội thảo năm 1993 (?) về Phan Thanh Giản. Yêu nước hay bán nước ? từ hơn một thế kỷ nay, họ Phan là đối tượng của những phán nghị trái nghịch, càng ít dựa vào sử liệu chính xác bao nhiêu lại càng cả quyết, dứt khoát bấy nhiêu.

– Bài của **Nguyễn Tùng** (CNRS, Paris) về bếp núc vùng ở Việt Nam. Dưới tựa đề khiêm tốn (*Mấy nhận xét...*), đây là công trình nghiên cứu đầy đủ và nghiêm túc nhất về đề tài này (trong chừng mực tư liệu cho phép). Nghiêm túc mà không nghiêm nghị, đạo mạo, táo bón : ai không tin, chỉ việc lướt qua 49 chú thích cuối bài, đặc biệt là số 42 và 49.

Qua hai số, chưa thể nói là tạp chí TĐ đã định hình : được biết nhóm chủ trương trình bày phương hướng, chủ trương của tạp chí qua bốn số đầu, thay vì bộc bạch ý kiến bằng một lời tuyên bố, dù dài dòng và cặn kẽ tới đâu, cũng không giải toả được những nghi vấn hay định kiến tất nhiên tồn tại từ/ở mọi giới, trong một tình hình còn khá phức tạp.

Dẫu sao, qua hai số đầu, độc giả cũng ghi nhận cố gắng mở ra trên giấy trắng (và sắp tới trên mạng internet) một hội trường, trong đó trí thức Việt Nam (trong nước và ngoài nước) có thể tìm hiểu, thảo luận về những vấn đề cơ bản của xã hội Việt Nam trong tinh thần khoa học. Mục tiêu *bình thường* ấy, trong bối cảnh lịch sử, chính trị và xã hội Việt Nam hiện nay (ở quốc nội cũng như ở hải ngoại), chẳng đơn giản chút nào. Để tạo điều kiện cần thiết cho sự tham gia của anh em trong nước và ngoài nước, TĐ chọn lãnh vực học thuật, văn hoá, và những vấn đề cơ bản *hằng số* của xã hội Việt Nam, mặc nhiên *để trong ngoặc* khía cạnh chính trị và chính quyền thời sự. Mảnh đất mênh mông, nhưng trong một ý nghĩa nào đó, con đường khai phá lại đi qua những cánh cửa hẹp. Phức tạp là ở chỗ đó : do sự chọn lựa ấy, TĐ chỉ có thể ra đời và lớn lên trong sự chờ đợi (*được đấy nhưng giá mà...*) và ngờ vực (*bây giờ như vậy, nhưng biết sau này...*).

TĐ, Thời Đại, cũng là một Thách Đố. Trong ý nghĩa đó, mỗi số báo ra đời là một viên đá lót đường cho tương lai. Hai số đã phát hành, và sự hưởng ứng của các tác giả trong nước và ngoài nước cho hai số tới, cho phép chúng ta đánh giá sự lựa chọn ấy. Lạc quan xen lẫn nỗi lo : làm sao một tạp chí như vậy có đủ nguồn tài chính để tồn tại ?

Nguyễn Ngọc Giao

(1) *Ban chủ biên lâm thời* : Lê Thành Khôi, Lê Văn Cường, Trần Hải Hạc (*Pháp*), Ngô Thanh Nhàn, Ngô Vĩnh Long (*Hoa Kỳ*). *Địa chỉ liên lạc* : Lê Văn Cường, Editeur Revue Thời Đại, c/o Cepremap, 140 rue Chevaleret, 75013 PARIS, *E-mail* : cuong.levan@cepremap.cnrs.fr, *Fax* : 33 (0) 1 44 24 38 57. *Giá* 1 số : 50 FF (8 USD), 4 số : 180 FF (30 USD).

SÁCH MỚI

Đỗ Quyên, *Nhìn cây thấy rừng* (18 phỏng vấn chuyện nước non Việt tại hải ngoại), nxb Văn Nghệ (California), 1997, 370 trang, 18 USD.

Tác giả sinh năm 1955, tốt nghiệp Đại học Bách khoa (Hà Nội), hiện sống ở Canada. Trước đó, làm báo ở Tiệp Khắc và Đức. *Nhìn cây thấy rừng* tập hợp 18 bài phỏng vấn nhà báo Nga Irina Zisman và 17 nhân vật Việt Nam ở nước ngoài : Bùi Chánh Thời, Bùi Tín, Đỗ Kh., Đỗ Quý Toàn, Hải Triều, Hoàng Khoa Khôi, Khánh Trường, Kiều Hưng, L.Q.T., Lại Mạnh Cương, Lương Châu Phước, Nguyễn Hữu Chung, Phạm Duy, Phạm Hữu Trác, Phan Tấn Hùng, Trần Ngọc Tuấn, V.X.L.

Mondial 98

FRANCE 98

Tại sao Pháp thắng ?

Tiền Đạo

Ngày 12-07-98, Pháp đã thắng Brasil 3-0 ở trận chung kết và đoạt Cúp bóng đá thế giới 98. Đây là sự kiện vĩ đại nhất của lịch sử bóng đá Pháp từ xưa đến nay, điều mà nhiều thế hệ huấn luyện viên và cầu thủ xuất sắc của Pháp vẫn hằng mơ ước, từ Kopa, Fontaine, đến Giresse, Platini, Papin, v.v...

Dường như mọi người đều ý thức được tầm quan trọng của sự kiện này, cho nên ngay tối hôm Pháp thắng Brasil, thiên hạ đã xuống đường đầy chật cả đại lộ Champs-Elysées, và ngày hôm sau đã trở thành một ngày hội lớn của cả nước Pháp. Chưa bao giờ Champs-Elysées lại đông nghẹt người như thế !

Trả lời nhà báo, Emmanuel Petit, trung phong của đội tuyển Pháp, đã thốt ra một câu nói nửa đùa nửa thật : " *Đây là sự kiện lịch sử quan trọng nhất kể từ Cách mạng 1789* ".

Câu nói rơi đúng lúc : chỉ hơn một ngày sau đã là ngày 14 tháng 7 kỷ niệm Cách mạng 1789, ngày nhân dân Pháp chiếm ngục Bastille ! Và đương nhiên, ngày hội điểm binh năm nay đã hoàn toàn bị át hẳn đi bởi ngày hội của bóng đá !

Như vậy là *Bà cụ* đã trở lại Pháp - *Bà cụ* (la Vieille Dame) đây là cái Cúp bóng đá thế giới (tuỳ bạn muốn hiểu đó là cái cúp đúc bằng vàng, hay chỉ là cái danh hiệu không thôi cũng được). *Bà cụ* rời nước Pháp ra đi cách đây gần một thế kỷ, nay mới trở về lại nhà lần đầu. Không chừng bà cụ sẽ còn ở lại đây chơi ít lâu (ít ra là cho tới năm 2002), hoặc giả sau này sẽ còn đi đi về về nhiều bận nữa, không biết chừng ?

Dẫu sao thì nước Pháp cũng đã nghiễm nhiên trở thành nước thứ bảy đoạt được Giải này, sau Uruguay (1930, 1950), Ý (1934, 1938, 1982), Đức (1954, 1974, 1990), Brasil (1958, 1962, 1970, 1974), Anh (1966) và Argentina (1978, 1986).

Mondial 98 do chính nước Pháp tổ chức, đã kết thúc một cách không thể nào đẹp đẽ hơn !

Nhưng Mondial 98 đã đem lại những gì mới lạ ?

Điều mới lạ trước tiên, đương nhiên là sự kiện Pháp thắng!

Sự kiện này quan trọng ở chỗ nó không phải là một sự tình cờ, may rủi, mà là kết quả lô gích của sự chuẩn bị về người và về chiến lược từ bốn năm nay, từ khi Aimé Jacquet được giao trách nhiệm điều khiển đội tuyển Pháp.

Sự chuẩn bị này đã chín muồi ngay từ vòng loại, và lần đầu tiên đội Pháp tập hợp được đầy đủ những điều kiện tối ưu : trước hết về mặt lực lượng người, đội Pháp lần này có toàn người giỏi, trong đám 22 cầu thủ được tuyển chọn, có tới 16 người hiện chơi và 2 người đã chơi ở các câu lạc bộ nổi tiếng nhất ở Âu châu như : AC Milan, Inter Milan, Juventus de Turin, Parme AC, AS Roma, Real de Madrid, Arsenal, Chelsea, Newcastle, Glasgow Rangers, Bayern Munich. Những người còn lại như Thierry Henry, David Trezeguet, những tài năng mới nổi, hoặc Fabien Barthez (Monaco), Bernard Diomède (Auxerre) cũng đều là những cầu thủ xuất sắc tầm cỡ quốc tế cả.

Ngoài ra, khỏi cần phải nói là có cầu thủ giỏi rồi chưa đủ, mà còn cần có huấn luyện viên giỏi, có tài điều khiển, mưu lược, kiên trì, dám nghĩ dám làm, những đức tính mà Aimé Jacquet vốn có.

Từ lâu Aimé Jacquet vẫn nuôi ở trong đầu một ý nghĩ chiến lược, mà tôi cho rằng sở dĩ đội Pháp đã thắng chủ yếu là nhờ ở cái ý ấy.

Người ta không quên rằng Aimé Jacquet đã từng là cầu thủ xuất sắc ở vị trí trung phong của đội tuyển Saint-Etienne vào những năm 1960-73, đã đoạt Cúp Pháp hai lần, (1968 và 70), rồi ông qua đội Lyon vào những năm 1973-76. Sau đó ông làm huấn luyện viên cho các đội Lyon (1976-80), Bordeaux (1980-89), Montpellier (1989-90), Nancy (1990-91) ; sau làm giám đốc kỹ thuật toàn quốc DTN (1992-93) và cuối cùng làm huấn luyện viên đội tuyển quốc gia Pháp (cuối 1993-1998). Ở giải Euro 96, Aimé Jacquet đã dẫn đội tuyển Pháp vào tới vòng bán kết.

Sự kiện Pháp thắng, với những lý do mà tôi sẽ trình bày sau, trong khung cảnh một Mondial 98, với một trình độ kỹ thuật khá đồng đều và khá cao, cho phép chúng ta có một ý niệm cụ thể về những đổi thay trong nền bóng đá thế giới trước thềm thiên niên kỷ mới.

Qua diễn biến và kết quả của các trận đấu của 32 đội tuyển, từ vòng loại cho đến vòng kết, người ta có thể rút ra được một vài nhận xét sơ bộ như sau :

1. Một số *cường quốc* về bóng đá bắt đầu xuống chân và đang có nhiều vấn đề phải giải quyết, về mặt " nhân sự " cũng như về mặt chiến lược : Brasil, Argentina, Đức, Ý, v.v... Có lẽ chỉ có Hà Lan là ít vấn đề, và còn nhiều tiềm lực, nhờ có được một dự trữ cầu thủ trẻ và tài năng.

2. Một số nước *vừa* và *nhỏ* đang mạnh lên, với những lý do khác nhau : Croatia, Đan Mạch, Anh, Paraguay, Mêhicô, v.v... (tôi không kể Pháp vì bây giờ thì Pháp đã vĩnh viễn được coi như là một cường quốc về bóng đá rồi !).

3. Một số nước *vừa* và *nhỏ* khác lại đang có cơ thụt lùi : Bungari, Rumani, Tây Ban Nha, Colombia, v.v...(người ta ai cũng còn giữ một kỷ niệm tốt đẹp về đội tuyển Bungari ở Mondial lần trước, cách đây có bốn năm !).

4. Một vài nước không tiến, mà cũng không lùi, vẫn cứ như trước (nghĩa là vẫn chơi với lối chơi cũ và chỉ có vài ba cầu thủ giỏi, chưa đủ để lọt được vào vòng kết) : Bỉ, Áo, v.v...

5. Phần lớn các đội tuyển đều có nhu cầu *trẻ hoá* và cần có một lực lượng dự trữ dồi dào.

6. Càng ngày vấn đề chiến lược và lối chơi càng quan trọng, nhưng vấn đề chiến lược đi đôi với vấn đề người. Đội mạnh là đội có cả hai bảo bối này.

Ví dụ như đội Paraguay, tuy là một đội nhỏ, đã thua đội Pháp 0-1, nhưng là nhỏ hạt tiêu, họ vừa có mưu lược, vừa có người giỏi, kể từ thủ môn Chilavert trở đi, cho đến các hàng hậu vệ, trung phong, tiền đạo, đều là những cầu thủ trẻ, biết tranh bóng, giữ bóng, phòng thủ, tấn công một cách linh hoạt và thông minh. Chính khối phòng thủ rất dày đặc của đội Paraguay trong khu vực 16 m của họ đã khiến cho đội Pháp phải chật vật mãi mới ghi nổi một *quả bóng vàng* (ballon d'or) ở thời gian đấu thêm với luật mới : hễ bên nào thua một bàn là *chết bất tử* (mort subite) !

Đội Croatie cũng là một đội mạnh, vừa có đầy người giỏi, lại vừa có chiến lược hiệu quả. Lối chơi cũng linh hoạt và khôn ngoan không khác gì đội Pháp mấy. Ngược lại, những đội lẽ ra rất mạnh như đội Argentina và đội Ý, thật không thiếu gì người giỏi, song do sai lầm chiến lược của hai huấn luyện viên Daniel Pasarella và Cesare Maldini mà đã bị loại ở vòng tứ kết (cả hai HLV này đều đã quá thận trọng, tới mức thụ động, và đã không biết dùng người đúng lúc đúng chỗ).

Vấn đề *người* và vấn đề *chiến lược* chính là hai nhân tố quan trọng, có vai trò quyết định trong thắng lợi của đội tuyển Pháp.

Tôi đã trình bày sơ qua ở trên về lực lượng người của đội Pháp. Ai cũng phải công nhận đội Pháp lần này có một lực lượng hùng hậu ít nước nào sánh kịp. Không kể Zinedine Zidane là một hiện tượng hiếm hoi của bóng đá hiện đại, các cầu thủ khác, mỗi người một phong cách, đều có trình độ kỹ thuật cao và một thể lực hiếm thấy : từ Djorkaeff, Guivarc'h, Dugarry, Deschamps, Trezeguet, Henry, Thuram, Petit, Pirès, Lizarazu, Dessailly, Blanc, Leboeuf, đến Barthez... Do đó, không lấy gì làm lạ là đội Pháp đã thực hiện được lối chơi *toàn diện*, nghĩa là mỗi cầu thủ ở bất cứ vị trí nào cũng đều có thể di chuyển liên tục và đều có thể hoặc phòng ngự, hoặc tấn công, tuỳ tình huống. Người ta hẳn còn nhớ những bàn thắng do các hậu vệ ghi : Lizarazu (trong trận đấu với Arabie Saoudite), Blanc (trong trận đấu với Paraguay), Thuram (trong trận đấu với Croatie). Cũng như, người ta thường thấy các tiền đạo như Guivarc'h, Djorkaeff, Trezeguet, v.v...lui xuống tới tận khu vực 16m của mình để phòng thủ khi cần thiết.

Lối chơi toàn diện (football total) có từ thời Yohan Cruyff với đội tuyển Ajax Amsterdam và đội tuyển quốc gia Hà Lan cách đây đã trên hai mươi năm, nhưng trong khi Cruyff và đồng đội chỉ chú trọng vào khâu *tấn công* (mà người ta cũng đã biết chỗ yếu về mặt phòng ngự của chiến lược này ở trận Hà Lan vào chung kết năm 1974 bị thua CHLB Đức 1-2), thì Aimé Jacquet, ngược lại, chú trọng đến khâu *phòng ngự* nhiều hơn. Đối với ông, phòng ngự là chính, phải bảo đảm cho thật vững ở đằng sau, rồi mới tuỳ cơ ứng biến mà tấn công.

Ngoài ra, còn một điều quan trọng khác nữa ở sơ đồ chiến lược của Aimé Jacquet là : mỗi cầu thủ di chuyển trong từng *khu vực* nhất định. Những khu vực này có thể đan kết, chồng chéo lên nhau. Miễn sao chuyển bóng đến được trước khung thành của đối phương. Do đó đường bóng có thể đi tới đi lui, đôi khi rất nhanh, rất ngắn, theo những hình tam giác, hay zích zắc, chứ không còn đi thênh thang như ở cái thời của Cruyff nữa !

Thế mới biết mỗi thời có một cách chơi khác nhau, một nhịp độ di chuyển khác nhau, và điều này cũng là cái lô gích của bóng đá : bóng đá ngày càng đòi hỏi ở mỗi cầu thủ một thể lực dồi dào, một sức chạy nhanh và dai. Những điều kiện này đi đôi với việc phải luôn luôn tìm cách chơi sao cho hiệu quả nhất, và đồng thời cũng đẹp mắt nhất đối với cả người chơi bóng trên sân cỏ, lẫn người xem !

Đội Pháp không đặt vấn đề kèm sát từng người của bên đối phương, nhưng mỗi cầu thủ đều luôn luôn cảnh giác trong khu vực của mình (vì đối phương cũng di chuyển linh hoạt), và trước mỗi trận đấu, Aimé Jacquet đều có phân tích và nêu lên những chỗ mạnh chỗ yếu của đối phương, đôi khi của từng cầu thủ (như trước khi gặp các đội Ý, Croatie, và Brasil. Về đội Paraguay, do không ai biết gì mấy về đội này, ngoài người thủ môn lừng danh của họ là Chilavert, nên Aimé Jacquet chỉ có thể căn dặn chung chung, đại khái nhấn mạnh vào sự cẩn trọng và tinh thần tiến công của các cầu thủ là chính [Phim phóng sự của Canal + chiếu trên đài truyền hình Pháp ngày 14-07-98]. Chính có lẽ vì không biết rõ chi tiết về từng người một của đối phương, nên trận đấu với đội Paraguay đã rất khó khăn đối với các cầu thủ Pháp). Đối với các đội Ý, Croatie và Brasil, các cầu thủ Pháp đều tương đối biết rõ từng người của phía bên đối phương. Nhưng nói chung là mỗi lần họ cứ dựa theo sơ đồ chiến lược chung của mình mà hành động : di chuyển theo *khu vực*, củng cố chặt chẽ *hệ thống phòng ngự*, nhưng khi cần thiết, ít ra hai hậu vệ và cả bốn trung vệ phòng thủ và trung phong đều có thể nhập với hai tiền đạo để *tấn công*, lấy số đông áp đảo đối phương.

Về mặt phòng ngự, đội hình 4 - 4 - 2 của đội tuyển Pháp trong Mondial 98 (1) có cái lô gích của nó : luật mới nghiêm phạt những cú trượt từ đằng sau (tacle par derrière) để lấy bóng, hoặc phá bóng, như vậy là những tiền vệ và trung phong tấn công ít bị ngăn cản hơn, do đó lại càng phải củng cố hàng hậu vệ, là hàng phòng ngự cuối cùng trước thủ môn. Trên thực tế, khối phòng ngự của đội Pháp là cả 8 người chia làm hai hàng : 4 ở hàng hậu vệ, 4 ở hàng trung phong. Người ta thấy rõ hiệu quả của cách phòng thủ theo bề dày này, nhất là trong trận đấu giữa Pháp và Brazil ở vòng chung kết. Gần như không bao giờ Ronaldo, Bebeto, Roberto Carlos, hoặc Denilson đã lọt qua được hai hàng phòng thủ này. Khi vòng qua được thì lại bị việt vị ngay !

Nói tóm lại, đội Pháp đã thắng do tập hợp được một số yếu tố thuận lợi chủ quan và khách quan.

Trong những yếu tố " chủ quan ", trước hết phải kể đến thực lực của đội tuyển Pháp, với một huấn luyện viên giàu kinh nghiệm, nhiều mưu lược, lại có quyết tâm, một tập thể 22 cầu thủ, không những có thể lực, có trình độ kỹ thuật cao, mà lại còn gắn bó thân thiết với nhau, và có cùng một ý chí quyết thắng.

Có được những cầu thủ tầm cỡ như thế, cũng là nhờ ở công trình đào tạo ở các cấp cơ sở, các trung tâm huấn luyện, các câu lạc bộ (2), đã cung cấp cho bóng đá Pháp một nguồn dự trữ về tài năng, qua đó Aimé Jacquet đã có thể theo dõi và chọn lựa từ bốn năm nay. Một số lớn các tuyển thủ Pháp lại chơi cho những câu lạc bộ nổi tiếng ở Âu châu cho nên biết khá rõ về tình hình bóng đá ở những nước này, cũng như về những cầu thủ mà họ gặp lại ở Mondial.

Pháp thắng chủ yếu còn là nhờ thấm nhuần tư duy chiến lược do người huấn luyện viên truyền đạt, như đã trình bày ở trên, với ý chủ đạo : phòng ngự trước hết, đồng thời di chuyển, dẫn bóng, chuyền bóng theo khu vực.

Còn những yếu tố " khách quan " là gì, nếu không là những cái nằm ở ngoài ý muốn của đội tuyển Pháp : những nhược điểm, sai lầm của đối phương ?

Ngoại trừ vòng loại không kể làm gì, vì Pháp đã thắng ba đội ở nhóm mình một cách tương đối dễ dàng : Nam Phi 3-0, Arabie Saudite 4-0, Danemark 2-1.

Vào tới vòng kết, gặp Paraguay, như tôi đã trình bày ở trên, Pháp đã gặp khó khăn nhưng cuối cùng cũng đã thắng, vì đội Paraguay, dù sao cũng chỉ có chiến lược phòng ngự thôi, chứ không có kế hoạch tấn công rõ rệt.

Đội Ý cũng tương tự, chỉ phòng ngự và cố thủ, chứ không dám tấn công thật sự, trừ cái đầu nguy hiểm của Vieri và cú sút vào góc cầu môn của Roberto Baggio. Thêm vào đó, huấn luyện viên Cesare Maldini đã phạm sai lầm nghiêm trọng trong việc chọn tuyển thủ cho trận đấu này : ông đã không biết khai thác tài năng của hai cầu thủ Roberto Baggio và Alessandro Del Piero, và đã không cho họ chơi cùng một lúc.

Trong trận đấu với đội Croatie ở vòng bán kết, sở dĩ Pháp thắng là nhờ phản ứng chung của toàn đội Pháp, sau khi được Aimé Jacquet *lên tinh thần* cho trong thời gian nghỉ giữa hai hiệp đấu (tài liệu truyền hình của Canal + đã dẫn), và nhất là nhờ phản ứng quyết liệt của Lilian Thuram, liền ngay sau bàn thắng của Suker (bàn thắng này do sơ hở của hàng hậu vệ Pháp, đặc biệt là của cá nhân Thuram, đã không tiến lên cùng hàng với các đồng đội hậu vệ để cho Suker bị việt vị). Bàn hoà 1-1 của Thuram sở dĩ ghi được một cách chớp nhoáng, một phần cũng là do sự thiếu cảnh giác, và mệt mỏi của Boban. Nói tóm lại, vào thời điểm vừa mới bắt đầu hiệp hai chưa đầy một phút , cả hai bên đều đã bị bất ngờ ! Ngoài ra, đội Croatie đã đấu hết sức mình, nhưng đã phải chịu thua bởi bàn thắng thứ hai ghi ở phút thứ 70, cũng bởi Thuram (ở đây, không thể nói rằng Jarni đã chểnh mảng, hoặc mệt mỏi, mà chính là vì Thuram đã có quyết tâm cướp lấy bóng từ chân Jarni ở một vị trí chiến lược nguy hiểm, và đã không do dự sút thẳng vào khung thành của đối phương.

Với những lủng củng nội bộ, với Ronaldo bị chấn thương chưa lành mạnh hẳn, nhưng vẫn bó buộc phải chơi, đội Brasil như bị tê liệt trước lối chơi linh hoạt và khôn ngoan của đội Pháp. Yếu tố thuần tuý khách quan ở đây chủ yếu là sự kiện Ronaldo bị chấn thương và chưa lấy lại được sức sau trận đấu với Hà Lan, thêm vào đó là sự sa sút chung của một số cầu thủ : Dunga, Leonardo, Aldair, Edmundo, v.v... Ngoài ra, mọi khó khăn khác của đội Brasil phần lớn đều do đội Pháp đã chủ động gây nên.

Hai bàn thắng ghi bằng đầu của Zinedine Zidane, chẳng hạn, sở dĩ có được là do sơ hở của đội Brasil, đã chủ quan, không bố trí chặt chẽ người trước khung thành của mình, và chỉ để ý đến những người quen chơi đầu của đội Pháp mà không để ý đến Zidane , nhưng chủ yếu vẫn là do tài năng và sự khôn ngoan của Zidane đã chuẩn bị cú này từ trước với Djorkaeff và với Emmanuel Petit (3), và nhất là đã biết nắm thời cơ, đúng lúc và đúng chỗ !

Như vậy là Cúp bóng đá thế giới đã chuyền từ tay đội Brasil qua đội Pháp !

Một thời kỳ mới đã mở ra cho bóng đá Pháp và bóng đá thế giới.

Mondial 98 đã đem lại nhiều bài học quí báu, mà hậu quả sẽ là những thay đổi khó có thể lường trước được của nền bóng đá ở nhiều nước, từ đây đến năm 2002.

Tiền Đạo

Chú thích :

1. *Đội hình* là sơ đồ thể hiện vị trí và chức năng của mỗi cầu thủ trên sân cỏ. Mỗi đội tuyển, trên nguyên tắc, đều phải được bố trí theo đội hình. Nhiều khi đội hình chỉ giống nhau về hình thức, ở thế tĩnh, còn về cơ cấu hoạt động ở bên trong lại có thể khác hẳn nhau.

Mặc dầu bóng đá ngày càng tiến bộ, với tốc độ di chuyển ngày càng nhanh và vị trí của mỗi cầu thủ ngày càng linh hoạt, song vai trò của đội hình vẫn có tầm quan trọng của nó. Ít ra nó cũng nói lên phần nào chiến lược chung của đội bóng, vì phải ăn khớp với chiến lược này.

Người ta còn nhớ, năm 1958, lần đầu tiên Brasil đoạt Cúp bóng đá thế giới với đội hình 4 - 2 - 4. Bốn năm sau, để củng cố thêm hàng trung phong, đội hình Brasil, với Zagalo, được đổi thành 4 - 3 - 3, và cuối cùng 4 - 4 - 2 , một đội hình trở thành phổ biến từ đó.

Đến năm 1986, huấn luyện viên Argentina Carlos Bilardo có sáng kiến bày ra đội hình 3 - 5 - 2, giảm bớt người ở hàng hậu vệ cho bớt vướng người thủ môn, đồng thời có thêm người cho hàng trung phong. Với đội hình này, Argentina đã đoạt Cúp bóng đá thế giới năm 1986, nhưng đây chưa chắc đã là nguyên nhân thắng lợi chính. Dẫu sao đội hình này cũng đã trở thành phổ biến (đội Juventus de Turin hiện nay vẫn áp dụng đội hình này. Người ta thấy rằng trong đội hình này, cũng như trong đội hình 4 - 4 - 2 của đội Pháp, vị trí của cặp Zinedine Zidane (trung phong cầm quân) và Didier Deschamps, (trung phong lấy bóng và phát bóng) giống nhau như hệt ! Đây cũng là một thuận lợi của đội Pháp, cũng như của đội Juventus de Turin, nơi mà Zidane và Deschamps cùng chơi từ vài năm nay !

2. Ở Pháp, Liên đoàn bóng đá hiện nay gồm có 2 086 000 thành viên, thuộc 21 104 câu lạc bộ lớn nhỏ (theo số liệu của tập san Onze Mondial 7-98). Trong các câu lạc bộ mạnh của Pháp hiện nay có rất nhiều tài năng trẻ có thể được chọn vào đội tuyển Pháp trong một tương lai gần.

3. Theo trả lời phỏng vấn của Zidane sau trận đấu. Djorkaeff và Petit là hai người đá phạt góc.

Hội hoạ :

Đâu là những giá trị đích thực ?

Văn Ngọc

Bàn về *giá trị nghệ thuật* của một tác phẩm hội hoạ không phải chuyện đơn giản, trước hết bởi vì bản thân *sự thẩm định nghệ thuật* là một sự đánh giá dựa trên cảm tính và nhận thức *chủ quan* của mỗi người (1), sau nữa, vì những ý tưởng mà tác phẩm đó chuyên chở, cũng như những tiêu chuẩn dựa trên đó nó đã được sáng tạo ra, luôn luôn mang tính thời gian, và người xem tranh, nếu muốn thưởng thức cho đến nơi đến chốn, bó buộc phải biết đến cái bối cảnh xã hội, lịch sử trong đó nó đã ra đời.

Chẳng hạn như, không thể nào đánh giá được một cách chính xác những tác phẩm của Giotto (1266/67-1337), nếu không biết đến cái truyền thống hội hoạ ở Ý trước khi có ông, với những quy ước, tiêu chuẩn của nó, và những cái mới mà Giotto đã đem đến cho nghệ thuật hội hoạ thời Tiền Phục Hưng. Cũng như, không thể nào đánh giá được Van Gogh, Gauguin, Cézanne, v.v... trong những bước đầu của hội hoạ hiện đại, nếu không biết đến nền hội hoạ ấn tượng và nền hội hoạ chính thống đương thời.

Nói đến *giá trị hàng hoá*, giá trị kinh tế của một tác phẩm, lại càng phức tạp hơn nữa, vì ở đây không còn một tiêu chuẩn, một mực thước nào nữa : quy luật ở đây, xét cho cùng, cũng chỉ là quy luật cung cầu, dựa trên sự thuận mua vừa bán, do đó người ta có thể định giá tranh một cách hoàn toàn tuỳ tiện, một khi biết rằng trên thị trường vẫn có người mua.

Vậy có phải vì *giá trị nghệ thuật* của một tác phẩm hội hoạ khó xác định, mà *giá trị hàng hoá* của nó cũng không thể nào chính xác ?

Như chúng ta biết, *giá trị nghệ thuật* của một bức tranh tuỳ thuộc ở sự nhạy cảm và ở vốn hiểu biết về nghệ thuật của người xem tranh, nói tóm lại, ở khả năng thẩm định nghệ thuật của người đó.

Đối với người hoạ sĩ, bản thân sự sáng tác ra bức tranh cũng chỉ là một hoạt động mang khá nhiều nhân tố chủ quan : mỗi ý tưởng, đường nét, hình thể, màu sắc, v.v... vẽ lên tranh, đều thông qua một sự chọn lựa mà người hoạ sĩ cho là tối ưu, song chung quy cũng chỉ là một sự quyết định có tính chất chủ quan.

Và dù cho người hoạ sĩ đó có là một nghệ sĩ độc lập, hay thuộc một trường phái nào đi nữa, thì những ý tưởng, lý thuyết nghệ thuật mà bức tranh chuyên chở, cũng vẫn chỉ thuộc lãnh vực chủ quan.

Do đó, *giá trị nghệ thuật* chỉ là một khái niệm có tính chất tương đối, vì sự sáng tạo nghệ thuật cũng như sự thẩm định nghệ thuật đều dựa trên những nhân tố chủ quan.

Song, không phải vì thế mà nghệ thuật không là một trong những nhu cầu cao nhất của đời sống tinh thần, thậm chí một nguồn đam mê của con người.

Cũng không phải vì thế mà hoạt động sáng tạo đã không thể có được ! Trên thực tế, nghệ thuật đã tồn tại từ mấy nghìn năm nay, và chắc hẳn sẽ còn tiếp tục tồn tại lâu dài. Cũng như, không phải vì thế mà người ta không thể phân biệt được cái đẹp, cái xấu, hoặc cái hay, cái dở trong nghệ thuật. Hiện tượng *đồng cảm* của nhiều người trước một tác phẩm nghệ thuật, nói lên điều đó. (2)

Nói tóm lại, nghệ thuật có tồn tại và phát triển được, là nhờ ở những *tiêu chuẩn, ước lệ* , những *lý thuyết nghệ thuật* , mà con người đã đặt ra, để vừa làm chỗ dựa cho sự sáng tác, vừa làm cái thước đo chung cho sự thẩm định những giá trị nghệ thuật. Đó cũng là nhờ ở trình độ văn hoá chung của một xã hội và trình độ thẩm mỹ của những người yêu chuộng nghệ thuật.

Hội hoạ xuất phát từ một nhu cầu biểu đạt và truyền cảm, nó cần được *người khác* tiếp nhận và cảm thụ. Song, do phải diễn đạt bằng một *ngôn ngữ tạo hình* , với những ký hiệu và hình tượng, chứ không phải với những *khái niệm* như trong ngôn ngữ viết, cho nên nó cần có những *quy ước* , qua đó người khác ngoài hoạ sĩ ra mới có thể đọc được, giải mã được, cũng như cảm thụ được tác phẩm. Từ thời nguyên thuỷ đã là như vậy : từ những ký hiệu khắc, vẽ trên những hòn cuội galets du Mas d'Azil (3), những bức tranh thổ dân Úc (4), đến những chiếc mặt nạ và đồ thờ của các dân tộc châu Phi, v.v... tất cả đều là những hình thức diễn đạt có tính chất ước lệ.

Bước vào những thời kỳ xã hội loài người phát triển hơn, khi nghệ thuật đã trở thành một nhu cầu văn hoá, một *món ăn tinh thần* , đồng thời là một phương tiện truyền bá tư tưởng nằm dưới quyền kiểm soát của các tầng lớp thống trị, thì những tiêu chuẩn và ước lệ này cũng thể hiện những *tư tưởng chính thống* của các tầng lớp đó, và chúng sẽ không chỉ quy định ngôn ngữ diễn đạt về mặt hình thức mà thôi, mà còn quy định cả về mặt nội dung tư tưởng (đạo đức, chính trị, v.v...) của mỗi tác phẩm.

Người ta còn nhớ sự kiện bức hoạ *Olympia* (1863) của Manet bị công kích kịch liệt ở cuộc triển lãm năm 1865, không phải chỉ vì màu sắc quá sáng sủa, xa lạ với cái truyền thống trước đó quen dùng màu tối, hoặc vì cách dàn trải các mảng màu một cách quá giản dị (ảnh hưởng của tranh khắc gỗ Nhật Bản), cũng không phải vì cách vẽ và trình bày người phụ nữ khoả thân trên tranh, mà chỉ vì người mẫu là một cô gái bình thường, thậm chí có người còn nói thẳng tuột ra là một cô gái giang hồ !

Do đó, cũng không lấy gì làm lạ là gần như tất cả mọi vấn đề lý thuyết, đối tượng của những cuộc đổi mới và những cuộc tranh cãi trong lịch sử nghệ thuật, đều đã chỉ xoay quanh những ước lệ và tiêu chuẩn : về hình thức, từ vấn đề cơ bản đầu tiên là sự thể hiện các hình khối thật trong không gian ba chiều trên một mặt phẳng hai chiều (5), cho đến những vấn đề màu sắc, nhịp điệu, chuyển động, v.v...; về nội dung, từ sự chọn lựa đề tài, cho đến quan niệm về hiện thực, về thiên nhiên, về con người, về xã hội, v.v...

Nghệ thuật, nhất là nghệ thuật chính thống - ngược lại với nghệ thuật dân gian - là một hoạt động văn hoá thuộc thượng tầng kiến trúc của xã hội, đòi hỏi một trình độ giáo dục thẩm mỹ nhất định. Do đó, từ xưa đến nay, nó vẫn thường là một sinh hoạt, một nhu cầu tiêu khiển, dành riêng cho một thiểu số người trong xã hội.

Xưa kia, nó được dành cho các vua chúa, các tầng lớp quý tộc, phú thương, trưởng giả, trí thức, v.v...Các tác phẩm nghệ thuật được giữ kín trong các cung điện, lâu đài, dinh thự, chỉ trừ một số tác phẩm có tính chất tôn giáo - như trong nghệ thuật phương Tây, vào các thời kỳ Trung cổ, Tiền Phục Hưng và Phục Hưng, chẳng hạn - được trưng bày trong các nhà thờ, các tu viện, cốt để truyền bá Thánh kinh cho dân chúng thời đó, mà đa số còn mù chữ.

Ngày nay, mặc dầu không còn vua chúa, mặc dầu trong các xã hội phát triển đều có những phòng triển lãm, những viện bảo tàng, những thư viện, những phương tiện ấn loát, cũng như những phương tiện truyền thông ngày càng hiện đại, song vì điều kiện kinh tế, xã hội không cho phép, cho nên giáo dục thẩm mỹ của quần chúng cũng vẫn bị hạn chế, và, như một cái vòng luẩn quẩn, những hoạt động nghệ thuật cũng không có được một địa vị kinh tế thích đáng.

Người hoạ sĩ ngày nay, đứng trước bối cảnh phức tạp của môi trường hoạt động nghệ thuật, với một thị trường tranh hoàn toàn không nằm trong lãnh vực hiểu biết và khả năng kiểm soát của mình, thì chỉ có thể có một trong hai thái độ : một, là chỉ tập trung vào những hoạt động thuần tuý nghệ thuật của mình : tập trung vẽ, nhằm thực hiện những gì mình thích và cho là có giá trị nghệ thuật, còn mọi chuyện khác tính sau ; hai, là vẽ tranh theo đơn đặt hàng, qua một sự thoả thuận, sắp xếp giữa mình với một người lái tranh, hoặc một galerie nghệ thuật nào đó.

Thái độ thứ nhất đòi hỏi một sự " vô tư " nhất định : người hoạ sĩ vẽ với mục đích thực hiện một lý tưởng nghệ thuật, không vụ lợi, không coi việc đầu tư công sức, tiền bạc của mình vào đó là quan trọng.

Thái độ thứ hai sẽ dẫn đến những tình huống, có thể có lợi cho người hoạ sĩ về mặt vật chất, nhưng không chắc đã có lợi cho nghệ thuật, do ảnh hưởng của những người lái tranh, do sự tính toán ích kỷ và trình độ thiếu hiểu biết của họ về những giá trị nghệ thuật, nói chung, không kể là những người này luôn luôn có xu hướng chạy theo thị hiếu thời thượng chỉ vì mục đích vụ lợi.

Dưới đây là một vài giai thoại minh hoạ thêm cho những điều vừa được trình bày ở trên.

Cách đây ba chục năm, người ta bán đấu giá một bức hoạ của Modigliani vẽ năm 1918 với giá 1 320 600 f. Bức hoạ này vào năm 1918 chắc chỉ bán được độ 200 f, vì đó là giá thời ấy . Như vậy là nhân lên gấp 6 600 lần.

Sinh thời Modigliani rất khinh tiền bạc, và không bao giờ muốn người ta đặt một cái giá nào lên một tác phẩm nghệ thuật.

Jean Cocteau kể lại rằng, hồi đó, chính ông cũng không coi tiền bạc là gì cả. Một buổi sáng, Modigliani tặng ông một bức chân dung (vẽ ông), vừa vẽ xong hồi đêm. Ông lấy taxi chở về nhà, giữa đường dừng lại tiệm giặt. Vì không có tiền trả, ông đã phải trả bà chủ tiệm giặt bằng bức tranh ! Nghe đâu bây giờ bức tranh đó nằm ở bên Mỹ.

Vào những năm 1910, Modigliani thường hay đem tranh của mình lại tiệm café *Delta* ở Place Rochechouart, nơi anh thường đến ăn (sandwiches) và uống rượu buổi tối. Những khách quen đi lại đây thường mua tranh của anh với giá vài chục francs một bức. Nhưng Modigliani sống được nhờ vẽ ký hoạ nhiều. Anh thường đem ra bán ở ngay terrasse trước tiệm café-restaurant *La Rotonde* ở Montparnasse.

Năm 1915, nhà buôn tranh Paul Guillaume tổ chức một cuộc triển lãm tranh của Modigliani tại một xưởng vẽ phố Huyghens. Ông ta bán được vài bức, cứ trung bình 200 f một bức.

Vào những năm 1916-1917, Modigliani ký với Zborowski một giao kèo khá đặc biệt : ông này trả cho Modigliani mỗi ngày 20 f, cộng thêm vào đó tiền mua khung vải và màu, với điều kiện là mỗi buổi chiều phải đến vẽ tại một căn phòng ông ta thuê ở đường Port-Royal, cách Montparnasse vài bước, nhưng phải nhịn uống rượu trước khi đến làm việc !

Năm 1917, nhà văn Francis Carco, bạn của Modigliani, mua bứa hoạ *Nu blond* 75 f. Mười năm sau, bán lại được 250 000 f.

Một nhà phê bình nghệ thuật đặt vẽ ba bức khoả thân cỡ lớn. Bức đầu ông ta trả 300 f, bức thứ nhì 275 f, bức thứ ba 250 f. Đến bức thứ tư, ông này muốn đặt nữa, Zborowski từ chối thẳng : " *Nếu cứ cái đà này, thì đến bức thứ mười bốn, chắc chính tôi phải bỏ tiền túi ra trả cho ông cũng nên !* ".

Cùng năm đó, một nhà chơi tranh người Anh trả giá 300 f bức *Nu rose* , 50 năm sau, bức tranh này trị giá gấp đúng một ngàn lần.

Vào tháng 5-1920, bốn tháng sau khi Modigliani mất – ở Pháp dư luận bắt đầu thừa nhận tài năng của anh – bức hoạ *Femme assise accoudée* được bán đấu giá ở Hotel Drouot 1950 f. Mười tháng sau, bức *Portrait de Chéron* bán được 4 100 f. Bức này, đến năm 1950, bán được ở Bruxelles 510 000 f.

Giá tranh Modigliani cứ thế tiếp tục lên vòn vọt : ngày 2-3-1925, bức *Modèle* trong bộ sưu tập của Francis Carco bán được 12 200 f ; ngày 29-10-1927, bức *Buste de femme* bán được 12 000 f.

Ngày 4-12-1941, bức hoạ *Femme au camée* vẽ từ năm 1917, bán được 200 000 f. Năm năm sau, bức Portrait de Mme Zborowska bán được 220 000 f. Bức hoạ này đến năm 1966 được *ước lượng* từ 500 000 f đến 800 000 f.

Ngày 30-5-1947, tác phẩm *Nu rose couché* vẽ năm 1917 đạt tới giá 527 000 f.

Ngày 10-12-1953, tại galerie Charpentier (Paris), bức hoạ *Portrait d'homme* được đưa lên tới 4 600 000 f. Ba tháng sau, cũng ở đây, một bức hoạ khác :*Totote de la Gaîté* (72x63cm) bán được với giá 6 900 000 f.

Ở Londres, ngày 11-4-1962, một bức hoạ của Modigliani, vẽ năm 1918, *L'homme au verre de vin* (95x54cm) đã bán được với giá 508 000 f, v.v...

Ở Mỹ, ngày 19-11-1958, một cuộc bán đấu giá của công ty Sotheby Parke-Bernet đã đưa bức hoạ *Portrait d'homme* lên tới giá kỷ lục 33 000 000 f.

Và Modigliani nghiễm nhiên trở thành một *giá trị quốc tế* ! (6)

Tôi lấy thí dụ trường hợp của Modigliani, cũng như tôi có thể lấy thí dụ về trường hợp của Rubens, hoặc của một hoạ sĩ trứ danh nào khác, hoàn toàn không có định kiến gì hết, chỉ vì trường hợp của Modigliani gần chúng ta hơn, và nêu rõ vấn đề một cách tổng quát hơn, thế thôi.

Hoạt động mua đi bán lại, hoặc đầu cơ, của những người lái tranh, dựa vào sự tiếp tay của một số nhà báo và nhà phê bình nghệ thuật chuyên nghề tán tụng và lèo lái dư luận, dẫn đến tình trạng làm cho người ta không còn biết đường nào mà lần nữa về giá trị đích thực của các tác phẩm hội hoạ trên thị trường. Giá cả lại được ước lượng, định đoạt một cách máy móc, tuỳ tiện bởi các công ty kinh doanh tầm cỡ quốc tế như Sotheby Parke Bernet & Co, Christie's của Anh, Mỹ, hoặc ở một quy mô nhỏ hơn, Hotel Drouot của Pháp, v.v...Bạn chỉ cần tham khảo một bảng ước lượng giá cả tranh do công ty Sotheby thực hiện, là đủ thấy rằng họ không cần gì đến giá trị nghệ thuật đích thực để có thể cho giá một bức tranh !

Ngoài ra, không biết từ đâu, lại còn nảy sinh ra hiện tượng chơi tranh như chơi đồ cổ nữa !

Picasso đã từng thổ lộ với Giovanni Papini những điều tâm sự dưới đây, được ghi lại trong một cuốn sách tựa là *Libro Nero* , xuất bản ở Roma vào năm 1952 :

" *Khi nghệ thuật không còn là món ăn tinh thần dành cho những phần tử ưu tú nhất (trong xã hội)* (7), *thì người nghệ sĩ có thể đem tài năng của mình sử dụng trong bất cứ một cuộc thử nghiệm nào, thực hiện bất cứ một ý tưởng ngông cuồng nào, một sự lường gạt bịp bợm nào. Quần chúng ngày hôm nay không còn tìm kiếm một nguồn an ủi, một sự hứng khởi nào nữa ; những kẻ sành điệu, những bọn giàu sang, những đứa ăn không ngồi rồi, những hạng cố đấm ăn xôi, thì lại muốn đi tìm cái mới, cái lạ, cái độc đáo, cái quái dị, có khả năng gây xì căng đan. Chính tôi, từ khi vẽ tranh lập thể và ngay cả trước đó nữa, đã làm hài lòng các hoạ sĩ bậc thầy, các nhà phê bình nghệ thuật, với tất cả những ý tưởng kỳ quoặc luôn luôn thay đổi của mình, vậy mà càng không hiểu bao nhiêu, họ càng khâm phục mình bấy nhiêu. Nhờ cứ đùa rỡn mãi với tất cả những trò chơi phù phiếm và tối nghĩa đó, mà tôi đã nổi tiếng một cách nhanh chóng. Và nổi tiếng, đối với một hoạ sĩ, có nghĩa là : bán được tranh, kiếm được tiền, trở nên giàu sang. Như anh biết đấy, ngày nay tôi vừa nổi tiếng, vừa giàu sang. Nhưng cứ mỗi lần mặt đối mặt với chính mình, tôi lại lấy làm hổ thẹn và không dám tự coi mình là một nghệ sĩ với cái nghĩa xưa, cao cả, vĩ đại của nó. Những người như Giotto, Le Titien, Rembrandt, Goya, mới đáng được gọi là những nghệ sĩ, tôi chỉ là một thằng hề làm trò vui cho thiên hạ, một đứa khôn ngoan hiểu được thời thế và biết khai thác sự ngu dốt, tính kiêu ngạo và lòng tham lam của đồng loại. Lời tôi nói ra đây có vẻ hơi chua chát, đau khổ đấy, nhưng ít nhất nó cũng là lời chân thực phát ra từ đáy lòng.* "

(Lời của Picasso nói với Giovanni Papini vào năm 1953, được André Lamouche trích dẫn từ cuốn *Libro Nero* của Giovanni Papini đã giới thiệu ở trên ; tài liệu tham khảo : André Lamouche, *Esthétique* , Ed. Dunod, Paris 1961, tr. 225).

Mặc dầu không có điều kiện kiểm tra nguyên bản của cuốn sách viết bằng tiếng Ý của Giovanni Papini, nhưng tôi tin rằng câu nói trên đúng là cách nói của Picasso. Tính Picasso hay nói thẳng, và ông đã có nhiều dịp nói thẳng về nghệ thuật (8). Lần này, ông nêu lên một khía cạnh mà ít ai nói đến của nghệ thuật, đó là cái tình trạng thiếu giáo dục thẩm mỹ của quần chúng nghệ thuật, kể cả những tầng lớp trên.

Đây phải chăng chính là cái đầu mối của sự chậm phát triển của nghệ thuật, và đồng thời cũng là một trong những nguyên nhân của sự lũng đoạn thị trường tranh bởi những con buôn ?

Tôi không bàn về lập trường đạo đức của Picasso, nhưng thiết nghĩ những lời ông nói ở trên đây là đúng và ít hoạ sĩ, hay nhà phê bình nghệ thuật nào đã dám nói như vậy.

Văn Ngọc

Chú thích :

(1) Xem Văn Ngọc, *Nhìn vào bản chất của nghệ thuật* , DĐ số 76, 1-07-98.

(2) Xem Văn Ngọc, *Nhìn vào bản chất của nghệ thuật* , DĐ số 76, 1-07-98.

(3) Xem Văn Ngọc, *Hội hoạ trừu tượng* , DĐ số 65, 1-07-97.

(4) Xem Văn Ngọc, *Tranh thổ dân châu Úc* , DĐ số 69, 12-97.

(5) Giữa thế kỷ 13 (thời kỳ Tiền Phục Hưng Ý), phương Tây khám phá ra phép vẽ phối cảnh để thể hiện sự vật trong không gian ba chiều, dựa vào nguyên tắc nhìn mọi hình khối trong không gian từ một điểm, là con mắt của mình, chẳng hạn : trên mặt tranh, tất cả những đường song song trong chiều không gian thứ ba đều gặp nhau ở cùng một điểm trên đường chân trời, v.v... Trong hội hoạ phương Đông, cách vẽ không dựa theo phép phối cảnh còn tồn tại cho mãi đến thế kỷ 19. Cách vẽ xưa ở phương Đông cũng như ở phương Tây, thực ra không phải là sai, ngược lại, nó có tính chất chân thực ở chỗ người xưa cho rằng : một vật thể, như một hình khối vuông, chẳng hạn, trong không gian ba chiều có những cạnh song song ra sao, thì trên mặt tranh cũng phải thể hiện đúng như vậy. Còn chẳng hạn như vật nào ở đằng trước, vật nào ở đằng sau, thì trong hội hoạ phương Đông, có ước lệ cứ vật ở đằng trước thì vẽ ở dưới, vật ở đằng sau vẽ ở trên. Không những thế, còn có một ước lệ khác nữa, là nhân vật nào quan trọng thì được vẽ to hẳn, nhân vật nào không quan trọng thì vẽ bé hẳn, như ở trong tranh thờ dân gian của Việt Nam và Trung Quốc.

(6) Số liệu dựa theo Gérald Schurr, *Modigliani, nouvelle valeur internationale* , nguyệt san *La Galerie des Arts* , số 32, tháng 3-1966.

(7) Câu này không biết có phải ý Picasso muốn nói đến những thời kỳ thịnh đạt nhất của hội hoạ phương Tây không, như thời Tiền Phục Hưng và Phục Hưng Ý, chẳng hạn, mà tất cả đều quy vào một mục đích là phục vụ tôn giáo, nguồn tư tưởng đạo đức chính thống ? Vào những thời kỳ này, quả là những người đứng ra *đặt hàng* cho các nghệ sĩ đều thuộc những tầng lớp quý tộc, trưởng giả, hoặc ở trong giới tu hành, có trình độ văn hoá cao và am hiểu về nghệ thuật.

(8) Xem Văn Ngọc, *Ngôn ngữ lập thể*, DĐ số 59, 1-01-97.

Những giọt trầm

truyện ngắn

Lê Minh Hà

Có chắc mùa thu lá rơi vàng tiếng gọi
Lệ mừng gặp nhau xôn xao phím dương cầm
Có phải em là mùa thu Hà Nội
Nghìn năm sau ta níu bóng quay về...
(Có phải em... mùa thu Hà Nội
- Nhạc và lời : Trần Quang Lộc)

Sơ tán lần thứ nhất về thì tôi lên lớp ba.

Hầu hết trường học ở thành phố bị trưng dụng trong thời đánh phá. Làm nơi tuyển quân. Làm nơi chứa bao cát phòng khi bom phá vỡ đê sông Hồng mùa lũ. Làm nơi bán gạo dã chiến. Trường tôi là cửa hàng gạo lúc trẻ con phải triệt để sơ tán khỏi thành phố. Lúc chúng tôi nhập trường, các phòng học vẫn phảng phất mãi mùi gạo mục chua chua thum thủm.

Trường mất đâu hết bàn ghế và học sinh phải đi học ba ca. Tôi học ca ba, từ ba giờ chiều tới bảy giờ tối. Bây giờ nhớ lại lòng cứ ngùi ngùi rất khó chịu. Thương tuổi mình ngày ấy. Nhưng ngày ấy thì thật ra là rất bình thường. Từ hai giờ chiều tôi đã mắt trước mắt sau chào bà xách cặp phóng ra khỏi nhà. Áo trắng. Quần xanh. Nón to bằng nón mẹ. Không còn phải đội mũ rơm dày quỵch đau cả đầu. Vĩnh biệt áo nâu với áo xanh sĩ lâm. Chẳng còn sợ bị cô phạt vì quên túi cứu thương. Nhẹ nhõm. Gió lao rao trên vòm cây. Xô nắng. Nắng mùa thu trong như mật ong rải trên đường. Mặt đường đầy cứt cò. Phố tôi có hàng cây sao tuyệt nhất Hà Nội. Thẳng tắp. Cao vút. Thân xù xì nâu sẫm, đẹp kinh khủng vào lúc nắng quái. Lại có cò. Cò vẫn về quần tụ ngay cả lúc bom đạn dữ dội nhất. Sau này chúng bỏ đi, nhưng vẫn để lại cho phố cái tên bọn con trai bạn tôi thời sinh viên rất thích gọi : Bang Cò ị.

Bang Cò ị nằm sát ngoại ô. Hai bên phố thuần nhà một tầng với hai tầng mái ngói cửa gỗ lùa có thể tháo ra lắp vào hàng ngày. Kiểu nhà trung lưu có buôn bán trước. Cũng lác đác có vài biệt thự và những biệt thự đó thường cách mặt phố cả khoảng sân rộng có hàng rào chấn song gang bao quanh. Trên đó hoa ti gôn phủ trĩu. Lối đi sau mấy ngày mưa chỗ nào không có bước chân người là lên rêu. Trông cũng tàn tạ. Có vẻ nhà tư sản trước, còn giữ được sau hoà bình lập lại. Cả nhà tôi sống ở khu tập thể cơ quan bố mẹ và những nhà ngoài phố bao giờ cũng làm tôi tò mò. Trong ấy dường như còn một cuộc sống mà tôi không biết. Nó hiện diện ở những tủ kính con chứa các lọ thuỷ tinh đựng ô mai, táo dầm, chè lam..., ở dáng ông cụ mặc pigiama phẳng phiu loay hoay quét lá khô trên lối đi những chiều gần tắt nắng. Hay ở dáng các bà cụ răng trắng, đeo kính, búi tóc chú không vấn khăn như các bà ở vùng chúng tôi về sơ tán vẫn vừa ngồi trông hàng vừa tiện thể nhặt rau sát cửa ra vào. Tôi đã nhìn rất kỹ. Các bà ngồi ghế nhặt rau chứ chẳng thấy ngồi xổm bao giờ. Mớ rau các nhà ấy mua thường non nà, rau xơ mới và bao giờ cũng chỉ là một nắm tý teo. Khác hẳn những mớ rau bọn trẻ con chúng tôi xếp hàng mua ở quầy rau mậu dịch. Nhìn những mớ rau bán theo cân ấy người nhà quê ra tỉnh có thể tưởng rằng đến một nửa dân thành phố nuôi lợn.

Suốt khoảng phố gần trường toàn nhà một tầng cửa gỗ lùa lọt vào một nhà cửa sổ chấn song sắt luôn mở rộng. Có một lồng chim ngày nào đi học tôi cũng thấy treo phía ngoài. Chim gì chẳng đẹp. Trông như mớ cỏ rối. Nhưng tiếng hót thì trong veo. Trong. Và phấp phỏng như nắng thu đang do dự rây qua ngàn vạn lá xuống phố. Nhà ấy không bán hàng. Có những đứa trẻ ăn mặc đẹp hơn tôi, chân đi dép nhựa ra vào. Chúng đến đó học đàn. Chúng làm tôi tủi thân và nhiều hơn là thẹn. Có một lần tôi bị tụt quai dép cao su và tôi chẳng còn cách nào hơn là lếch thếch xách cả dép lẫn cặp nhón nhén đi bộ trên hè phố trước mặt chúng nó.

Từ ngôi nhà chúng ra vào bay ra những hợp âm thô kệch, lập cập. Thua tiếng hót của con chim giống như nùi cỏ rối. Tôi có cả một bầu trời mùa thu thanh tĩnh, cả tiếng chim kia, cả mặt phố thâm nghiêm trong bóng lá, và nắng, và gió. Nhưng không hiểu sao tôi cứ buồn buồn khi nghe tiếng dương cầm vang lên lập cà lập cập dưới ngón tay bọn trẻ con không quen biết. Cảm giác này theo tôi đến tận giờ và tôi không bao giờ muốn lý giải.

Cô giáo dạy dương cầm tôi đã nhìn thấy nhiều lần. Hình như nhà chỉ có cô và mẹ cô. Bà cụ hay ngồi trên cái giường đơn kê sát cửa sổ đan len, kính trễ mũi. Thỉnh thoảng bà lại dướn mắt nhìn qua gọng kính ra ngoài phố. Phố vắng ngắt. Chẳng hiểu bà nhìn gì. Và mỉm cười. Có lần hình như bà cười với tôi. Gương mặt lặng lẽ sáng bừng trong nụ cười ấy. Dáng vẻ ấy tôi chẳng bao giờ thấy ở các vị hàng xóm suốt ngày tất bật trong khu tập thể của tôi.

Cô giáo dạy đàn con bà cụ trông cũng chừng tuổi. Phải bằng cô giáo tôi. Tóc phi dê dài đã hơi duỗi, để xoã ngang vai cả trong những ngày nóng. Mắt đen, sâu, cái nhìn hơi mờ. Miệng rộng và tươi. Có thể vì thế mà dáng người cô tuy hơi quá gầy nhưng trông không có vẻ ốm yếu sầu não, mà cũng không có vẻ nghiệt. Tôi không biết cô có nhiều trò không nhưng vào lúc tôi đi học thì bao giờ cũng có một đứa trẻ nào đó đang mổ cò bên đàn.

Buổi tối khi tôi đi học về qua thì thường chỉ thấy có bà cụ và cô. Có lần tôi nhìn thấy cô chơi đàn. Tôi không biết đó là bản gì. Nhưng tiếng pi-a-no buổi tối thành phố lên đèn ấy tôi nhớ lập tức. Tiếng đàn mới cao sang làm sao. Trong vắt. Róc rách. Dường như những thân sao đen cao vút đang từ từ dướn lên, vòm lá mở ra để lộ một bầu trời đen thẫm, mịn màng như một đĩa thạch và chi chít sao. Mùi lan tiêu thơm nức...Sân khấu ca nhạc ngày ấy bao giờ cũng có tiếng phong cầm. Tiếng phong cầm rộn rã réo rắt quả cũng thích hợp với không khí thời buổi ấy, khi chiến tranh mới tạm ngưng và những bài hát *Bão nổi lên rồi, Bài ca đường chín, Chiếc gậy Trường sơn* với vân vân vang ra từ loa công cộng gắn khắp các phố luôn thổi lên trong lòng người một ngọn gió hừng hực. Tiếng dương cầm đơn độc lần đầu tiên nghe thấy đã làm chậm hẳn bước chân tôi. Đến thời con gái ngơ ngẩn, có những đêm đạp xe một mình lang thang hay cùng bạn, tôi đã nghe được bao tiếng dương

cầm khuya. Góc phố Tăng Bạt Hổ. Gác hai một ngôi nhà trên Quan Thánh. Sứ quán Pháp gần hội nhạc sỹ Việt Nam góc Bà Triệu - Trần Hưng Đạo. Xóm Hạ Hồi. Phố Nguyễn Thượng Hiền. Nhưng không có một tiếng đàn nào cho tôi cảm giác như tiếng đàn tôi đã nghe khi đang là một con bé lên chín, trong một ngày xa xôi rất nhiều gió.

Tôi đã nghe thấy tiếng đàn. Tôi cũng đã nghe thấy cả giọng nói người chơi đàn. Một buổi tối lúc đi học về, trời đổ mưa sầm sập. Hà Nội có những ngày thu như thế. Liền mấy hôm mưa dầm dề. Rồi nắng hửng lên, vàng rười rượi. Trời xanh và cao. Heo may về lại. Phố khô đi chậm rãi. Rồi lại mưa. Tôi chỉ mang độc cái nón, cặp sách bằng vải mẹ may tay, phải tìm chỗ trú. Men theo hiên các nhà, tôi dừng lại ở cửa nhà có trẻ con tối học đàn. Ngọn đèn điện đỏ đòng đọc chụm lại thành một giọt sáng to tướng buông từ trần xuống giữa phòng. Không thấy bóng ai. Không có tiếng đàn tôi thầm mong. Chân dầm nước mưa lâu vừa tê lạnh vừa ngưa ngứa trong đôi dép cao su. Đột nhiên một giọng đàn bà hơi khàn và rất ấm vang sát bên tôi :

- Mưa to lắm. Chắc còn lâu mới ngớt. Hay cháu vào tạm nhà cô đi.

Chút nữa thì tôi va vào cái xe đạp người phụ nữ đang đắt. Quai nón ướt. Tóc ướt. Mắt môi ướt. Một chiếc áo mưa choàng qua ghi đông. Áo mưa thời ấy... Chỉ là một mảnh ni lông thắt nút hoặc trước ngực hoặc sau lưng tuỳ lúc người ta đi bộ hay đi xe đạp. Nói chung chỉ dùng cho có. Có che chắn cẩn thận thế nào thì người dùng cũng bị ướt nửa người. Người phụ nữ nhắc lại câu mời, không vồn vã nhưng rất thân tình. Giọng nói khàn ấm ấy nghe thật yên tâm.

- Cháu cám ơn cô. Xin cô cho cháu trú nhờ ngoài này thôi ạ. Trời mưa... Nhỡ bố cháu đi đón cháu...

... Mưa ngớt dần. Nước ở ống máng mái hiên thôi chảy ào ạt rồi thành dòng nhỏ. Chỉ còn những giọt mồ côi rơi tí tách. Mặt phố không còn thấy bong bóng nước. Đã đi được rồi. Nhưng tôi thấy người phụ nữ đến bên đàn, mở nắp, ngồi xuống. Giọt trầm đầu tiên rung lên, khe khẽ, ngập ngừng...

Chiến tranh đánh phá lần thứ hai. Có vẻ ác liệt hơn lần trước. Cũng có thể là vì tôi lớn hơn và biết sợ nhiều hơn trước. Chúng tôi lại đi sơ tán. Để lại cho Hà Nội những hầm công cộng dài rộng mênh mông, những phố tăng xê ngập nước ngày mưa. Để lại tiếng loa truyền thanh và tiếng còi báo động nghe hết hồn hết vía rú lên từ phía Nhà Hát Lớn...

Rồi chúng tôi lại về. Khâm Thiên đã xây dựng lại. Phố Huế đã xây dựng lại. Bệnh viện Bạch Mai đã xây dựng lại. Hồi ức chiến tranh thường chỉ quẫy cựa khi đi qua Phố Huế. Một đứa lớp tôi chết ở đó. Vệt bom liếm hết nhà nó thì dừng và hôm đó là hôm nó về lấy gạo nuôi em.

Lần này về, tôi đã là học sinh cuối cấp hai. Mẹ đi bộ đi làm, để xe đạp cho tôi đi học và đi chợ. Bố đêm đêm vẽ ở khu triển lãm Vân Hồ. Hết triển lãm này lại đến triển lãm khác. *Triển lãm mười hai ngày đêm Hà Nội (1). Triển lãm Cách Mạng Tháng Mười. Triển lãm chiến thắng 75*... Đấy là việc làm thêm của bố. Hôm bố tuyên bố đã đủ tiền và sẽ mua một cái đài có hẳn bốn chân cả nhà mừng không ngủ nổi. Thôi không phải hóng chương trình phát thanh theo giờ của đài Hà Nội qua cái loa bằng hòn gạch nhà nào cũng lắp. Thôi không phải dặn bà đánh thức tối thứ bảy để nghe tiết mục *Tiếng thơ* với *Đọc truyện đêm khuya*. Sẽ được nghe đài cả ngày. Được nghe chương trình hoà nhạc. Người ta còn chu đáo dẫn giải cho thính giả. *Phiên chợ Ba Tư*... tiếng lạc đà... cái huyền ảo của xứ sở một ngàn đêm lẻ... *Hồ Thiên nga* ... Hoàng tử xuất hiện... Thiên nga gãy cánh... Tôi không được học nhạc và hoàn toàn mù mịt về cái nghệ thuật vô hình này. Nhưng tôi vẫn thích nghe nhạc không lời. Như thế, tôi được thoát hẳn ra những ngày sống này, được bỡ ngỡ về mình... Như đêm nào trên phố mưa...

Mẹ tôi mất. Cái Melodia bốn chân của Nga trông bệ vệ thế mà cứ trở nồm là kêu xẹt xẹt vì tụ ẩm và đến mùa bão thì tịt. Chẳng hiểu vì sao các triển lãm ít hẳn. Bố không kiếm thêm được việc làm, ban đêm ở nhà pha một ấm chè cám uống đủ ba nước, loại chè ba hào một gói bán đầy ở mậu dịch. Chờ chúng tôi xong bài vở bố mới lên giường. Tôi lên đại học. Trường nằm ở ngoại thành. Ngày ngày đạp xe đi về bằng cái xe " cố vấn " mẹ để lại trong tình trạng ăn uống " qua loa " (2) tưởng chẳng còn hơi sức đâu mà để ý đến mặt người mặt phố. Vậy mà qua số nhà xưa vẫn không thể không nhìn. Có cái mới : cạnh cửa ra vào đặt một cái tủ thuốc lá. Bà cụ chuyển chỗ ngồi đan len từ trong cửa ra ngoài cửa. Mấy năm sau thì cái tủ dịch sát ra lề đường. Bên cạnh bà cụ giờ thêm một ông cụ bán vé số. Rồi một người đàn bà nhập bọn. Chắc dân về " mất sức ". Chị ta bán hàng xén. Xà phòng. Thuốc đánh răng. Chun. Khuy. Đủ thứ linh tinh. Đạp xe ngang chỉ thấy xanh xanh đỏ đỏ. Rồi bà cụ sắm được cái ô to che nắng và bên cạnh tủ thuốc lá thấy thêm cục gạch, trên để chai xăng. Lồng chim xưa chẳng biết có còn không. Đạp xe vèo qua, chẳng nhìn thấy mà cũng chẳng nghe thấy. Người phụ nữ chơi đàn xưa tôi cũng không thấy lại lần nào.

Giữa năm sau thành phố mở con đường ngay cuối phố tôi. Chẳng biết người ta đặt cho nó tên gì. Chắc lại tên mấy đồng chí lãnh đạo cao cấp nào của Đảng đã từ trần hoặc hy sinh... Ai cũng quen miệng gọi là Đường Mới từ khi đường chưa thành đường. Phố tôi ào cái đổi lốt. Người xe nườm nượp ngày đêm. Lúc nào ra phố cũng có cảm giác như đêm Noel, hay đêm gần Trung thu cả lũ rủ nhau lên Hàng Mã, hay là áp Tết. Các nhà mặt phố đồng loạt lắp cửa sắt mở cửa hàng kinh doanh. Đủ thứ. Gần chợ cuối phố thì là hàng ăn. Hàng bán quần áo may sẵn kéo suốt khoảng phố có nhà dạy đàn. Nắng cũng như mưa, các nhà căng một tấm vải bạt che đến nửa hè phố. Đi bộ trên hè như xưa mà vướng phải cọc buộc dây chăng bạt của các nhà thì vô phúc. Ngã giập mặt còn bị chửi là đồ không mắt. Tôi đeo kính từ năm lớp bảy. Tự nghĩ phải mình thì họ sẽ nhiếc " lưu manh giả danh trí thức ".

Bà cụ bán thuốc lá và xăng bẵng một dạo không thấy mặt. Chỗ bà cụ bây giờ một ông béo chiếm. Chiều hè tan tầm, ông cởi trần trùng trục, bụng một rổ, trước mặt là cái bơm xe đạp. Chắc bụng to nên tốt tiếng. Giọng ông rền suốt một khoảng phố : " Bơm đây. Bơm xe đây ! ". Một hôm thấy ông chuyển chỗ ngồi và không rao ầm ỹ. Rất nhiều cụ ông cụ bà quần áo tề chỉnh ra vào ngôi nhà có cô giáo dạy đàn, vẻ mặt nghiêm trọng. Rồi thì đám tang. Hình như hội Bảo Thọ phường đứng ra tổ chức. Cô giáo dạy đàn đi sau quan tài, không mặc áo xô mà mặc đồ đen. Đi xe ngang đó, thấy cô gầy hơn và buồn thảm. Vẻ buồn bình tĩnh, đằng đẵng.

Tôi ra trường. Chạy vạy mãi không xoay được chỗ làm đúng nghề. Rồi gặp anh và lấy anh. Bố chồng tôi xin cho tôi một chân văn thư ở phòng hành chính cơ quan bộ ông. May, cơ quan bộ, đánh máy cũng cần ngoại ngữ.

Rồi tôi có con. Thành phố đổi mình từng ngày. Tôi cũng vậy. Toàn bối rối băn khoăn chuyện nhà. Quen sợ dạ lạ sợ nhà. Phải đưa ma ngay cái quạt tai chuột và thỉnh về cái quạt tai voi. Phải phấn đấu mua cái quạt cây Điện cơ (3). Rồi lại phải xoay xở mua lấy cái xe máy. Bé tí đi bộ khắp nơi thì không sao. Nay đi xe đạp, xe máy phóng ào ào qua, tự dưng thấy mệt. Căn phòng bố mẹ chồng tôi cho nằm trong một biệt thự cũ. Nhà xây kiểu Tây, trần cao, lại có lan can rộng nhìn xuống phố. Chồng tôi được một cuộc hội thảo ngắn ngày ở Nhật về bàn vay thêm bố mẹ cơi cái lan can thành bếp và đổ lấy cái gác lửng. Làm chỗ ngủ. " Làm chỗ cho anh cu học sau này. Rồi nhỡ ra anh cu nhà mình yêu sớm lấy vợ sớm ! ". Vợ chồng ngày nọ qua ngày kia hỉ hả, bối rối, tất bật vì đủ thứ kế hoạch.

Cuối tuần cả nhà thu xếp về thăm ông ngoại ở một mình từ ngày chị em tôi lấy chồng. Nhìn phố cách ngày, thấy thay đổi đến chóng mặt. Có nhà đã lên tầng, mặt tiền nhảy không được ba bước mà cũng cửa vòm cứ như bảo tàng Mỹ thuật, và ốp đá đỏ hoa mắt. Nhìn cũng hơn mấy năm trước nhà xây trát granito, mưa mấy hôm trông xam xám nhờ nhờ hệt cái nhà tắm công cộng ở các khu tập thể. Nhưng nhìn kiểu tốt lỏi thế cứ thấy mặt phố lổn nhổn, nhà quê vốn cục.

Biệt thự có ông cụ quanh quẩn quét lá rụng trên lối đi nay không còn sân nữa. Giàn hoa ti gôn quen mắt đã mấy chục năm bị phá trong có non buổi sáng. Cây ngọc lan to cũng bị chặt. Một căn phòng mái bằng xuất hiện. Đường bệ ngự bên trên cánh cửa sắt là tấm biển VANGĐUCTIN dưới có chua hàng chữ nhỏ hơn và có dấu hỏn hoi : Thử vàng bằng máy vi tính. Đi ngang lần nào tôi cũng thấy một gã trai trẻ ngồi sau computer lơ láo ngó ra phố. Còn ở chỗ góc phòng kê xa-lông thì mấy ông mặt mũi rất phổng, đỏ lịm vì bia nói với nhau như quát.

Ngôi nhà của tiếng dương cầm xưa chìm lấp đâu đó đằng sau mấy cây sào giăng đầy quần áo may sẵn nhập lậu từ Trung Quốc. Bà cụ mất rồi. Còn tiếng đàn... Nếu có thì cũng chẳng thể nào nghe nổi. Hà Nội càng ngày càng ồn ào quá thể. Như Sài Gòn những năm 80. Và bụi. Nói chung là nhem nhuốc. Cơi nới loạn xạ. Làm thế nào được. Dù sao thì cũng có thêm một chỗ để đặt cái bếp, hay cái bàn học cho con, chí ít cũng để được giày dép mà không phạm vào diện tích ở vốn eo hẹp. Thì vợ chồng tôi cũng đã mừng rú khi làm được cái gác lửng có đổ bê tông hẳn hoi chia đôi khoảng không gian từ trần xuống nền nhà, và che lại được cái ban công mà không bị ai kiện tụng gì với phường với quận. Nhìn từ dưới phố lên chẳng khác một cái chuồng gà. Nhưng vào nhà thì mới thấy tiện thêm nhiều...

Vậy mà không hiểu sao đôi khi tôi cứ nghẹn ngào, không làm sao dứt đứt ra khỏi lòng dạ những nôn nao của cái thời ngốc. Trưa nay lại thế. Vợ chồng cho con về bên ngoại. Ngang qua khoảng phố có ngôi nhà xưa, tôi bảo chồng dừng xe xuống tìm mua cho con bộ quần áo. Anh cu nhà tôi tháng chín này đi học. Đi lần lần tới số nhà quen thuộc, thấy một cô bé mặt to cả phố khéo chẳng ai to bằng ngồi trông hàng. Cô bé da nhìn không được sáng, vận " đồ bộ " in những bông hoa đỏ to tướng, may kiểu mới, áo ngắn quần phùng trên túm dưới, trông rừng rực. Lơ lửng ngay trên cửa ra vào là cái lồng chim, trong có con vẹt Hồng công. Con chim rực rỡ như chủ, mỏ đỏ, lông xanh pha vàng. Nhưng loài chim này không biết hót.

Cô bé bán hàng ngẩng đầu nhìn tôi, rồi thản nhiên cúi mặt nhìn bàn chân đang đặt trên thành ghế đẩu, tiếp tục giũa móng. Móng chân móng tay cô sơn nhũ đỏ sậm như máu đỉa. Từ dưới khuôn mặt vừa cúi xuống bay lên một câu nói rất ngọt ngào :

- Chị định lấy cái " lào " thì chỉ em lấy xuống cho, khỏi rơi hết hàng em.

Không lơ mơ với những cô bán hàng như thế này được. Tôi mua cho con một cái quần bò. Rồi tự dưng hỏi thăm chủ cũ.

- Bà dạy đàn ấy à ? Thì bà ấy vẫn ở đây. Ở cái phòng trong sân. Nhà ngoài bán đứt cho nhà em rồi. Có thấy học trò học troẹt nào đâu. Mỗi bà ấy ra vào nên cũng không ngăn lối đi riêng làm gì cho mất diện tích...

... Bà ấy ? Ừ ! Cô giáo dạy đàn xưa nay cũng phải già như bà cụ độ nào. Cô giáo cũ của tôi đã về hưu. Cô kiếm thêm bằng việc đưa sữa chua cho hàng giải khát mùa hè, mùa đông thì nhận khâu len...

Mà tôi thì cũng đã ngoài ba mươi tuổi.

Lê Minh Hà

(trích tập ***Trăng Goá*** , NXB Thanh Văn, 1998)

Chú thích :

1. Mười hai ngày đêm Mỹ đánh phá Hà Nội ác liệt, bằng cả B52, trước khi ký hiệp định Paris.

2. " *Đi xe cố vấn, mặc áo chuyên da, ăn uống qua loa* " : câu nói đùa rất thường nghe ở Hà Nội, đặc biệt trong giới sinh viên ở các trường đại học những năm đầu thập kỷ 80.

Xe cố vấn : lốp xe đứt hết tanh, phải lấy dây chun vấn chặt, đi không bon.

Mặc áo chuyên da : cán bộ được phiếu vải năm mét, nhân dân bốn mét, rất khó mua. Áo chuyên da là không áo.

Ăn uống qua loa : ăn uống qua đài.

3. Quạt Điện cơ : quạt do nhà máy Điện cơ Hà Nội sản xuất, rất được ưa chuộng.

DIỄN ĐÀN *forum*

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đỗ ❖ Imprimé par nos soins
Dépôt Légal : 178/91❖ Commission Paritaire : AS 7 324 ❖ Prix : 25 F.

Địa chỉ bưu điện :
BP 50, 92340 BOURG-LA-REINE (Pháp)

Fax :từ Pháp : 01 45 88 54 58 ; quốc tế : 33 1 45 88 54 58

Địa chỉ điện tử (E-Mail) :
diendan_forum@hol.fr

Đại diện ở các nước :

Đức : TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG
Ba Lan : ANNA LE DUC, 03-914 WARSZAWA, ul. Saska 44/19

Thể lệ mua báo : xin coi trang 4

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font ThinArt) hay PC (font VNI, PDT...) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước *Vietnet*)